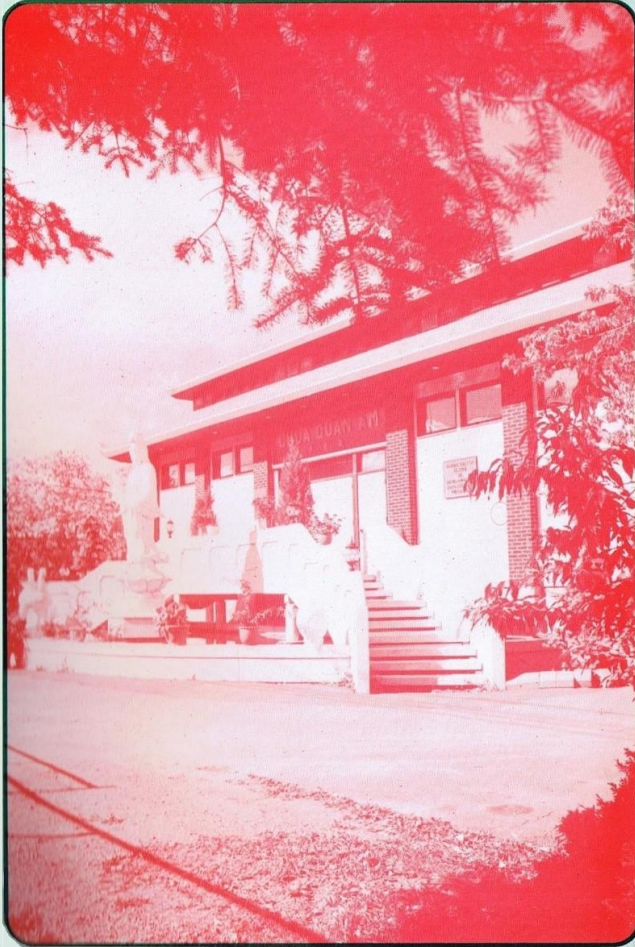


THÍCH NHƯ ĐIỂN
Chùa Quan Âm



HỘI PHẬT GIÁO QUAN ÂM
CHÙA QUAN ÂM
P.L. 2540 - 1996

THÍCH NHƯ ĐIỂN

**CHÙA
QUAN ÂM**

**HỘI PHẬT GIÁO QUAN ÂM
CHÙA QUAN ÂM
P.L. 2540 – 1996**

Ấn Tổng lần đầu 500 quyển
Mùa Vu Lan 2540 – 1996
HỘI PHẬT GIÁO QUAN ÂM
CHÙA QUAN ÂM
3781 Ave De Courtrai
Montréal, Qué, Canada H3S 1B8
Đ.T. : (514) 735-9425

MỤC LỤC

	Trang
Lời vào sách	6
Chương 1: Danh hiệu	10
Chương 2: Tìm lẽ sống	24
Chương 3: Tại sao có sự hiện diện của Thượng Tọa Thích Minh Tâm và của tôi nơi này	33
Chương 4: Ngôi Niệm Phật Đường Quan Âm tại đường Frontenac	41
Chương 5: Ngôi Chùa Quan Âm tại đường De Courtrai...	50
Chương 6: Tăng Sĩ Trụ Trì	111
Chương 7: Tư cách của một người cư sĩ hộ đạo	132
Chương 8: Gia Đình Phật Tử Quan Âm và lớp học Việt ngữ	162
Chương 9: Kết luận	180
Phụ lục: Hình ảnh	191

Lời vào sách

Trong mùa An Cư Kiết Hạ năm nay (1995), tôi đã dành gần một tháng (từ 19-6 đến 14-7-95) đến an cư tại chùa Quan Âm ở Montréal Canada.

Trong những ngày này tại đây quý Phật Tử đã vâng tập về chùa lạy kinh Đại Bát Niết Bàn (mỗi chữ mỗi lạy), thọ Bát Quan Trai, tọa thiền, niệm Phật, thực hành trà đạo theo Nhật Bản và vấn đạo v.v... Đó là một công đức rất to lớn mà quý Phật Tử tại chùa đã hành trì trong thời gian tôi ở lại đây.

Trong tuần lễ đầu, tôi đã lo viết cho xong quyển sách thứ 19 với nhan đề là: "***Vụ án của một người tu'***", một quyển sách tiểu thuyết Phật Giáo, nhưng cốt yếu giới thiệu về nhân sinh quan và vũ trụ quan của Phật Giáo trong cuộc sống đầy oái oăm nghiệt ngã như hiện nay mà người Tăng Sĩ phải gánh vác lấy. Chắc chắn khi sách này được ra mắt quý độc giả xa gần, sẽ có nhiều khuynh hướng và dư luận khác nhau; nhưng dầu bất cứ ở quan niệm nào đi nữa, người viết cũng mong rằng quyển sách sẽ chớ chuyên được tư tưởng của Đạo Phật, nhằm gây một niềm tin trong sự sống, đồng thời cũng đả phá những quan niệm lạc hậu có nhiều người lâu nay đã nghĩ đến Đạo Phật như thế!

Quyển sách dày độ 300 trang viết tay và tôi đã viết trong một thời gian kỷ lục 6 ngày, mỗi ngày 5 tiếng đồng hồ. Quyển sách ấy được viết xong đúng vào ngày 28 tháng 6 năm 1995 cũng nhằm ngày sinh nhật thứ 46 của tôi.

Cũng trong ngày ấy quý Cô, quý Chú tại chùa Viên Giác và ông Dr. Meihorst cố vấn sáng lập chùa Viên Giác tại Đức, đã gửi thư chúc mừng sinh nhật của tôi như thường lệ mỗi năm và trong ấy có đoạn quý Cô, quý Chú viết: "Hôm nay sinh nhật của Thầy chúng con Tăng Ni và Phật Tử chùa Viên Giác có dâng một mâm đèn, trà quả, hoa tâm hướng vọng về Canada để làm lễ khánh tuế Thầy". Riêng ông Dr. Meihorst là Chủ tịch Hội Kỹ Sư toàn cõi nước Đức với 800.000 Kỹ Sư, cũng là một người Đức đã cố vấn cho chùa lâu nay, có gửi cho tôi một điện thư với nội dung là: "Nhân ngày sinh nhật của Thầy, xin cảm ơn phụ mẫu của Thầy đã mang Thầy vào đời và hiện hữu với nhân sinh. Cầu chúc Thầy sống lâu, sức khỏe dồi dào để dìu dắt mọi loài".

Tại chùa Quan Âm hôm đó, quý Bác trong Ban Cố Vấn, quý anh chị em trong Ban Trị Sự và một số quý đệ tử, Phật Tử cũng đã tổ chức mừng sinh nhật của tôi. Trong lời cảm từ tôi đã nói: "Sanh tôi ra là cha mẹ, nuôi tôi lớn lên ăn học thành tài là nhờ vào hạt cơm của Đàn Na Tín Thí. Học hỏi được cái hay cái đẹp của Đời là nhờ ơn Thầy Tổ, sau khi học hành tạm xong. Bây giờ trở lại giúp đời giúp đạo là bổn phận mà thôi. Xin chân thành cảm ơn quý vị và xin tạ dạ ghi ơn, những gì mà quý vị nghĩ đến tôi".

Trong câu chuyện văn của buổi tiệc hôm ấy, quý Đạo Hữu có hỏi tôi là đã làm được gì trong những ngày qua? Tôi có trình bày như trên đã nói và tự thán rằng: Còn đến hơn 2 tuần nữa, ngoài giờ tu tập ra không biết làm gì? Nhân cơ

hội ấy, quý Đạo Hữu và quý Phật Tử đề nghị với tôi rằng: “Thôi! Thầy viết về chùa Quan Âm đi”. Câu nói và lời yêu cầu ấy tuy ngắn gọn; nhưng làm cho tôi cảm xúc vô cùng và tự nhiên thấy mình có bổn phận phải làm việc ấy. Thế là tôi nhờ anh Thị Pháp Huỳnh Phước Bằng sưu tầm tài liệu, bác Nguyễn Thọ Phan Trọng Hàm và bác Lê Huy Nhâm truyền đạt lại sự hiểu biết và kinh nghiệm về chùa Quan Âm để tôi biên thành sách. Thời gian cuối, xin cho tôi biết mọi dữ kiện vào ngày 2-7-95. Đó là lý do tại sao tôi viết cuốn sách này.

Hôm nay (3-7-95) sau thời tụng kinh Lăng Nghiêm và tọa Thiền nơi chánh điện với Phật Tử Thị Nguyễn Huỳnh Ngọc Trọng, tôi trở lại thư phòng bắt đầu viết và mong rằng tư tưởng sẽ chứa chan, sự suy nghĩ được cân nhắc đứng đắn, để những gì được thổ lộ qua ngòi bút này sẽ giới thiệu cho thế hệ bây giờ và mai hậu một tổ chức, một ngôi chùa, một sự hiện hữu của tâm linh trong mọi tâm hồn của người Phật Tử tại Montréal, Canada. Đó là ngôi chùa Quan Âm.

Tôi viết quyển sách này, dựa theo một số tài liệu có sẵn qua báo chí, hình ảnh và đôi khi cũng từ những câu chuyện đàm thoại giữa quý Phật Tử với nhau, nhiều khi khởi đi chính từ quan niệm của tôi, cũng có thể trong tư cách của một người tu, mà cũng có thể trong tư cách của một vị lãnh đạo tinh thần của chùa Quan Âm và Hội Phật Giáo Quan Âm tại đây.

Thượng Tọa Thích Minh Tâm và tôi, trong tư cách lãnh đạo tinh thần; nhưng ở xa xôi quá không đóng góp được trực tiếp gì cho Hội và Chùa nhưng biết đâu, đây sẽ là một hình thức khác để góp phần vào sự phát triển cũng

như duy trì cho chùa Quan Âm tại đây. Nếu có được công đức nho nhỏ nào đó, xin hồi hướng lên Tam Bảo chứng minh và những phước báu ấy xin chia đều đến các Phật Tử xa gần.

Trong tác phẩm này chắc chắn còn rất nhiều khiếm khuyết, hoặc đôi khi vì muốn chứng minh đó là một sự thật, sẽ làm liên lụy đến nhiều người; nhưng nếu có bị chạm tự ái, hoặc có ít nhiều sự việc không trung thực, kính xin quý vị cho tôi nhận lỗi ấy về mình và cũng xin quý vị hoan hỷ xem đó như là một sự hy sinh, một sự cúng dường nho nhỏ lên Đức Phật.

Trời hôm nay nóng quá, ai cũng cảm thấy bức bối; nhưng qua một trận mưa rào chiều hôm qua, cỏ cây đã trở lại xanh tốt và đất đai lại màu mỡ hơn; những bụi bặm của thể trần dương như cũng đã gột rửa được ít nhiều. Sau cơn mưa, gió lại chuyển động làm lay chuyển những hàng cây phi lao và bạch dương chung quanh chùa nhiều hơn nữa, khiến tôi nghĩ ngay đến câu: "Après la pluie, le beau temps" có lẽ cũng đúng lắm. Cái gì của đất trời, xin trả lại nó ở trong trạng thái uyên nguyên, không nên thêm bớt; nhưng dầu có đi nữa, cuối cùng sự thật rồi cũng sẽ trả về cho sự thật.

Cầu nguyện Tam Bảo gia hộ cho tất cả mọi người và mọi loài hãy thương yêu nhau một cách chân thật, để dìu dắt nhau đi sâu vào biển cả tình thương cũng như trí tuệ của chư Phật.

Chương 1

Danh hiệu Đức Quan Thế Âm Bồ Tát

Thông thường ở xã hội Âu Mỹ này trước khi sinh con, cha mẹ phải tự chọn cho con mình 2 tên, một tên nam và một tên nữ và sau khi đứa bé ra đời rồi, phải có tên để khai sinh ngay sau đó. Trong khi đó tại Á Châu mình, nhất là những vùng quê, có nhiều người sinh con ra 9 hay 10 năm vẫn chưa khai sinh cho con và nhiều lúc lại nhớ lộn ngày âm thành ngày dương, nên có nhiều người lớn tuổi, không biết mình sinh ra ngày nào, tháng nào và năm nào cả?

Điều ấy nó cũng có cái hay và cũng có cái dở. Cái hay ở đây là không trọng sự sanh mà trọng ở sự tử. Bằng chứng là có rất nhiều người Việt Nam mình không nhớ ngày sinh nhật; nhưng nếu trong gia đình mỗi năm có bao nhiêu cái đám giỗ và giỗ vào ngày nào, tháng nào quý ông cụ, bà cụ nhớ và kể ra vanh vách. Theo tôi nghĩ, đây là nhờ ảnh hưởng của Phật Giáo. Vì Phật Giáo quan niệm rằng: Chết không phải là hết mà chết mới là bắt đầu của một cuộc sống khác mà thôi. Từ lý do đó, ông bà mình vẫn quý sự tử hơn sự sanh. Nên tại Á Châu ít ăn mừng sinh nhật, ngược lại hay cúng giỗ kỵ để kỷ niệm, nhớ nghĩ về ơn đức của những bậc sinh thành. Có phải như thế mà nhiều người vẫn

thường hay nói: “Đông Tây không bao giờ gặp nhau chẳng”?

Sở dĩ người Âu Châu kỷ niệm ngày sinh vì họ bị ảnh hưởng theo Tôn Giáo của họ, quan niệm rằng sau khi chết là hết; nên họ không để ý đến ngày chết nhiều như người Á Đông của chúng ta. Có nhiều việc mà Đông Tây cũng khó hòa hợp và cũng khó giải thích là đúng hay sai. Ví dụ như việc gọt trái cây chẳng hạn. Người Việt Nam mình, ai cũng cho lưỡi dao ra phía ngoài, trong khi đó người Âu Mỹ khi gọt, lại chĩa mũi dao vào bên trong người. Ai phải, ai trái? Xin cho biết lý do? Dĩ nhiên, mỗi bên đều có lý do để tự biện bạch cho việc làm của mình.

Trong khi người Nhật, người Hồng Kông, Thái Lan, Ấn Độ, Anh, Úc v.v... lái xe đi bên tay trái thì cho là đúng luật; nhưng người Pháp, người Mỹ, người Nga, người Canada v.v... đi bên mặt cho là đúng. Vậy thì ai đúng, ai sai? Quả thật cũng rất khó trả lời.

Có một dạo nọ tôi xem đài truyền hình Đức họ bình luận về cách đi của người Việt Nam mình như sau: “Đến Việt Nam các bạn sẽ khó chọn lựa là nên đi bên nào cho đúng luật: Phải chăng? Trái chăng? Hay là nên đi giữa đường?”, rồi họ chiếu cảnh xe và người chạy tứ tung ngoài đường phố. Đúng là một xã hội Việt Nam vô trật tự.

Trong khi đó, con đường đi vào Đạo Phật là Trung Đạo, Trung Đạo không có nghĩa là con đường ở giữa, ba phải: “Ai làm sao tôi làm vậy. Ai làm vậy tôi làm theo”, mà là con đường không thiên bên tả cũng chẳng thiên bên hữu. Con đường không lệ thuộc về vật chất cũng chẳng phải chỉ bị ảnh hưởng có tinh thần.

Rồi có nhiều việc đáng nói hơn nữa khi người Âu Mỹ khi gặp nhau thì đưa tay ra bắt. Trong khi người Á Châu thì cung tay lại để thủ lễ v.v... Đó là chưa kể đến nhiều phong tục, tập quán, lễ nghi khác nhau. Và chẳng cái gì người ta đã xử dụng lâu đời, cái ấy người ta cho là phải, là đúng? Còn người khác vì chưa quen xử dụng cho nên gọi đó là sai. Do vậy, việc trao đổi, học hỏi văn hóa và phong tục giữa Đông Tây Nam Bắc nó quan trọng lắm.

Một bậc cha mẹ khi mới gọi tiếng gọi đầu đời tên của con mình, do chính mình đặt, chắc cũng còn bỡ ngỡ lắm? Vì lâu nay đâu có quen; nhưng gọi riết sẽ thấy gần gũi.

Tên gọi của một Tổ chức, một Đoàn thể cũng rất quan trọng, nếu người ta có kiêng cử. Nhưng sự kiêng cử cũng tùy theo từng dân tộc mà được thành tựu. Ví dụ người Hoa số 9 là tốt nhất. Trong khi đó người Nhật số 9 là số kỵ. Vì âm Nhật đọc số 9 là "ku"; đồng âm với chữ "ku" là khổ. Người Việt Nam mình chụp hình chữ 3 người. Vì quan niệm rằng người đứng giữa bao giờ cũng phải chết trước, hoặc phải chia ly và xem dấu hiệu 4 người là tốt. Trong khi đó, người Nhật chữ số 4 nhiều nhất. Vì số 4 khi đọc ra âm Nhật là "si" có nghĩa là "tử". Vì vậy trong bất cứ một nhà thương nào, người ta không thể tìm từng lầu số 4 hoặc số 9 hay phòng số 4 và phòng số 9 cũng không có những nơi đáng kiêng cử này.

Người Âu Châu họ cũng có tục lệ cử ngày 13 thứ sáu và họ ít làm những việc quan trọng vào những ngày này. Chẳng qua tất cả đều do tập quán mà thôi.

Có nhiều bậc cha mẹ khi sinh con ra, chọn cho con mình một cái tên thật hay. Điều ấy có ảnh hưởng rất nhiều trong suốt cuộc đời của con mình; nhưng ngược lại, có nhiều cha mẹ không ăn học nhiều, đặt cho tên con cái của mình toàn là tên những loài chim bình thường hay tên để gọi những con vật hoặc các đồ vật thường hay thấy trong nhà. Do vậy, những đứa con này cũng chỉ quanh quẩn nơi ruộng vườn, ít có cơ hội thoát ra khỏi chốn bùn lầy nước đọng để thi thố tài năng của thiên hạ.

Dẫn dụ tất cả những cách đặt tên và phong tục tập quán của Đông Tây bên trên, chỉ nhằm mục để cho ta thấy rằng, chọn cái tên cho một ngôi chùa nó rất quan trọng và từ cái tên đó, ta có thể thăng tiến nhiều hơn nữa.

Trong bài “Cung an chúc sự” đọc nơi lễ khánh thành chùa Viên Giác tại Hannover, tôi có khắc bạch lên chư Tăng rằng: “Đạo do nhưn tạo, Đạo tại Tăng hoằng, Tam Bảo hưng long, Tỳ Ni vi đạo”. Nghĩa là: “Đạo do con người làm ra. Muốn đạo được nổi truyền, phải do Tăng Ni đảm trách. Muốn cho Tam Bảo được thịnh hành, giới luật của Tăng Ni là mạng mạch”. Điều ấy không sai. Tất cả luật pháp ở thế gian này đều vì con người mà làm ra. Đức Phật cũng vậy, sở dĩ Ngài chế giới luật ra, mục đích để bảo vệ con người và thăng tấn con người, không phải làm cản ngăn con người, như có nhiều người nghĩ. Luật pháp cũng như Đạo giáo, do con người xây dựng lên, bắt buộc phải có ngày biến đổi. Muốn cho Đạo ấy được tiếp tục chấn hưng phải đòi hỏi nhiều người tài giỏi, có tu và có học. Muốn cho ba ngôi báu còn tồn tại với thế gian, giới luật là mạng mạch vậy.

Trong 3 ngôi báu Phật Pháp Tăng ấy có chùa chiền, Tăng sĩ tuy hiện tại thuộc về thế gian trụ trì Tam Bảo, nghĩa là 3 ngôi báu này hiện hữu nơi thế gian bằng tinh thần và cả vật chất vậy.

Danh từ Quan Âm hay Quán Thế Âm là một tiếng gọi mà nhiều người Phật Tử Đại Thừa ở Á Châu, trong đó có người Phật Tử Việt Nam rất gần gũi. Nguyên thủy, Ngài là một vị Bồ Tát có hình thù nam nhơn, như người Ấn Độ vẫn hay tôn thờ, nhưng khi qua đến Trung Hoa, Nhật Bản và Việt Nam cũng như Đại Hàn, Ngài đã biến tướng thành người nữ. Vì sao vậy? Vì các vị Tổ Sư tại các nước này, căn cứ theo lời Phật dạy trong kinh Pháp Hoa phẩm thứ 25, Đức Quán Thế Âm có 32 thân và 12 lời nguyện, mà Đức Phật cũng đã ẩn chứng cho biết rằng người nữ cũng có khả năng để thành Phật, nên theo tinh thần Đại Thừa, các vị Tổ Sư đã cho tạc hình Đức Quán Thế Âm Bồ Tát thành người nữ, để người nữ đó tự tin hơn, mau tu chứng đến quả vị giải thoát.

Thiết tưởng nơi đây cũng cần nhắc lại 32 hóa thân của Đức Quán Thế Âm Bồ Tát để chúng ta cảm nhận được lòng từ độ sanh của Ngài.

1. "Phật bảo Ngài Vô Tận Ý Bồ Tát rằng: Nếu có chúng sanh ở nước nào đó muốn thành Phật quả, Đức Quán Thế Âm Bồ Tát liền hiện ra thân Phật để thuyết pháp".

Phật có 3 thân là báo thân, pháp thân và hóa thân hay ứng thân. Nhưng chúng sanh chỉ có một. Đó là nhục thân hay thân này được tạo ra vì nghiệp lực. Điều ấy cho thấy rằng Đức Quán Thế Âm Bồ Tát có đầy đủ biện tài vô

ngại, thần thông diệu dụng để hóa hiện ra thân Phật mà độ khắp cả quần sanh nơi nước đó.

2. “Nếu muốn được thành Bích Chi Phật, Ngài hiện thân ra Bích Chi Phật để thuyết pháp”.
3. “Muốn chúng được quả vị Thanh Văn, Ngài liền hiện ra Thanh Văn để thuyết pháp”.
4. “Muốn chúng đắc Phạm Vương, Ngài hiện thân ra Phạm Vương để thuyết pháp”.

Phạm Vương là bậc phạm hạnh mà Bà La Môn Giáo vẫn tôn thờ. Người Ấn Độ ở giai cấp Bà La Môn tin rằng: Họ là những người sinh ra từ miệng của Bà La Môn. Còn các giai cấp khác sinh ra nơi ngực, nơi bụng và nơi bàn chân của Phạm Vương; nên không có quyền sống cuộc sống bình đẳng với họ. Đức Phật vì thấy điều ấy quá sai trái với chơn diệu nghĩa của Phật pháp, nên sau khi thành Phật rồi, Ngài đi về hướng đông, xoay mặt về cây Bồ Đề, sau khi đã cắm ơn cây Bồ Đề đã che chở Ngài suốt thời gian 49 ngày đêm dãi dầu với mưa nắng, Ngài đã nói tiếp câu nói lịch sử như sau mà ngày nay người ta vẫn còn tạc vào đá quý, dựng nơi Thánh Địa Bồ Đề Đạo Tràng: “Không phải khi sinh ra, người ta tự nhiên thành một Bà La Môn, mà người ta phải làm cái gì đó trong cuộc sống, để chứng tỏ khi chết đi người đó có xứng đáng là một Bà La Môn hay không”. Câu nói lịch sử ấy vẫn còn đây và có lẽ cũng là một câu nói có tính cách so sánh giáo lý của Đức Phật đối với Bà La Môn lúc đương thời.

5. “Muốn được thân Đế Thích, Ngài liền hiện ra thân Đế Thích để thuyết pháp”.

Đế Thích là chủ cõi trời. Tiếng Phạn gọi là Deva, theo kinh sách chép lại rằng vị vua này có 1.000 cung phi mỹ nữ và sống nơi tầng trời thứ 33 để hưởng dục lạc. Khi mãn tuổi thọ cũng sanh làm người. Vì vậy có nhiều người tin rằng Tinh Vân Đại Sư, người sáng lập ra Phật Quy Sơn tại Đài Nam, Đài Loan, Tây Lai Tự ở Mỹ Quốc và cũng chính là tác giả cuốn "Thoát vòng tục lụy" ngày nay người ta đã diễn thành thơ, thành kịch trong vở "Tình duyên tái thế" xem rất ngâm ngùi. Vì Ngài hiện tại có 1.000 đệ tử ni và cuộc sống vật chất của Ngài cũng giống như một vị vua ở cõi trời dục giới này.

6. "Muốn chứng được thân Tự Tại Thân, Ngài liền hiện thân ra Tự Tại Thân để thuyết pháp".
7. "Muốn chứng được thân Đại Tự Tại Thân, Ngài liền hiện ra thân Đại Tự Tại Thân để thuyết pháp".
8. "Muốn chứng đắc được thân Thiên Đại Tướng Quân, Ngài liền hiện thân Thiên Đại Tướng Quân mà thuyết pháp".
9. "Muốn chứng đắc thân Tỳ Sa Môn, Ngài liền hiện thân Tỳ Sa Môn để thuyết pháp".
10. "Muốn chứng đắc thân Tiểu Vương, Ngài liền hiện ra thân Tiểu Vương để thuyết pháp".
11. "Muốn chứng đắc thân Trưởng Giả, Ngài liền hiện ra thân Trưởng Giả mà thuyết pháp".

Trưởng Giả là những bậc hào phú, nhà giàu có, có lòng từ bi thương xót chúng sanh, như ông Trưởng Giả Cấp Cô Độc là một ví dụ, khi Phật còn tại thế, ông đã mua vườn

cây của Thái Tử Kỳ Đà để làm Kỳ Viên Tịnh Xá cho Đức Phật nơi nước Xá Vệ. Chính nơi này Đức Phật đã sống qua 25 mùa An Cư Kiết Hạ và cũng chính nơi đây những bộ kinh điển quan trọng cũng đã được Đức Phật thuyết giảng ra.

12. “Muốn được thân Cư Sĩ, Ngài liền hiện ra thân Cư Sĩ để thuyết pháp”.
 13. “Muốn được thân Tể Quan, Ngài liền hiện ra thân Tể Quan vì người đó mà thuyết pháp”.
 14. “Muốn làm thân Bà La Môn, Ngài liền hiện thân Bà La Môn vì người đó mà thuyết pháp”.
 15. “Muốn được thân Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di, Ngài liền hiện thân ra những vị Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di mà vì họ thuyết pháp.
 16. “Muốn được thân các vị Trưởng Giả, Cư Sĩ, Tể Quan (17), Bà La Môn (18), Phụ Nữ (19), Ngài liền hiện ra thân Phụ Nữ để thuyết pháp”.
- Đây là lời nguyện của Ngài và cũng là ứng thân của Ngài, tùy theo căn cơ và hoàn cảnh để độ. Nhất là đối với người nữ. Họ hay cận kề ngôi Tam Bảo, nên phải hiện thân ra người nữ, để độ họ vào cảnh giới giải thoát.
20. “Nếu muốn được thân Đồng Nam, Đồng Nữ (21), Ngài liền hiện ra thân Đồng Nam, Đồng Nữ mà vì đó thuyết pháp”.
 21. “Nếu muốn hiện các thân Trời, Rồng (23) Dọa Xa (24), Càn Thiệt Bà (25), A Tu La (26), Ca Lầu La

(27), Khẩn Na La (28), Ma Hầu La Già (29), Người (30), Không Phải Người (31), Ngài liền hiện ra những vị ấy để thuyết pháp”.

32. “Nếu muốn hiện Thần Chấp Kim Cang, Ngài liền hiện ra Thần Chấp Kim Cang mà vì đó nói pháp”.

Đó là 32 thân biến hóa của Đức Quán Thế Âm Bồ Tát để tùy cơ hóa độ, không những cõi Người mà còn cho đến cõi Trời, cõi chư Tiên, cõi Phật hay ngay cả cõi Địa Ngục, Ngạ Quỷ, Súc Sanh, bất cứ nơi nào cần đến Ngài, Ngài đều hiện thân ra để độ những kẻ đó.

Ngoài ra Ngài có 12 lời khuyên cũng khá quan trọng đối với Phật Tử Việt Nam chúng ta, nên cũng cần hiểu qua để khi đến chùa, chúng ta thấy có một giá trị an lạc, nhẹ nhàng khi bước vào khỏi cổng Tam Quan.

1. *"Ngài có hiệu là Viên Thông, tên là Tự Tại. Ngài đã phát ra lời nguyện rộng lớn này. Viên Thông chính là phép tu của Ngài, thuộc nhĩ căn viên thông. Nghe và hiểu tiếng kêu cứu đau khổ của chúng sanh, rồi liền đến nơi đó để cứu khổ. Tên của Ngài, ngoài tên Avalokitesvara Bodhisatta, còn có tên là Tự Tại. Khi Ngài thực hành phép trí tuệ, Ngài đã đi sâu vào biển cả của Như Lai như trong kinh Bát Nhã mà chúng ta vẫn thường trì tụng”.*
2. *"Đức Quán Thế Âm Bồ Tát thường hay ở tại Biển Nam, khi có gì xảy ra hãy niệm danh hiệu của Ngài thì không có gì để lo lắng cả. Khi tâm của chúng ta không an, chúng ta cần an. Chỉ có danh hiệu và*

thần lực của chư Phật và chư vị Bồ Tát mới có thể làm cho ta an ổn được”.

Ví dụ khi đi ngang qua một nơi hoang vu, vắng vẻ, ta không tự chủ lấy ta được, phải nhờ vào câu thần chú hoặc danh hiệu Phật để an tâm ta. Đây là chiếc phao tinh thần nhằm cứu vãn biết bao nhiêu khổ đau và tục lụy của chúng sanh.

3. "Ngài có lời nguyện thường hay ở cõi Ta Bà ô trước và vào nơi cõi tối tăm, khi nghe tiếng kêu cứu của chúng sanh thì đến đó để cứu khổ”.

Đúng là lời của bậc từ mẫu. Như người mẹ hiền thấy đàn con dại đang bơ vơ lạc lõng giữa chốn hồng trần, đang lặn hụp trong biển khổ mênh mông, trong cõi vô minh tâm tối; nhưng khi gặp khó khăn gì, niệm đến danh hiệu của Ngài, Ngài sẽ đến cứu.

Chỉ có lòng Bồ Tát mới thâm sâu, diệu vợi như thế. Không phân biệt kẻ thiện, người ác, kẻ trí người ngu. Tất cả đều sẽ được cứu độ, nếu chúng ta nhớ nghĩ đến Ngài.

Một ví dụ cụ thể cho chúng ta dễ nhận chân ra lời nguyện này như sau: Ta và Bồ Tát giống như con và mẹ. Hai mẹ con dẫu ở xa nhau bao nhiêu; nhưng cả hai mẹ con lúc nào cũng luôn nhớ nghĩ đến nhau thì trước sau gì hai mẹ con cũng sẽ có ngày gặp nhau. Đó cũng là xứng với câu: "Hữu cầu tất ứng". Ngược lại, như mẹ ở thật gần con; nhưng con không có ý mong cầu gặp mẹ, thì giữa mẹ và con dẫu gần nhau trong gang tấc; nhưng xa nhau trong muôn trùng. Vì con chối từ sự gặp gỡ mẹ. Lỗi ấy ở chúng sanh của chúng ta chứ không phải nơi lòng Bồ Tát.

4.- *"Ngài có tâm nguyện là hàng phục ma quân, trừ dẹp yêu quái và hay trừ khử được những nguy hiểm ấy".*

Ma đây cũng chính tại nơi tâm ta, mà cũng có thể do ngoại cảnh gây ra. Khi nào những ma chướng ấy nổi lên, ta có ý khẩn cầu thì Bồ Tát sẽ đến và chỉ cho ta lối thoát ra khỏi những khó khăn hiểm trở này.

5. *"Ngài trên tay có cành dương và một bình nước cam lồ, cốt để rửa tâm cho chúng sanh".*

Ồi cao quý biết bao! Chúng sanh bị trôi lăn trong vòng sanh tử đã mấy độ luân hồi rồi. Bây giờ Ngài dùng cành dương, tượng trưng cho tánh từng thiện chúng sanh, nhúng vào dòng nước thanh lương, ngọt dịu để rải lên thân tâm của chúng sanh, nhằm rửa sạch những phiền não của kiếp luân hồi.

Trong các chùa Việt Nam và Trung Hoa, chúng ta thấy hình ảnh này của Đức Quán Thế Âm nhiều nhất. Hình tượng của Ngài có nhiều loại khác nhau, như Quán Âm ngàn tay, ngàn mắt, Quán Âm Nam Hải, Quán Âm 12 đầu, Quán Âm đầu ngựa v.v... và v.v... Nhưng hình ảnh gần gũi nhất với Phật Tử Việt Nam chúng ta là "Quán Âm thanh tịnh, bình thù, dương liễu".

6. *"Ngài có tấm lòng từ bi, hỷ xả và hay cứu giúp chúng sanh trong tâm nguyện bình đẳng".*

Đây là 4 đức tính rất cao quý của các vị Bồ Tát thực hành Tứ Vô Lượng Tâm. Khi đã cứu người rồi, không còn phân biệt kẻ thân người sơ, kẻ thù, người lành. Tất cả đều bình đẳng với nhau trước cơn nguy hiểm cũng như cả sự sống lẫn sự chết.

7. " *Đức Quan Thế Âm Bồ Tát, Ngài có lời nguyện rằng: Ngày đêm không ngừng nghỉ muốn cứu giúp 3 cõi khổ là: địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh*".

Ôi! Lòng từ bi bao la của một bậc Bồ Tát. Những chúng sanh, sanh ra trong cõi Ta Bà này vốn có nhiều nghiệp chướng, làm người đã khó. Nghe Phật Pháp lại còn khó hơn. Thế mà chẳng may còn rơi vào trong 3 đường dữ ấy, biết đời nào mới thấy được ánh sáng Phật pháp. Thế mà, Ngài đã mở rộng lòng từ để độ khắp chúng sanh, dẫn cho những chúng sanh ấy đang lâm vào trong cảnh khổ khó ra này.

8. " *Nên hướng về nơi Ngài cư ngụ để lễ bái thì mọi sự trôi buộc đều được cởi mở, giải thoát*".

Nếu chúng sanh nào tự biết mình đang bị ràng buộc, dầu bất cứ dưới hình thức nào và dầu ở cõi nào đi chẳng nữa mà đã có lòng nhớ nghĩ, kêu cứu đến Đức Quan Thế Âm Bồ Tát thì mọi sự trôi buộc đều được giải thoát.

9. " *Ngài thường hay lái thuyền pháp, đi chu du qua biển khổ để độ hết tất cả mọi loài*".

Đây có lẽ là lời nguyện mà mọi người Việt Nam của chúng ta, nhất là những người tỵ nạn, ngao du trên biển cả, chịu đói, chịu khát, thập tử nhất sanh, nếu có kêu cứu đến Ngài, chắc Ngài đã ứng hiện?

Trong hơn 2 triệu người bỏ nước ra đi sau năm 1975 ấy, chắc cũng đã có nhiều người kêu cứu đến Ngài. Vì thế danh hiệu của Ngài, không xa lạ gì với sự khổ đau chông chất của dân tộc Việt Nam chúng ta mãi.

10. " *Ngài cũng có lời nguyện khi chúng sanh lâm chung, niệm đến danh hiệu Ngài, thì Ngài sẽ mang*

Tràng Phan và Bảo Cái đến để tiếp dẫn về cảnh Tây phương Cực Lạc”.

Không thấy vị Bồ Tát nào có lòng quảng đại như vậy. Trong khi sống, nếu gặp khó khăn, cứu kêu cứu Ngài, Ngài sẽ đến. Nếu đến ngày nào đó lâm chung, ai thành tâm kêu cứu Ngài, Ngài sẽ đến rước về cảnh giới của Đức Phật A Di Đà.

11. "Khi đã về được cảnh giới của Đức Phật A Di Đà rồi, chúng sanh sẽ được Đức Phật A Di Đà thọ ký cho”.

Thọ ký có nghĩa là ấn chứng, để biết rằng chúng sanh còn tu bao nhiêu lâu nữa mới thành Bồ Tát hoặc thành Phật.

12. "Có pháp thân thanh tịnh vô khú vô lai không gì so sánh được, đây cũng là lời nguyện thứ mười hai. Nếu ai thành tâm niệm đến danh hiệu Ngài”.

Trên đây chúng ta đã lược qua 32 ứng thân của Đức Bồ Tát và 12 lời nguyện của Ngài. Quả là một bậc Bồ Tát rất gần gũi với chúng sanh trong cõi Ta Bà này.

Đã sanh ra làm người Việt Nam chẳng biết đó là một phước lớn hay một cộng nghiệp? Nhưng đã làm người Việt Nam, ai trong chúng ta cũng không thể chối cãi rằng quá khổ đau. Nơi đất liền, trên núi rừng, ngoài biển cả, trên sông sâu, nơi đâu cũng có tiếng kêu cầu, cho đến khi định cư, đời sống vật chất tương đối yên ổn rồi; nhưng sự đau khổ đâu đã vơi! Hình ảnh Đức Quan Thế Âm Bồ Tát vẫn còn trong tâm tưởng của mọi người con Phật.

Do đó lập chùa với danh hiệu QUAN ÂM cũng là ý nguyện của Phật Tử nhằm xoa dịu vết thương lòng mà con

dân Việt Nam chúng ta trải qua chiều dài của lịch sử đang mang lấy thảm họa này.

Và chẳng:

*"Đã mang lấy nghiệp vào thân
Cũng đừng trách lẫn trời gần trời xa
Thiện căn vốn tại lòng ta
Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài".*

Cụ Nguyễn Du cách đây hơn 200 năm đã nói rõ cho chúng ta biết điều đó, thì giờ đây nơi cõi xa xăm này, hướng về quê mẹ thân yêu, ngôi chùa Quan Âm tại đây đã thể hiện trọn vẹn ý nghĩa ấy.

Chương 2

Tìm lẽ sống

Ngày 30-04-1975 dân Việt Nam chúng ta như bầy chim vỡ tổ. Kê tìm đường lên trời, bay đi các xứ tự do. Người lao mình ra biển cả, thách thức với tử thần. Người vào tận rừng sâu để giữ tròn lời thề sông núi. Có người đã thỏa tròn nguyện ước; nhưng cũng có lắm kẻ không may bị sóng biển mưa nguồn làm cho thân thể chôn vùi vào lòng đại dương sâu thẳm. Bao nhiêu nước mắt, bao nhiêu nụ cười hòa chung với bao nhiêu sự ngạo nghễ đắc thắng của đối phương trên dãy giang sơn gấm vóc có hình cong như chữ S đó.

Biết bao nhiêu giấy mực đã diễn tả nỗi khổ đau chồng chất của dân tộc Việt Nam rồi, thiết tưởng cũng không cần tìm lại vết thương lòng làm gì cho tủi hổ; nhưng thiết nghĩ, lịch sử vẫn là lịch sử. Lịch sử chứng minh cho sự thật; nên không thể trốn tránh sự thật được. Vì thế mà đã 20 năm trôi qua, tiếng súng vẫn im bật nơi quê nhà xa thẳm ấy; nhưng lòng người nơi đây vẫn còn sôi sục lửa hận thù, vì chiến tranh, hòa bình, độc lập, chỉ là những danh từ hoa mỹ, chính những danh từ này đã làm cho huynh đệ người Việt Nam, quê hương Việt Nam càng ngày càng thêm đổ nát.

Nhân ngày 30-4-1995 năm nay, khi tham dự cuộc mít-ting tại công thành Brandenburg ở Berlin, nơi kỷ niệm khai phóng tù ngục, tôi đã phát biểu rằng: Trong quá khứ vì lầm lỗi, những thế hệ đàn anh của chúng ta hay của chính chúng ta đã theo Pháp, theo Nga, theo Mỹ, theo Tàu, theo Nhật v.v... nhưng cuối cùng rồi đã được những gì? Quê hương chúng ta chẳng được gì cả. Chỉ có bom đạn của ngoại bang gây nên tang tóc cho dân tộc mình và ý thức hệ quốc cộng đã làm cho chúng ta càng ngày càng xa lánh nhau hơn. Vậy giờ đây chúng ta hãy trở về với tình tự của dân tộc. Nơi đó chỉ có tình thương chứ không hận thù, nơi đó chỉ có tha thứ cho nhau, không có tị hiềm gây chiến, thì mới mong Việt Nam chúng ta tiến bước kịp với các nước Á Châu ngày nay.

Thiết tưởng lời phát biểu ấy vẫn và sẽ còn có giá trị mãi mãi cho quê hương chúng ta sau này. Những ai là nhà lãnh đạo chính trị của quê hương mình nên nhớ rõ ván bài của lịch sử.

Khi ra đi năm 1975 nhiều người đã không mang theo được gì cả, giống như lúc mới chào đời trong 3 tiếng khóc o e khi vừa lọt lòng mẹ, thì giờ đây cũng thế. Đến một đất nước nào đó họ cũng sẽ cố gắng gầy dựng lại trong 10 năm, 20 năm, 30 năm, họ cũng sẽ có được; nhưng rồi một mai kia chúng ta cũng phải ra đi, trả lại những gì của núi về cho núi, những gì của sông về cho sông, những gì của gió về cho gió và những gì của lửa về cho đất trời vạn vật. Đời vốn vô thường và khổ đau chông chắt; nhưng nghiệp lực thì không tha thứ cho chúng ta. Nó cứ bám víu theo hoài, suốt đến không gian vô cùng và thời gian vô tận. Vì vậy,

khi người Việt đến đâu là lo tạo dựng chùa chiền để làm nơi di dưỡng tinh thần.

Sau khi tình giặc chiến chinh, người Việt nhất là người Việt Phật Tử đã ngồi lại với nhau để nhớ lại cội nguồn và trong ấy hình ảnh ngôi chùa sao mà khó quên quá như câu thơ của Hồ Dzếnh đã diễn tả:

*"Quê tôi có gió bốn mùa
Có trăng giữa tháng có chùa quanh năm
Chuông hôm gió sớm trăng rằm
Chỉ thanh đạm thế âm thầm thế thôi
Mai này tôi bỏ quê tôi
Bỏ trăng bỏ gió chao ôi bỏ chùa"*

Sao mà quê hương mình đẹp quá nhỉ? Đến đây, nơi xứ vắng mình vật chất này cái gì cũng có nhưng tại sao mái chùa không có được? Nơi đó chính là cái tình tự của dân tộc mà.

Thế là kẻ chung tiền của, người đóng góp công sức mới dựng xây nên. Hai ngôi chùa đầu tiên được xây dựng tại ngoại quốc vào thời điểm 1976, 1977 là ngôi chùa Liên Hoa ở Canada và ngôi chùa Pháp Hoa tại Marseille, Pháp quốc do Hòa Thượng Thích Thiền Định trụ trì.

Ngôi chùa Liên Hoa nằm bên bờ sông St-Laurent có dòng nước chảy hiền hòa bao bọc cư dân của 2 miền Montréal và Brossard, như gợi lại một hình ảnh quen thuộc nào đó tại quê hương mình.

Đầu tiên một số Phật Tử hữu tâm đã xây dựng nên ngôi chùa này, có mái cong, có Phật điện. Bên ngoài có

dựng tượng Quan Âm lộ thiên, đứng nhìn ra bên đường như có ý hồi tưởng lại con đường đi tìm tự do đã được Đức Quan Thế Âm Bồ Tát cứu độ. Chùa không lớn lắm. Thuở bấy giờ có thể dung chứa được chừng 150 người cả tầng trên lẫn tầng dưới. Sau này chùa mới thêm phần Phật điện nên rộng rãi khàng trang hơn và cũng đã xây dựng được bảo tháp để thờ tro cốt cho các Phật Tử quá vãng nữa.

Ngôi chùa này do các Phật Tử hữu tâm đóng góp lại xây dựng và lúc bấy giờ chưa có một vị Thầy nào về đây trụ trì cả. Kể từ đó đến nay có một số vị như Thượng Tọa Thích Trí Hiền, trước đây đã du học bên Nhật, sau qua đây ở một thời gian. Hiện tại Ngài là Viện Chủ sáng lập chùa Pháp Quang tại Dallas, Mỹ quốc. Một trong những chùa to lớn và đẹp nhất xứ Mỹ hiện nay. Sau đó Hòa Thượng Thích Tâm Châu, lúc bấy giờ Ngài đang ở Pháp và Đạo Hữu Nguyễn Bình Tuyên có giới thiệu Thượng Tọa Thích Thiện Nghị đang ở bên trại tỵ nạn qua ở chùa Liên Hoa.

Thế là Phật Tử tại Canada có đầy đủ túc duyên vào cuối năm 1979, đầu năm 1980 đón được Thượng Tọa Thích Thiện Nghị và Ni Cô Quảng Oánh về ngôi chùa đầu tiên này để cư ngụ.

Sau một thời gian cư ngụ tại chùa Liên Hoa, Thượng Tọa và Ni Cô cùng một số quý Phật Tử có ý dọn đi một nơi khác để làm một Niệm Phật Đường. Có lẽ lúc bấy giờ giữa Ban Trị Sự và Thầy có nhiều điểm không vừa ý nhau.

Đây là một vấn đề hết sức tế nhị mà từ năm 1972 đến nay, khi tôi có mặt tại ngoại quốc cho đến lúc này (1995), hơn 23 năm trường đã gặp phải và đã chứng kiến rất nhiều; nhưng mỗi một nơi có một lý do, không thể nêu hết

lên đây được; nhưng tựu chung, tôi thấy những lý do được nêu ra, không có lý do nào quan trọng hết cả. Vì quý Thầy, mục đích cao cả của họ là hoằng dương chánh pháp, phổ độ quần sanh. Còn mục đích của Phật Tử là hộ trì Tam Bảo. Hai mục đích ấy đẹp đẽ quá, sao mà nó khó gặp nhau vậy? Phải chăng phương tiện đi đến mục đích ấy có nhiều khác biệt sao?

Đọc lại tờ giai phẩm Tam Bảo số phát hành ngày 25 tháng 01 năm 1981 nơi trang 4 trong phần thơ ngỏ do Thượng Tọa Thích Thiện Nghị ký và gửi đi ngày 28 tháng 10 năm 1980 để thông báo về thành phần Ban Trị Sự và Nội Quy gồm những điểm chính như sau:

“Chúng tôi trân trọng giới thiệu với quý vị Cộng Đồng Phật Giáo Quốc Gia Việt Nam (CDPGQG VN) tại Canada vùng Montréal đã được thành lập ngày 5-10-1980. Chúng tôi hy vọng hợp tác chặt chẽ với quý Hội và cơ sở bạn để góp phần vào công tác bảo tồn và phát triển nền văn hóa Việt Nam dựa trên truyền thống quốc gia của dân tộc.

1) Diễn tiến thành lập:

- Một Đại Hội bất thường của Phật Tử đã được tổ chức vào ngày 5-10-1980 tại Niệm Phật Đường Tam Bảo để thảo luận và thông qua Bản Điều Lệ (gồm 7 chương, 4 mục, 26 điều) và bản Nội Quy (gồm 7 chương, 4 mục, 34 điều và 2 phụ lục).

- Cũng cùng ngày nói trên, Ban Trị Sự đã được bầu để điều khiển Hội.

- Lễ ra mắt (theo nghi thức tôn giáo) đã được tổ chức dưới sự chứng minh của Thượng Tọa Trụ Trì Niệm Phật Đường kiêm Hội Trưởng cùng với đồng bào Phật Tử.

2) Giới thiệu 2 điều căn bản của Nội Quy

- Điều 2 (Chương một)

Mục đích của Hội là bảo tồn và truyền bá chánh pháp của Phật Đà, dựa theo truyền thống quốc gia của dân tộc Việt Nam.

Giúp đỡ Phật Tử sống trong tinh thần Bi-Trí-Dũng của Phật Giáo. Hỗ trợ mọi hoạt động phù hợp với đường lối và mục đích của Hội.

- Điều 23 (Chương 4)

Các giấy tờ dùng để làm văn thư của Hội, phải in huy hiệu phía bên trái (bánh xe pháp luân 12 cãm, ở giữa lá Quốc kỳ cờ vàng 3 sọc đỏ và Đạo kỳ, cờ Phật Giáo Thế giới). Trong các buổi họp định kỳ và bất thường của Ban Trị Sự, toàn Ban phải niệm Phật trước khi bắt đầu phiên họp. Trong các Đại Hội hoặc trong các lễ lớn có tính cách công cộng: phải trần thiết Quốc kỳ (bên phải), cờ Phật Giáo (bên trái): từ trong nhìn ra, phải cử Quốc ca (bài *Này công dân ơi...*), Đạo ca (bài *Phật Giáo Việt Nam*) và niệm 3 lần danh hiệu Đức Bổn Sư.

3) Ban Cố Vấn và Ban Trị Sự nhiệm kỳ 1980-1982:

- Ban Cố Vấn:

Cư sĩ Nguyễn Bình Tuyên

Cư sĩ Đặng Tấn Nam

Cư sĩ Nguyễn Hữu Đức

Cư sĩ Nguyễn Văn Đước

- Ban Trị Sự:

Hội Trưởng: Thượng Tọa Thích Thiện Nghị (đương kim Trụ Trì Niệm Phật Đường Tam Bảo)

Phó Hội Trưởng Nội Vụ: Cư sĩ Lê Quang Minh

Phó Hội Trưởng Ngoại Vụ: Cư sĩ Phan Trọng Hàm

Tổng Thư Ký: Cư sĩ Nguyễn Hữu Cư

Phó Tổng Thư Ký: Đh. Huỳnh Phước Bằng

Thủ Quỹ: Cư sĩ Việt Cường

Kiểm soát tài chánh: Đh. Vương Quốc Tuấn
và 9 Trưởng Tiểu Ban khác".

Trụ sở của Hội lúc bấy giờ đặt tại Niệm Phật Đường Tam Bảo số 2570 Sherbrooke Est, Montréal, Québec, Canada H2K 1G2 - ĐT.: (514) 523-8508

Nhìn vào Nội Quy và thành phần Ban Cố Vấn và Ban Trị Sự thấy rất phong phú và hùng hậu. Vì tôi không hiện diện tại Canada nên tôi không biết rõ từng vị một. Tuy nhiên những vị sau đây tôi cũng đã tiếp xúc rất nhiều lần trong suốt 15 năm qua.

Cụ Nguyễn Bình Tuyên là Cố Vấn thuở bấy giờ; nhưng những nhiệm kỳ sau của Hội Phật Giáo Quan Âm, cụ là Hội Trưởng, một nhà báo, nhà văn, nhà nho và là một Phật Tử thuần thành, trung kiên với Đạo. Ngày 11 tháng 7 năm 1995 này là tuần bách nhật của cụ. Cụ đã ra đi rồi; nhưng công đức của cụ đã gây dựng, tham gia và đóng góp cho Hội Phật Giáo Quan Âm chắc rằng ai là người Phật Tử tại đây sẽ không bao giờ quên được.

Đạo hữu Đặng Tấn Nam có thời gian làm công quả tại Niệm Phật Đường ở Frontenac, sau khi dời về chùa mới vào cuối năm 1984, Đạo hữu có phụ lễ một thời gian; nhưng nay đã vắng bóng, không thường xuyên tới chùa như xưa nữa. Đạo hữu Nguyễn Văn Được cũng thế, nay đã ra người thiên cổ. Còn Đạo hữu Nguyễn Hữu Đức là ai tôi không biết, chỉ biết Đạo hữu Trần Văn Đức cựu sáng lập viên chùa Quan Âm cũng đã ra đi vào cuối năm 94 rồi.

Thượng Tọa Thích Thiện Nghị trong những năm trước đây, khi đến Canada tôi có ghé chùa Tam Bảo để đánh lễ Ngài và chính Thượng Tọa Thích Thiện Nghị cũng đã đặt giùm Đại Hồng Chung và Trống Bát Nhã cho chùa Viên Giác

tại Đài Loan và hiện tại chùa Viên Giác ở Đức có được những pháp bảo này là nhờ ơn đức của Thượng Tọa vậy.

Phó Hội Trưởng Nội Vụ: Cư sĩ Lê Quang Minh cũng là một trong những Đạo hữu sáng lập chùa Quan Âm. Nay cũng đã ra người thiên cổ. Mấy năm trước đây khi còn sống, Đạo hữu thường hay chống gậy đến chùa lễ Phật và thăm Thượng Tọa Thích Minh Tâm cũng như chúng tôi mỗi khi có dịp ghé lại chùa Quan Âm.

Hình ảnh của những cụ già ngày xưa và nay sao nó khắc sâu vào trong tâm khảm tôi nhiều quá. Vì lẽ tôi biết rồi mình cũng sẽ già, sẽ chết; nhưng không biết là có thể làm được như cụ đã làm cho đời cho Đạo chăng?

Phó Hội Trưởng Ngoại Vụ: Cư sĩ Phan Trọng Hàm là một cựu Luật sư và cũng là một sáng lập viên của Hội Phật Giáo Quan Âm. Nay ở tuổi gần 80. Tuy nhiên vẫn hỗ trợ hết mình cho mọi công việc Phật sự nơi đây.

Tổng Thư Ký: Cư sĩ Nguyễn Hữu Cư. Đạo hữu Cư cũng là sáng lập viên Hội Phật Giáo Quan Âm sau này; nhưng về già không quen với giá buốt của Canada, nên đã dọn đi Mỹ từ mấy năm về trước.

Phó Tổng Thư Ký: Đạo hữu Huỳnh Phước Bằng, anh là một Kỹ sư và sau có quy y với tôi, có pháp danh là Thị Pháp.

Thủ Quỹ: Cư sĩ Việt Cường tức Đạo hữu Lê Văn Thu, người rất có công với Đạo, năm nay tôi gặp lại Đạo hữu Lê Văn Thu, khi đi phải nhờ đến xe đẩy? Quả thật cuộc đời này làm sao lường được với sự vô thường.

Kiểm soát Tài chánh: Đạo hữu Vương Quốc Tuấn. Đạo hữu này hình như tôi chưa được gặp. Như vậy cả thầy 11 người trong Ban Cố Vấn và Ban Trị Sự cũ tôi đã quen được đến 9 vị rồi.

Ngày xưa khi nàng Kiều gặp lại Kim Trọng sau 15 năm lưu lạc giang hồ đã hổ thẹn, đã tự trách mình là không xứng đáng với tấm lòng cao thượng của Kim lang. Còn đây, sau 15 năm nổi trôi theo vận nước, quý Ngài, quý vị đã xứng đáng là những bậc Trưởng Tử của Như Lai và những Phật Tử đã dày công hộ Đạo.

Thế nhưng vào tháng 11 năm 1981, trụ sở tại Sherbrooke bị đóng cửa bất ngờ ngoài ý muốn (theo tin Mừng Lễ Vu Lan Đinh Mão 8-1987, trang 30 đã đăng). Tôi chẳng hiểu vì lý do gì. Hỏi ra mới biết: “Đủ duyên thì hợp, thiếu duyên thì tan”. Tôi chỉ biết nói thăm hai chữ “như thị” mà thôi.

Chương 3

Tại sao có sự hiện diện của Thượng Tọa Thích Minh Tâm và của tôi nơi này

Có nhiều vị Phật Tử tại Canada muốn hiểu câu chuyện này; nhưng cũng có nhiều vị không muốn hiểu, vì xem như sự hiện diện của chúng tôi tại đây là một chuyện tự nhiên, không có gì thắc mắc cả. Tuy nhiên để truy cứu ngọn ngành cho có mạch lạc, tôi xin trả lời về vấn đề này như sau.

Thượng Tọa Thích Minh Tâm đã du học ở Nhật từ năm 1967 cho đến 1973. Còn tôi ở Nhật từ năm 1972 đến 1977. Trong thời gian hơn một năm ấy tôi đã biết Thượng Tọa Thích Minh Tâm. Lúc bấy giờ Thầy ấy làm Chi Bộ Trưởng Chi Bộ Phật Giáo Việt Nam tại Nhật Bản. Tại đây quý Thầy vẫn thường liên lạc nhau và thỉnh thoảng có những vấn đề gì quan trọng thì hay họp nhau lại để bàn bạc. Thử bấy giờ có quý Thầy như: Thượng Tọa Thích Chơn Thành, Thượng Tọa Thích Nguyên Đạt (nay ở Hoa Kỳ), Thầy Chơn Minh (nay là Sư Huynh Chơn Minh ở Hoa Kỳ), Thầy Giác Thiện (hình như vẫn còn ở lại Nhật), Thầy

Như Tạng (hiện ở Úc), Thượng Tọa Thích Minh Tuyên (nay vẫn còn ở Nhật) và tôi đã có mặt trong Chi Bộ ấy.

Quý Thầy thường tụ tập nơi chỗ Thượng Tọa Thích Minh Tâm, hoặc chùa Phật Giáo Nhật Bản ở Sibuya hoặc Joenji ở Shinjuku để họp. Tôi xem Thầy Minh Tâm như lớp đàn anh cả và hơn nữa, nhiều khi tôi nghĩ Thầy ấy như lớp Thầy dạy học của mình. Vì Thầy ấy có nhiều người học trò cũng cỡ tuổi tôi. Tôi thấy Thầy ấy xứng đáng ở bậc anh cả này, nên đã cộng tác và chia xẻ công việc của Thượng Tọa Minh Tâm và ngược lại Thượng Tọa cũng đã giúp tôi trong vòng 23 năm nay. Đúng là một đoạn đường dài.

Năm 1973 Thầy sang Pháp, còn tôi năm 1977 lại sang Đức. Pháp và Đức không xa mấy, chỉ các nhau 10 tiếng đồng hồ xe hơi, xe lửa hoặc 1 tiếng rưỡi máy bay đi từ Hannover đến Paris, nên đã có dịp liên lạc thường xuyên với Thầy ấy.

Năm 1977 chùa Khánh Anh đã dọn về Bagneux, nơi có chùa Khánh Anh trong hiện tại và năm 1979 mới xây cất chánh điện chùa Khánh Anh và năm nay vào ngày 18 tháng 6 năm 95 vừa qua Thượng Tọa đã làm lễ đặt đá đầu tiên xây chùa mới Khánh Anh cách Paris chừng 30 cây số.

Những năm 78, 79 và kể cả 80, mỗi lần Thầy ấy đi đâu, thường hay nhờ tôi sang Paris để trông chùa cho Thầy. Lúc bấy giờ vì bên Đức mới thành lập Niệm Phật Đường Viên Giác nên công việc còn rảnh rỗi lắm, mặc dầu tôi cũng có học thêm ở Đại Học; nhưng cuối tuần hoặc nghỉ hè tôi đều có thời giờ cho Phật sự này. Khi qua làm Phật sự tại Paris, tôi quen một số Phật Tử và chính số Phật Tử này cũng đã hộ trì cho chùa Viên Giác đến tận ngày nay không ngừng nghỉ.

Năm 1978, nếu tôi nhớ không lầm vào khoảng mùa Thu, Thầy Minh Tâm bận đi dự Đại Hội Phật Giáo Thế Giới tại Tokyo (thuở bấy giờ Thầy Bảo Lạc, Thầy An Thiên và Thầy Minh Tuấn vẫn còn ở đó), tôi lại có dịp lại sang Paris thay thế Thầy độ 2 đến 3 tuần lễ. Khi tôi ở chùa Khánh Anh tôi cũng đã làm những công chuyện như ở Niệm Phật Đường Viên Giác vậy. Nghĩa là sáng sớm dậy công phu, tối tụng niệm hoặc giảng pháp. Lúc bấy giờ có một số quý Phật Tử tụ tập hằng ngày để học chuông mõ hoặc học hỏi giáo lý.

Lúc ấy tại Pháp cũng chưa có quý Thầy nhiều, nên công việc ma chay tang lễ, cưới hỏi đều dồn vào chùa Linh Sơn, Quan Âm, Tịnh Tâm hoặc Khánh Anh. Một hôm nọ có lẽ là ngày 10 tháng 10 năm 1978 có một cú điện thoại báo tin có một đám ma. Tôi có trả lời với đầu dây bên kia là: Tôi đang thay thế cho Thầy Minh Tâm, tôi có thể lo vấn đề nghi lễ được.

Chiều hôm đó, một bà cụ có vẻ phúc hậu đã đến chùa với một người đàn bà khác, đưa hết tên tuổi của gia đình để tôi xem ngày chôn cất cũng như coi những tuổi kỵ trong gia đình. Thú thật lúc ấy tôi cũng bối rối. Nếu tính tuổi đời, lúc ấy tôi mới 29 tuổi, tuy đã tốt nghiệp Đại Học, nhưng trong trường đâu có ai dạy môn này. Tuy nhiên tôi vẫn lật lịch để xem ngày tốt xấu. Sau này Thầy Minh Tâm về, tôi mới hỏi về những ngày kiêng kỵ ra sao để sau này còn coi cho các đám khác nữa.

Mấy ngày sau tôi được đón đến một nhà quàn để làm lễ phát tang và tụng kinh tại đó. Đến đây tôi biết chắc rằng mình đã gặp một đám ma nhà giàu rồi, vì cách ăn mặc và

tổ chức tang lễ. Tôi không mừng vui về việc này, ngược lại tôi đâm ra bực bội, vì lâu nay tôi không thích người giàu có và quyền thế.

Trong suốt thời gian làm lễ tôi thấy mấy người con trai và con gái bu quanh, săn sóc một mệnh phụ ở tuổi lục tuần. Trông những người con này rất có hiếu với mẹ.

Khi đi chôn tôi đã đi chung xe Bus của gia đình đã mượn cho thân nhân và bằng hữu đi đưa đám. Lúc về lại gần chùa Khánh Anh, bà mệnh phụ này níu áo tôi và khóc lóc thảm thương, trách trời, giận Phật và bảo rằng: Làm sao chồng tôi ăn ở hiền lành vậy mà vẫn số thế? Có phải vì ông nhà tôi đã làm phước và khắc tên vào quả hồng chung, cúng chùa Liên Hoa bên Canada nên bị chết sớm chăng? Tôi đã nói cho bà nghe về vô thường, về khổ, không và vô ngã và lúc ấy tự dưng tôi cảm nhận rằng: Bà này chẳng hiểu gì về Phật Pháp hết, nên mới trách Phật như thế. Chẳng qua những người sinh ra trong đời này, hoặc mất đi chỉ vì lý do nghiệp lực mà thôi.

Sau khi chôn xong, gia đình có vào chùa làm lễ tạ, có gởi cho tôi một phong bì công đức, một phong bì khác cúng chùa Khánh Anh và một cái cặp da màu nâu mà người con trai trưởng đã trịnh trọng mang đến bên tôi. Tôi cảm ơn họ và nhận những lễ vật kia.

Tuần thất thứ nhất cúng tại chùa, gia đình có mời nhiều khách quý đến dự lễ. Sau khi làm lễ xong, tôi cũng nói một bài pháp ngắn, đoạn từ giã mọi người là ngày mai về lại Đức. Mọi người yêu cầu tôi ở lại cho đến tuần 21 ngày và đợi Thầy Minh Tâm về; nhưng thuở bấy giờ giấy tờ

của tôi không đơn giản như bây giờ, nên phải về lại Đức và những tuần thất sau đó do Thầy Minh Tâm lo liệu.

Tôi về lại Đức và cách đó một năm sau có thư của bà ta và người con trưởng gửi sang báo tin là sẽ làm lễ giáp năm cho chồng bà vào tháng 10 năm 1979. Đúng là lưỡng lợi, một công hai chuyện, nên tôi đã nhận lời. Tôi đến Canada lúc đó vào mùa Thu, cảnh trời vào Thu lá vàng rực rỡ, đẹp vô ngần. Sau đó người con trai của bà đưa tôi đi Ottawa để thăm Giáo sư Lê Kim Ngân, người trước đây làm Viện Trưởng Viện Đại Học Phương Nam năm 74-75. Sau đó sang Nhật và tôi có cơ hội gặp gia đình Giáo sư tại đó, nên lần này đến Canada, luôn tiện thăm Giáo sư cũng tốt thôi. Quý Phật Tử tại Ottawa nghe tôi đến cũng mừng, nên đã mời tôi giảng pháp và sau đó một tháng, tại đây đã thành lập Hội Phật Giáo Ottawa-Hull.

Tôi cũng đã có lần đề cập về chuyến đi này trong quyển "**Đường không biên giới**" một cách tỉ mỉ rồi, do vậy nơi đây không cần nói thêm nữa.

Đến tại Montréal, tôi lưu trú tại nhà bà. Sau khi lễ lộc xong tôi lại khăn gói đi tiếp.

Người đàn bà ấy chẳng ai xa lạ, có tên là bà Hồng Hoa sau này quy y với Thầy Minh Tâm có pháp danh là Diệu Bích và anh con trai trưởng đó có tên là Huỳnh Phước Bằng, sau này quy y với tôi với pháp danh là Thị Pháp.

Kể từ đó tôi có sự liên hệ thường xuyên với gia đình của anh Thị Pháp và cũng chính vì sự liên hệ này mà Thầy Minh Tâm và tôi có sự liên hệ với chùa Quan Âm sau này.

Thuở ấy, như quý vị còn nhớ vào cuối năm 1981 quý Phật Tử không còn sinh hoạt tại Niệm Phật Đường Tam Bảo

nữa và gần một năm trường, Phật Tử đã tạm nhóm họp ở sous-sol đường Barclay, tư gia của một bạn đạo, lễ Phật và học Đạo. Nơi đó là nhà của Đạo Hữu Lê Văn Thu và số Phật Tử càng ngày càng đông, nên phải tìm một nơi khác rộng rãi hơn.

Sau nhiều lần lựa chọn, địa điểm được chọn là số 2537 đường Frontenac Apt 06. Ngày 1 tháng 10 năm 1982 Thượng Tọa Thích Minh Tâm từ Pháp sang chủ lễ An Vị Phật tại Niệm Phật Đường này, có tên gọi là Quan Âm.

Những năm tháng này tôi và Thượng Tọa Thích Minh Tâm đã có mặt tại Canada và cũng chính vì không có Thầy trụ xứ, nên mỗi lần có việc gì là anh Thị Pháp hay phone qua để nhờ Thầy Minh Tâm và tôi cho ý kiến. Lúc ấy tôi chỉ nghĩ mình có duyên đến Canada, thôi thì mình giúp đỡ Hội một thời gian, không ngờ việc này kéo dài gần 15 năm rồi. Đúng là nhân duyên vậy.

Có nhiều lúc sau này tôi và Thượng Tọa Thích Minh Tâm cũng muốn để cho Hội và quý Thầy trụ trì bên này hoàn toàn quyết định mọi việc cho nó dễ dàng tại địa phương; nhưng một số quý Đạo Hữu sáng lập cứ nghĩ đến ơn nghĩa lúc ban đầu, nên lúc nào cũng cần có sự hiện diện của chúng tôi. Không biết việc ấy hay hay dở, chắc chờ thời gian sẽ trả lời tất cả những khúc mắc ấy.

Riêng Thượng Tọa Nhất Chơn và Thượng Tọa Thiện Huệ vì có gia đình thân sinh của hai Thầy ấy ở đây nên có dịp cũng đi Canada thường xuyên và nhân cơ hội ấy lại được mời thuyết pháp, rồi đến làm Hội Trưởng, Cố Vấn Giáo Hạnh cho Gia Đình Phật Tử Quan Âm v.v... Quý Thầy ấy tôi nghĩ là cũng có ý vậy. Nhưng Hội và Chùa ở đây cứ

nài nỉ mãi nên phải ở lại đây. Nhưng một chùa mà nhiều Thầy, nhiều chức vị quá, trong thực tế lại không có Thầy nào trụ xứ quả cũng là mối khổ tâm của Phật Tử tại đây.

Ở Việt Nam có nhiều chùa có hằng trăm Tăng Sĩ; nhưng không có vấn đề, vì nơi đó đã trở thành thói quen rồi. Còn ở đây, cái gì cũng mới, cũng luật, cũng lệ trông nhiều lúc cũng ngán lắm, nếu ai đó không quen với luật lệ tại xứ này.

Chùa do Hội lập nên, công đức của Hội cũng nhiều lắm. Trong khi Hội buông một tay và một mắt thì tay kia và mắt kia cũng có ý dòm ngó vị Sự trụ trì, quả thật cũng khó cho Thầy và khó cho Hội quá. Ở đây chúng tôi không thể trách ai hết, mà cái hành chánh, cái khó khăn nó làm cho con người tự đặt ra nhiều nghi vấn quá.

Chính tôi cũng là người bị mang tiếng là đến đây để cướp chùa. Nghe 2 tiếng ấy lòng tôi chùng xuống, tôi đã chẳng muốn trở lại chùa này lần thứ 2; nhưng rồi năn nỉ, rồi nài ép. Cuối cùng rồi chúng tôi cũng phải nhận lãnh với trách nhiệm là Lãnh Đạo Tinh Thần. Làm như thế, nhiều lúc Thượng Tọa Thích Minh Tâm và tôi cũng ngại lắm. Không khéo quý Thầy tại Canada lại nghĩ mình từ Âu Châu sang đây để "chiếm đất giành dân" là điều không nên xảy ra.

Như bên trên đã trình bày, chính vì lý do Niệm Phật Đường Quan Âm thuở bấy giờ ở đường Frontenac quá mới mẻ, không có ai hướng dẫn giáo lý và nghi lễ nên Thầy Minh Tâm và tôi đỡ đầu Hội ấy cho đến giờ này. Nếu phải nói một lời nào đó với quý Thầy ở đây thì xin quý Thầy hiểu cho rằng: "cũng vì nhân duyên mà có sự hội ngộ này, rồi một ngày nào đó cũng vì nhân duyên mà chia ly, mà tan rã

thôi". Bây giờ có muốn cũng không thể nào được. Hãy chờ thời gian.

Chùa mà không chiền (truyền) cũng khổ; nhưng người tu ở xứ này nó quý hơn vàng bạc, ngọc ngà châu báu, nên ai cũng cần. Ở đây tìm bao nhiêu vàng, bạc, kim cương cũng có thể được; nhưng tìm cho ra một vị Tăng Sĩ có tầm vóc, không phải là chuyện đơn thuần.

Thế hệ này đi qua, thế hệ kia tiếp nối, chắc chắn rồi chúng tôi cũng không thể ở mãi với đời và quý vị sáng lập ra chùa Quan Âm cũng vậy. Thay đổi là bản chất của vũ trụ vạn hữu. Có cái gì chắc chắn đâu. Do đó, chúng tôi cũng mong rằng khi đầy đủ nhân duyên để quý Thầy và Hội tại đây tự quyết định, tự lo liệu mọi vấn đề vẫn tốt hơn.

Chương 4

Ngôi Niệm Phật Đường Quan Âm tại đường Frontenac

Sau gần một năm quý Đạo Hữu sinh hoạt tại sous-sol của nhà Đạo Hữu Tâm Hiện Lê Văn Thu đã đi đến quyết định thuê nơi chốn để làm chỗ lễ bái nguyện cầu.

Thượng Tọa Thích Minh Tâm từ Pháp đến Montréal ngày 30-9-1982 và ở lại đây cho đến ngày 18 tháng 10 năm 1982. Có lẽ đây là chuyến đi lâu nhất của Thầy ấy. Thông thường Thầy đi đâu chừng 2 tuần lễ là nhiều. Vì tại Khánh Anh có nhiều Phật sự phải chăm nom lắm.

Trong khi Thượng Tọa Thích Minh Tâm ở Montréal, quý Phật Tử đã đến Niệm Phật Đường đều đặn để nghe pháp, hỏi đạo và đặc biệt là học thực hành chuông mõ. Ngoài ra một buổi giảng công cộng cũng như 2 lễ Quy y Tam Bảo đã được tổ chức trong thời gian này.

Lễ An Vị Phật được tổ chức trong 3 ngày từ 1 đến 3 tháng 10 năm 1982. Lúc bấy giờ một Ban Trị Sự đã được bầu cử như sau:

Lãnh đạo tinh thần:

-TT. Thích Minh Tâm và ĐĐ Thích Như Điển

- Hội trưởng : Cư sĩ Nguyễn Bình Tuyên
- Phó HT Nội Vụ : Cư sĩ Lê Quang Minh
- Phó HT Ngoại Vụ : Cư sĩ Phan Trọng Hàm
- Tổng Thư Ký : Cư sĩ Nguyễn Hữu Cư
- Phó Tổng Thư Ký : ĐH. Huỳnh Phước Bằng
- Thủ Quỹ : Cư sĩ Lê Văn Thu
- Phó Thủ Quỹ : ĐH. Tôn Nữ Tâm Giảng

Nhìn thành phần của Ban Trị Sự của năm 1980-1982 và thành phần của Ban Trị Sự nhiệm kỳ này (82-84) không thay đổi mấy. Chỉ có thêm Đạo Hữu Tôn Nữ Tâm Giảng vào chức vụ Phó Thủ Quỹ mà thôi.

Trong số đặc biệt về lễ An Vị Phật Niệm Phật Đường Quan Âm, Đạo Hữu Tôn Nữ Tâm Giảng cũng đã quy y với Thượng Tọa Thích Minh Tâm và có viết một bài cảm nghĩ đăng trong số này ở trang 13, đọc thấy rất cảm động.

Cụ Nguyễn Bình Tuyên lúc bấy giờ còn mạnh khỏe và cụ đã tham gia lễ này nhiều ngày. Trong bài diễn văn khai mạc hôm lễ An Vị Phật cụ đã đọc:

“Thế gian hiện nay, tràn đầy khổ não, muôn việc biến đổi không lường; những việc đau buồn và đáng thương tâm đã xảy ra cho nhân dân và Tổ quốc Việt Nam, và tình hình tối tăm trên thế giới hiện tại cho chúng ta thấy rằng nhân loại vẫn còn nhiều ma chướng, và cái nghiệp con người hãy còn nặng.

Sự có mặt của chúng ta nơi đất khách; không khỏi bị ảnh hưởng bởi ý muốn đi tìm cầu sự dễ dãi tiện nghi vật

chất. Điều kiện sinh hoạt tín ngưỡng của chúng ta không dễ dàng như ngày còn sống trên quê hương. Đây cũng chính là lúc tôn giáo và đức tin của chúng ta bị thử thách và dễ bị chi phối.

Vì đức tin và lý tưởng tôn giáo cần phải được nung nấu, cần phải giữ vững và bảo tồn; với ý nguyện học tập chính pháp, với nguyện vọng phát huy văn hóa đạo pháp; chúng ta cùng nhau phát tâm trì kinh tụng niệm. Niệm Phật Đường Quan Âm mong sẽ được là một môi trường thuận tiện cho chúng ta gặp nhau cùng học hỏi tiến bước trên con đường học đạo.

Chúng tôi mong rằng quý Đạo Hữu sẽ cùng chúng tôi cố gắng, góp sức để tạo nên một cảnh khang trang rộng rãi, một chỗ dành cho các việc tu hành không vụ lợi, không thành kiến, tinh tấn tụng niệm; mong rằng tội lỗi nghiệp chướng của dân tộc ta, hiện tại và nhiều đời được tiêu diệt; phúc đức thiện căn mỗi ngày được tăng trưởng, thân tâm thường được thanh tịnh.

Quý Đạo Hữu cùng chúng tôi chí thành cầu xin hồng ân chư Phật gia hộ cho đất nước chúng ta sớm được thanh bình, đồng bào chúng ta thoát được cảnh lầm than đau khổ...

Trước khi dứt lời, nhân danh Hội Phật Giáo Quan Âm, tôi xin thành kính tri ân Hòa Thượng cùng Thượng Tọa đã chứng minh buổi lễ này; chân thành cảm tạ quý vị Đại diện các Hội Đoàn và quý vị Quan khách đã đáp lời mời của Hội chúng tôi, để tới dự lễ. Cũng nhân dịp này chúng tôi chân thành cảm tạ các bạn Sinh viên Hội A.V.E. đã tận tình giúp

đỡ Hội chúng tôi, trong nhiều tuần lễ, và góp phần đáng kể trong công việc hoàn tất Niệm Phật Đường Quan Âm”.

Đó là nội dung chính thức của bài diễn văn mà cụ Hội Trưởng lúc bấy giờ đã tuyên đọc trước sự hiện diện của Hòa Thượng Thích Tâm Châu, Thượng Tọa Thích Minh Tâm cùng 200 quan khách tham dự.

Niệm Phật Đường này nằm trên con đường dốc; nên vẫn thường ví tại đây như dốc Nam Giao. Căn phòng nằm trên lầu, gồm 2 phòng chính, một phòng dùng để lễ Phật và một phòng dùng để thọ trai, học hỏi giáo lý v.v...

Đây cũng là kết quả sơ khởi của 13 gia đình gồm 27 Đạo Hữu nồng cốt, sau này trở thành sáng lập viên của Hội Phật Giáo Quan Âm. Hội đã nhóm họp tại 6145 Ave De Vimy, Montréal, Québec để thành lập tổ chức này vào năm 1981. Nay còn lại 12 gia đình và 20 Đạo Hữu (5 Đạo Hữu đã về cõi Phật (+) và 2 Đạo Hữu di dân sang Mỹ (->).

- I. 1. Ông Lê Quang Minh (+)
2. Bà Lê Quang Minh
- II. 3. Ông Nguyễn Hữu Cư (->)
4. Bà Nguyễn Hữu Cư (->)
- III. 5. Ông Nguyễn Bình Tuyên (+)
6. Bà Nguyễn Bình Tuyên
- IV. 7. Ông Lê Văn Thu
8. Bà Lê Văn Thu
- V. 9. Ông Đặng Tấn Nam
10. Bà Đặng Tấn Nam (+)
- VI. 11. Ông Lê Huy Nhâm
12. Bà Lê Huy Nhâm
- VII. 13. Ông Phan Trọng Hàm

- 14. Bà Phan Trọng Hàm
 - VIII. 15. Ông Ngô Thế Chụ
 - 16. Bà Ngô Thế Chụ
 - IX. 17 Ông Trần Tấn Đức (+)
 - 18. Bà Trần Tấn Đức
 - X. 19. Ông Huỳnh Ngọc Anh (+)
 - 20. Bà Huỳnh Ngọc Anh
 - XI. 21. Bà Hồng Hoa
 - 22. Ông Huỳnh Phước Bàng
 - 23. Bà Huỳnh Phước Bàng
 - XII. 24. Ông Trần Văn Thanh
 - 25. Bà Trần Văn Thanh
 - XIII. 26. Ông Trần Nhã Nguyên
 - 27. Bà Trần Nhã Nguyên
- (Hồ sơ của Hội do anh Thị Pháp Huỳnh Phước Bàng trao)

Đa số những vị sáng lập nay đã lớn tuổi, hầu như trên 70. Chỉ còn lại một số, quý vị cũng đã trên tuổi 50. Nhưng nhìn chung lại, bao nhiêu biến đổi thăng trầm của chùa Quan Âm trong thời gian hơn 10 năm qua, hầu như những gia đình này, những vị sáng lập Hội Phật Giáo Quan Âm đều giữ vững niềm tin để xây dựng cơ sở, phụng sự Phật Pháp như trong lời diển văn của cụ Hội Trưởng đã tuyên đọc vào năm 1982.

Người ta thường nói:
“Đường dài mới biết ngựa hay
Ở lâu mới biết lòng ai chính tà”
là vậy.

Trong một cuộc đua, người còn trẻ, khỏe hăng sức chạy thật nhanh, có nhiều người bảo đó là lực sĩ giỏi; nhưng về lâu về dài người ấy có theo được hay không, đó

mới là điều đáng nói. Vì thế đã có lần nào đó tôi viết trong Đặc San Quan Âm về những chiếc ghế cũ kỹ của Niệm Phật Đường tại Frontenac. Tôi ví những người sáng lập giống như những chiếc ghế này. Tuy cũ, tuy già; nhưng sức chịu đựng dẻo dai bền bỉ vô cùng.

Đầu năm 1983 tôi mới có dịp sang lại Canada và đã làm lễ Rằm Tháng Giêng cho Niệm Phật Đường vào ngày 27-2-1983. Trong khi tôi ở đây, cũng đã tổ chức lễ Quy Y Tam Bảo cho một số quý Phật Tử và thuyết pháp cũng như hướng dẫn các khóa học chuông mõ, nghi lễ tiếp tục. Vì chùa không có Thầy, nên tôi đã huấn luyện quý vị Phật Tử tại đây rất kỹ trong các khóa chủ lễ, đánh chuông, đánh mõ, cách lạy, cúng vong, đọc sớ v.v...

Những ngày đầu tại Niệm Phật Đường rất vui, không khí cởi mở, cười muốn vỡ bụng, thủng tường, vì lễ những người chủ lễ khi cất giọng để xướng, khi tán hoặc cúng vong, nhiều người đã bò lăn ra cười, lúc ai đó không cất giọng bị ai mà lại cất giọng vàng thỏ thẻ. Rồi mõ, rồi chuông... sau khi thực tập, những cặp Duy Na, Duyệt Chúng này đụng đầu gõ đó, cựa đầu đánh đó, cốt cho thuộc để còn trả bài cho tôi và cũng phải thi để lấy kết quả nữa. Đây là thời gian vui nhộn nhất.

Có nhiều vị Phật Tử đã đi chùa lâu năm tại Việt Nam, đã biết lễ bái và chuông mõ, kinh kệ rồi; nhưng không thống nhất. Vì vậy phải tập dợt là vậy. Sau khi thực tập thành thực rồi, quý vị này tự tin hơn khi có đám được mời. Đi đâu tôi cũng khen là Ban Hộ Niệm tại Montréal Canada rất vững vàng trong vấn đề nghi lễ. Sở dĩ có được việc ấy là nhờ quý Phật Tử lúc ấy đã một lòng.

Đây là một chung cư, phòng ốc lại chật hẹp và cũ kỹ, nhiều lúc đứng nơi đây đông người tôi nghĩ lâu ngày sẽ bị sụp và nhiều người cũng đã nghĩ thế, nên ai cũng lo, lại thêm mấy chục chiếc ghế cũ kỹ nặng nề cũng đã làm gia tăng trọng lượng ở đây.

Người tập họp đông, nhiều khi không có không khí để thở, nhất là lúc đông sang, thêm vào đó một vài chuyện bực bội không ít là những người bên trên căn gác cứ mở nhạc sinh sịch sau 10 giờ đêm, mãi cho đến khuya lơ khuya lắc cũng chưa chịu dừng; nên tôi đã chẳng ngủ được giấc ngủ nào thẳng giấc trong thời gian ở đó. Khi đến, nước da tôi trắng đỏ hồng hào, khi về lại Đức tái nhạt. Lý do vì đêm ngủ không được, còn ban ngày phải lo những Phật sự khác. Một số quý Phật Tử khác thấy thế không yên lòng nên đón về nhà ngủ. Nhưng như thế cũng bất tiện quá. Khi chưa có chùa, ngủ tạm tại nhà Phật Tử cũng không sao; nhưng khi đã có chùa rồi tại sao phải ngủ ở nhà? Và lại cũng có nhiều Phật Tử tới chùa muốn thăm Thầy mà không có Thầy cũng không được. Vì vậy nên tôi vẫn nán ở lại Niệm Phật Đường trong thời gian ở đây.

Cũng chính trong thời gian ấy (82-83) có rất nhiều Phật Tử đi lễ tại Niệm Phật Đường này. Có khi lễ đến cả 100 người, do đó hàng xóm trong chung cư kiện thưa bao nhiêu lần và thành phố cũng đã có văn thư cho biết, nơi đó không phải là chỗ để sinh hoạt công cộng; nên quý vị có trách nhiệm dậm ra lo lắng; nhưng nỗi lo này quý vị ấy không dám cho tất cả mọi người biết, lại dậm ra lo lắng thêm, chẳng ích lợi gì.

Trong một phiên họp mở rộng, để đáp ứng lòng nhiệt thành của các Phật Tử, toàn thể các Đạo Hữu đồng ý tạo

dựng một ngôi chùa riêng biệt. Ngày 21 tháng 12 năm 1983, một Ban Vận Động Xây Cất được thành lập, kêu gọi sự chung sức đóng góp tài chánh của các Phật Tử xa gần.

Ngày 26 tháng 3 năm 1984, Hội đã chính thức mua hai lô đất trống ở đường De Courtrai, khu Côte des Neiges, Montréal.

Trong khi chuẩn bị mua đất và thành lập Ban Vận Động Xây Cất ngôi chùa mới tại 2 lô đất nói trên, Niệm Phật Đường Quan Âm tại Frontenac vẫn sinh hoạt đều đặn, mặc dầu đã bị thành phố và hàng xóm khiếm trách kêu nài.

Khi đã biết chính thức được việc xây cất, Hội đã gửi thư xin triển hạn dời địa điểm sinh hoạt thêm mấy tháng nữa, sau đó thành phố đã đồng ý.

Trong khi không có Thầy, hằng tuần vào ngày chủ nhật quý Đạo Hữu và quý Phật Tử vẫn vân tập tại Niệm Phật Đường để nghe Phật Tử có kinh nghiệm về giáo lý thuyết trình những đề tài có liên quan đến Phật Pháp hoặc văn hóa dân tộc.

Niệm Phật Đường lúc bấy giờ quá chật chội không thể nấu ăn tại chỗ được, nên quý vị trong Ban Trai Soạn đã nấu chay từ nhà mang tới, và sau mỗi buổi lễ Phật, các Phật Tử có cơ hội thưởng thức những món chay ngon lành do các bàn tay nội trợ đảm đang của các Cụ, các Bác và các anh chị đảm trách.

Đạo Phật đi vào lòng người đơn giản lắm. Không cầu kỳ, không phô trương hoa hòe. Không mạnh bạo như tiến quân xung trận, mà Đạo Phật đi vào lòng người như hơi gió

thoảng, như giọt nước mùa xuân, làm lịm ngắt hồn người. Đó là chất liệu dưỡng sinh trong cuộc sống tâm linh của người con Phật.

Anh có thể đến với Đạo Phật bằng triết lý cao siêu mầu nhiệm. Chị có thể đến với Đạo Phật bằng lời kinh, tiếng kệ. Cô có thể đến với Đạo Phật bằng hình ảnh của một vị Ni Cô hiền hành. Cụ có thể đến với Đạo Phật khi có người thân quá vãng. Bác có thể đến với Đạo Phật sau những ngày dãi dầu nơi công trường, hăng xướng. Em có thể đến với Đạo Phật bằng những quả cam, trái táo đã cúng Phật rồi, hay những chén chè ngọt lịm cả đôi môi.

Đạo Phật có muôn vàn lối đi vào và rộng thênh thang như hư không vô tận, quý vị muốn chọn con đường nào xin cứ tự ý để dẫn thân.

Chương 5

Ngôi Chùa Quan Âm tại đường De Courtrai

Bây giờ, mỗi lần đi ngang qua đây, quý vị thấy một ngôi chùa kiến trúc theo kiểu Á Đông, có mái cong và hình dáng dễ thương như một ngôi chùa tại quê hương của mình. Đó là ngôi chùa Quan Âm. Nhưng để có được một ngôi chùa như thế, quý Phật Tử tại đây đã nỗ lực rất nhiều trong suốt thời gian dài kể từ khi còn Niệm Phật Đường cũ. Công đức này không nhỏ và lịch sử chùa Quan Âm xin ghi đậm nét về những đóng góp to lớn này của Phật Tử khắp nơi.

Canada đất lạnh; nhưng tình nồng. Mặc dầu nơi đây là xứ tuyết, có năm vào đông nhiệt độ hạ thấp còn dưới 40°C; nhưng người ta vẫn di chuyển ngoài đường, vẫn làm việc, vẫn học hành. Sau khi tuyết rơi trắng xóa cả bầu trời; ánh thái dương lại rọi chiếu khắp hang cùng ngõ hẻm. Chẳng bù với Âu Châu, quanh năm suốt tháng chẳng có mặt trời. Mỗi năm có chừng mấy mươi ngày là cùng. Dường như mặt trời đã sợ hãi bởi con người, nên thường hay đi trốn chẳng!

Có những nơi nắng quanh năm, nắng cháy da khi vào hạ như Phi Châu hay Ấn Độ. Có nhiều mùa hè tại đây nhiệt độ lên đến 48 độ C. Đất đai khô cằn, không một giọt nước.

Vì thế ở Phi Châu nước quý hơn những loại kim loại bình thường. Trong khi đó, Âu Châu dư thừa, nhiều nơi vì mưa và tuyết nhiều quá nên đã tràn lên khỏi mặt sông, trở thành nạn lụt. Cái gì nhiều quá hoặc ít quá vẫn không tốt cho sự sinh hoạt của con người; nên đường vào nội tâm của Đạo Phật là con đường "Trung Đạo" quả rất nhiệm mầu; không cực đoan mà cũng không dễ dãi.

Để đi đến việc xây dựng chùa Quan Âm, Ban Trị Sự cũng như bà con Phật Tử tại đây đã phát động một chương trình quyên góp để tạo lập nên nền móng căn bản cho ngôi chùa này.

Trong nhiệm kỳ 4 của Ban Trị Sự đã cho xuất bản một tập Bạch Thư về việc xây cất chùa Quan Âm. Xin cho vào quyển sách này để làm tư liệu.

VÌ SAO CÓ TẬP BẠCH THƯ NÀY?

Từ tháng 11 năm 1984, người Việt nào có dịp đi ngang qua đường De Courtrai, khu Côte des Neiges, Montréal, cũng không khỏi ngạc nhiên nhìn ngôi chùa Quan Âm đồ sộ, với mái cong cong, màu đỏ, với một kiến trúc mang nặng màu sắc quê hương Á Đông, in bóng trên nền trời xanh biếc. Ngôi chùa oai nghi nói lên ít nhiều hoài bão tha thiết của một số người Việt, mặc dù phải bôn ba trong cuộc sống tha hương, vẫn nặng lòng hoài niệm đến quê hương mến yêu và góp phần phát triển Đạo Pháp và Dân Tộc.

Ngôi Chùa được hình thành chẳng phải là sự ngẫu nhiên mà là kết tinh của một sự cố gắng to tát một số đồng

Phật Tử người Việt – 776 người – chánh thức theo Sổ Công Đức Xây Chùa đính kèm, không kể một số Phật Tử khác khiêm tốn ẩn danh, hoặc đã đóng góp bằng sức lao động chân tay cực nhọc không thể ghi chép được.

Vì quan niệm Chùa Quan Âm là ngôi chùa chung của quý Phật Tử, Ban Trị Sự chúng tôi thấy có trách nhiệm phúc trình rõ ràng cách chi tiêu các món tiền, để quý Phật Tử đã nhiệt tâm và tin cần đóng góp về tài chánh, biết đóng tiền của mình được chi tiêu cách nào và đủ thiếu ra sao.

Đây là những chi tiết mà chúng tôi đã thu thập từ các hồ sơ hay lời truyền ngôn của Ban Trị Sự trước để lại. Chúng tôi xin thành thật nhận lỗi, nếu có điều chi sơ sót hoàn toàn ngoài ý muốn, và kính xin được cho biết để sửa chữa ngay, đúng với sự thật.

Ban Trị Sự Chùa Quan Âm
Nhiệm kỳ 1985-1987

TIỂU SỬ VẮN TẮT CỦA CHÙA QUAN ÂM

* 05-10-1980: Tạo lập Trụ sở Phật Giáo đường Sherbrooke, Montréal, trong một ấp khiêm tốn, làm nơi thờ phượng và học đạo, do một nhóm Phật Tử nồng cốt mặc dầu tha hương vẫn mến Đạo và quyết tâm hiệp lực cùng một chí hướng tu thân và truyền bá Giáo lý nhà Phật.

* Tháng 11 năm 1981: Trụ sở Sherbrooke bị đóng cửa bất ngờ, ngoài ý muốn.

* Gần một năm trường, Phật Tử tạm nhóm họp ở sous-sol đường Barclay – tư gia một bạn đạo - lễ Phật và học Đạo. Số Phật Tử càng ngày càng đông, khiến nhu cầu tìm một nơi khác rộng rãi hơn.

* Sau nhiều lần lựa chọn, địa điểm được chọn là 2537 đường Frontenac, số 6. Ngày 01-10-1982 Thượng Tọa Thích Minh Tâm từ Pháp quốc sang chủ lễ An Vị Phật tại địa điểm mới - Niệm Phật Đường Quan Âm – mà Thượng Tọa Thích Minh Tâm và Đại Đức Thích Như Điển là Hai Vị Lãnh Đạo Tinh Thần.

Niệm Phật Đường Quan Âm gồm hai ấp bên cạnh nhau, trên lầu một cao ốc. Nhưng, chỉ trong vòng thời gian ngắn mấy tháng, vì số Phật Tử viếng Chùa sáng chủ nhật càng lúc càng đông - nhứt là những ngày Vía, Rằm và Mồng Một âm lịch, lắm khi chen chân không lọt - khiến Ban Trị Sự phải nghĩ đến giải pháp tìm một nơi khác. Thêm vào đó, các người lân cận than phiền, thưa gởi, và Chính quyền nhiều lần khuyến cáo, vì đó là một cư xá không thể tiếp quá nhiều khách cùng một lúc, vừa ồn ào, vừa thiếu an ninh (hỏa hoạn, sàn nhà không chịu nổi...).

Trong một phiên họp mở rộng, để đáp ứng lòng nhiệt thành của các Phật Tử, toàn thể các Đạo Hữu đồng ý tạo dựng một ngôi Chùa mới riêng biệt. Ngày 21-12-1983, một Ban Vận Động Xây Cất Chùa được thành lập, kêu gọi sự chung sức đóng góp tài chánh của các Phật Tử xa gần (Danh sách số 1 đính kèm).

* Ngày 26 -03-1984: Mua hai lô đất trống ở đường De Courtrai, khu Côte des Niegés, Montréal.

* Ngày 17.08.1984: Lễ đặt Viên Đá Đầu Tiên xây cất chùa do Cụ Hội Trưởng Nguyễn Bình Tuyên và Cụ Trần Văn Xương cùng với các Phật Tử có mặt hôm ấy.

* Ngày 18-11-1984: Lễ An Vị Phật do sự Chủ tọa của Hai Vị Lãnh Đạo Tinh Thần - Thượng Tọa Thích Minh Tâm và Đại Đức Thích Như Điển.

Ngôi Chùa QUAN ÂM ra đời, oai nghiêm - gần như do một phép lạ!

CHI TIẾT VỀ VIỆC XÂY CẤT

1. ĐẤT

-Giới thiệu mua đất: Đh Nguyễn Trung Thoại.

-Đất trống gồm 2 lô, diện tích chung:

$$52\text{m} \times 30\text{m} = 1.560 \text{ m}^2$$

-Mua bán tại Phòng Chưởng Khế Huguette Boulanger ngày 26-03-1984.

-Giá tiền mua đất: 50.000\$ - Phí tổn Chưởng Khế: 650\$.

-Đại diện chùa ký tên mua đất: Đh Phan Trọng Hàm, Đh Lê Văn Thu, Đh Huỳnh Phước Bằng.

-Diện tích xây cất: lõi 200 m²

2. GIẤY PHÉP XÂY CẤT

-Giấy phép xây cất số 5649 ngày 19-07-1984 của thành phố Montréal, Sở Giấy Phép và Thanh Tra – Khu Xây Cất.

Mục đích: Nơi thờ phượng và Trung Tâm Khuếch Trương Xã Hội – Văn Hóa. Hiệp hội bất vụ lợi.

3. NHÀ THẦU XÂY CẤT

-Hãng thầu CONSTRUCTION VINATECH
16300 Rue Muir; Ville Saint Laurent P.Q.

-Kiến Trúc Sư kiêm Chủ Hãng Thầu:

Ông Nguyễn Hữu Tín

- Đại diện Chùa ký tên giao kèo xây cất:
Đh. Phan Trọng Hàm
- Đại diện Chùa theo dõi, quan sát việc xây cất:
Đh. Ngô Thế Chụ
- Đặt viên đá đầu tiên: ngày 17-08-1984 do Cụ Hội Trưởng Nguyễn Bình Tuyên và Cụ Trần Văn Xương, cùng các Phật Tử có mặt.
- Lễ An Vị Phật tại Ngôi Chùa mới: ngày 18-11-1984 do Hai Vị Lãnh Đạo Tinh Thần: Thượng Tọa Thích Minh Tâm và Đại Đức Thích Như Điển.
- Thời gian xây cất: 03 tháng tròn.
- Khế ước đầu tiên với Hãng thầu: 127.800\$
Công tác phụ trội: 7.900\$
Cộng chung : 135.700\$

CHI TIẾT TÀI CHÁNH VỀ VIỆC XÂY CHÙA

*** PHÍ TỔN CHUNG**

Mua đất trống	: 50.000\$
Phí tổn Chưởng Khế	: 650\$
Khế ước với Hãng thầu	: 127.800\$
Công tác phụ trội	: 7.900\$
Trang trí bên trong	: <u>23.500\$</u>
Cộng chung	: 209.850\$

*** PHẦN CÁC PHẬT TỬ CÚNG CHÙA**

Đến hết ngày 7-02-1985, các Phật Tử đã hỷ cúng 77.026\$

*** VAY NGÂN HÀNG**

- Ngày 15-08-1984, theo lời yêu cầu khẩn cấp của toàn thể Phật Tử, Cụ Trần Văn Xương, nhân danh Chủ tịch Ủy Ban Vận Động Xây Cất Chùa Quan Âm, thương lượng

với ngân hàng Caisse Populaire tại Longueuil vay số tiền TÁM MƯƠI NGÀN ĐỒNG (80.000\$) giúp vào việc xây cất chùa.

- Ngày 23-08-1984, ĐH Đặng Tấn Nam và Lê Văn Thu thay mặt Chùa ký tên vay tiền tại Ngân Hàng. Tiền vay là 80.000\$, với số lãi 13 3/4 mỗi năm, trong vòng 25 năm. Khởi đầu, Chùa phải góp cho Ngân Hàng mỗi tháng 958\$56.

- Ngày 30-11-1984, ĐH Phan Trọng Hàm và Lê Văn Thu vay thêm 8.000\$ cũng tại Ngân Hàng cũ. Những số tiền này Chùa đã trả lại cho Ngân Hàng vào 03-85.

- Ngày 22-08-1985, Chùa trả bớt 5.000\$ trừ vào số vốn đã vay Ngân Hàng. Nhờ vậy, tiền Chùa đóng hàng tháng sụt từ 958\$56 còn 774\$29.

* MƯỢN TIỀN TƯ NHÂN

Song song với việc vay tiền Ngân Hàng, Chùa còn mượn của Phật Tử - gọi là Hội Thiện - số tiền 30.000\$ (BA MƯƠI NGÀN ĐỒNG) nhưng khởi phải trả lãi. Ngày An Vị Phật tại Chùa mới - 18-11-1985 - có cuộc bắt thăm để định mỗi tháng Chùa sẽ trả 500\$ cho ai và vào tháng nào (xin coi Bản Hội Thiện đính kèm để biết chi tiết). Số tiền mượn này phải trả góp 500\$ mỗi tháng, từ tháng 01-1986 đến tháng 12-1990.

Tóm tắt lại, kể từ ngày 01-01-1986, mỗi tháng Chùa phải trả hai món nợ:

- 774\$29 cho Ngân Hàng, và
- 500\$ cho Hội Thiện

chưa kể các chi phí thông thường như: văn phòng, điện, nước, điện thoại, thuế, trai soạn, bảo trì... Dĩ nhiên là tất cả nhân viên của Chùa đều làm việc không lương.

BỨC TÂM THƯ

KÍNH GỎI QUÝ ĐẠO HỮU PHẬT TỬ CHÙA QUAN ÂM

Montréal; 15 tháng 04 năm 1986

Kính Đạo Hữu,

Ban Trị Sự Chùa Quan Âm hân hạnh kính gửi Quý Đạo Hữu Tập Bạch Thư về việc xây cất Chùa Quan Âm năm 1984.

Như đã thưa qua ở trang đầu, sở dĩ Tập này đến tay Quý vị vì chúng tôi quan niệm Chùa Quan Âm là Ngôi Chùa chung do toàn thể Phật Tử đóng góp tài chánh, nên chúng tôi có bốn phần trình bày minh bạch cùng các Phật Tử các đồng tiền của Quý vị đóng góp đã được sử dụng như thế nào, và đủ thiếu ra sao, trong công tác xây cất và quản lý Ngôi Chùa. Nhờ sự đồng tâm hiệp lực quý báu của Quý Phật Tử, Chùa Quan Âm nay đã thành hình để thực hiện việc hoằng dương Giáo Lý giải thoát của Nhà Phật, và đồng thời giúp khuếch trương nền Văn Hoá – Xã Hội Việt Nam.

Tiếp dịp, chúng tôi kính cần lưu ý Quý Đạo Hữu hai món nợ danh dự mà hiện nay Chùa phải thanh toán hàng tháng:

1.- trả góp cho Ngân Hàng đã cho vay khi xây Chùa, mỗi tháng là 774\$29;

2.- trả góp Quý Vị Hội Thiện đã tự nguyện cho Chùa mượn không lấy lời khi xây Chùa, mỗi tháng là 500\$, bắt đầu từ tháng 01-1986 đến tháng 12-1990.

Thật ra, đến hôm nay, về mặt tài chánh Chùa Quan Âm đã phần vào vững vàng, vì:

- việc trả góp cho Ngân Hàng từ ngày vay chưa hề trễ nãi;

- đã trả bớt được 5.000\$ ngày 22-08-85, trừ vào số vốn đã vay của Ngân Hàng, nhờ vậy số tiền đóng cho Ngân Hàng sụt từ 958\$56 còn 774\$29 mỗi tháng. (Số tiền góp này đương nhiên sẽ bớt nhiều nữa nếu Chùa có khả năng lần hồi hoàn trả sớm trừ vào số vốn đã vay);

- từ ngày 01-12-85, ngày Tân Ban Trị Sự nhậm chức đến nay, số tiền tồn quỹ có phần thêm thay vì bớt. Ngày 01-11-85, số tiền tồn quỹ là 7.082\$37 và ngày 01-03-86 tiền tồn quỹ là 12.552\$.

Nhưng, trong tương lai gần đây, Chùa hãy còn nhiều công tác cần thực hiện, như lập một Tủ sách nghiên cứu Phật Giáo, sửa sang các lối đi và sân Chùa, tạo dựng một Ngôi Nhà chứa đựng Tro cốt của những Phật Tử đã hỏa táng...

Để giúp Chùa có đủ phương tiện thanh toán hai món nợ danh dự và thực hiện những công tác vừa kể, chúng tôi nhờ vào CHƯƠNG TRÌNH HỘ TRÌ HÀNG THÁNG của Quý Phật Tử. Theo Chương Trình ấy, nếu có thể được, mỗi gia đình của Phật Tử tự nguyện cúng cho Chùa số tiền 20\$ hay 10\$, tùy khả năng cá nhân. Nhờ việc hộ trì liên tục của số đông Phật Tử, Chùa sẽ vững bước về tài chánh trong tương lai để tiếp tục sứ mạng cao quý hoằng dương Đạo Pháp của Đức Phật khả kính.

Thật đúng là:

“Một cây làm chẳng nên non,
Ba cây chụm lại nên hòn núi cao”.

Chúng tôi thành tâm ước mong Quý Đạo Hữu phát Bồ Đề Tâm vui lòng ủng hộ Chùa Quan Âm theo Chương Trình Hộ Trì Hàng Tháng này, như một số Đạo Hữu đã yểm trợ. (Danh sách đính kèm).

Cầu xin chư Phật gia hộ Quý Đạo Hữu và Gia Quyển
thân tâm an lạc, phước lộc miên viễn.

Kính,

BAN TRỊ SỰ CHÙA QUAN ÂM

**THÀNH PHẦN BAN TRỊ SỰ CHÙA QUAN ÂM
NHIỆM KỲ 1983-1985**

Hội Trưởng : Cụ Nguyễn Bình Tuyên
Phó HT Nội Vụ : Đh Lê Quang Minh
Phó HT Ngoại Vụ : Đh Phan Trọng Hàm
Tổng Thư Ký : Đh Đặng Tấn Nam
Phó Tổng Thư Ký : Đh Huỳnh Phước Bằng
Thủ Quỹ : Đh Lê Văn Thu
Phó Thủ Quỹ : Đh Tôn Nữ Tâm Giang

**THÀNH PHẦN ỦY BAN VẬN ĐỘNG
XÂY CẤT CHÙA QUAN ÂM; MONTRÉAL**

Chủ Tịch : Ông Trần Văn Xương
Phó Chủ Tịch :
- Ô. Lê Quang Minh - Bà Hồng Hoa
- Ô. Nguyễn Hữu Cư - Ông Chung Hữu Thế
- Ô. Nguyễn Trung Thoại - Ô. Lý Hồng Sơn
- Ô. Ngô Văn Hoa
Tổng Thư Ký : Ô. Phan Trọng Hàm
Phó Tổng Thư Ký : Ô. Trần Hữu Long
Kiểm Soát Viên : Ô. Lê Huy Nhâm

- Thủ Quỹ : Ô. Lê Văn Thu
Ủy Viên vận động tài chánh : Ô. Trần Văn Đức
Phụ Tá Ủy Viên VĐTC:
- Bà Trần Thị Mười - Bà Ngô Văn Hoa
- Ô. Huỳnh Phước Bằng - Ô. Trần Văn Thanh
- Ô. Trần Kỳ Nam - Ô. Trần Nhã Nguyên
- Ô. và Bà Đặng Tấn Hậu.
Ủy Viên Kiến Thiết : Ô. Ngô Thế chu
Phụ Tá Ủy viên KT : Kiến Trúc Sư Nguyễn Ngọc Thanh
1. Đồ án & Kiến thiết : Kiến Trúc Sư Lâm Quốc Thụy
: Ô. Huỳnh Ngọc Anh
2. Kỹ thuật : Kỹ Sư Nguyễn Quang Di
: Kỹ Sư Hà Văn Kha
: Ô. Đặng Văn Tuy

CÔNG ĐỨC XÂY CHÙA

- | | |
|-----------------------------|-----------|
| 01. Một số Đạo Hữu ẩn danh | : 1003.00 |
| 02. Bà Hồng Hoa và gia đình | : 2000.00 |
| 03. Đh Dương Thụy Vi | : 10.00 |
| 04. Đh Dương Nguyên Điền | : 10.00 |
| 05. Đh Phan Hữu Vĩnh | : 200.00 |
| 06. ĐĐ Thích Như Điền | : 500.00 |
| 07. Đh Nguyễn Duy Trung | : 50.00 |
| 08. Đh Đinh Xuân Thảo | : 321.00 |
| 09. Đh Trần Thị Hương | : 500.00 |
| 10. Một Đạo hữu ở Pháp | : 100.00 |
| 11. Đh Huỳnh Ngọc Anh | : 1500.00 |
| 12. Đh Tôn Nữ Tâm Giảng | : 500.00 |
| 13. Đh Trần Văn Xương | : 1000.00 |
| 14. Đh Châu Ngọc Dũng | : 30.00 |
| 15. Đh La Thị Thúc | : 20.00 |

16. Đh Nguyễn Thọ Hầu	: 100.00
17. Đh Trùng Hồng	: 200.00
18. Đh Lê Văn Thu	: 500.00
19. Đh Trần Văn Đức	: 1000.00
20. Đh Trương Văn Tố	: 100.00
21. Đh Võ Thị Tuyết	: 50.00
22. Đh Phan Trọng Hàm	: 1000.00
23. Đh Trần Kỳ Nam	: 500.00
24. Đh Ngô Thế Chụ	: 1000.00
25. Cự Đào Thị Hiền	: 100.00
26. ĐĐ Thích Hải Quang	: 100.00
27. Đh Lê Huy Nhâm	: 500.00
28. Đh Vũ Ngọc Tiến	: 100.00
29. Đh Thái Mạnh Tiến	: 200.00
30. Bà Nguyễn Văn Học	: 200.00
31. Nguyễn Thùy Các Phượng	: 5.00
32. Đh Nguyễn Quang Di và gđ.	: 400.00
33. Đh Huỳnh Bá Phúc	: 100.00
34. Đh Quảng Kiến (Trang Quốc)	: 200.00
35. Ô.Bà Thái Đức	: 50.00
36. Đh Nguyễn Minh Nguyên Châu	: 1000.00
37. Đh Nguyễn Thị Ninh	: 50.00
38. Đh Thái Bình Minh	: 100.00
39. Bà Mã Thị Ngọc Sương	: 200.00
40. Một Phật Tử	: 5.00
41. Đh Diệu Bảo	: 100.00
42. Ô.Bà Trương Công Minh	: 100.00
43. Hai em Đặng Tấn Tâm và Hiền	: 50.00
44. Đh Phan Văn Hùng	: 40.00
45. Bà Trương Thị Ngọc Diệp	: 150.00
46. Đh Ngô Quang Sự	: 200.00
47. Đh Ngô Quang Thăng	: 100.00
48. Đh Tân	: 120.00

49. Đh Phạm Thị Chuyên	:	50.00
50. Đh Lê Quang Minh	:	500.00
51. Đh Diệu Huệ Ngô Kim Lang	:	500.00
52. Đh Diệu Bửu	:	50.00
53. Ô.Bà Lâm Tô Bông	:	500.00
54. Bà Phan Kim Phụng	:	20.00
55. Đh Nguyễn Hùng Cường	:	100.00
56. Đh Nguyễn Hữu Điền	:	200.00
57. Đh Nguyễn Thị Hậu	:	400.00
58. Đh Lê Thị Kỳ	:	40.00
59. Đh Thiện Bửu và Huệ Ngọc	:	50.00
60. Đh Nguyễn Trọng Du	:	20.00
61. Một vị ẩn danh	:	20.00
62. Ô.Bà Võ Văn Nhung	:	400.00
63. Bà Nguyễn Thị Đồi	:	20.00
64. Ô.Bà Nguyễn Phát Thành	:	100.00
65. Ô.Bà Phạm Duy Hương	:	20.00
66. Ô.Bà Đỗ Duy Kỳ	:	20.00
67. Ô.Bà Đỗ Quyên	:	20.00
68. Đh Hân Vân	:	50.00
69. Bà Nguyễn Kim Hoa	:	20.00
70. Bà Phạm Thị Hằng	:	20.00
71. Ô.Bà Nguyễn Văn Khan	:	20.00
72. Bà Hồng Thị Hội	:	20.00
73. Bà Ngô Thị Hèm	:	50.00
74. Bé Thanh	:	5.00
75. Ô.Bà Nguyễn Thị Thơm	:	100.00
76. Ô.Bà Hoàng Văn Tự	:	50.00
77. Ô.Bà Quách Văn Nghi	:	200.00
78. Ô.Bà Nguyễn Kim Chúc	:	200.00
79. Ô.Bà Nguyễn Phát Chúc	:	100.00
80. Ô.Bà Nguyễn Trọng Duyên	:	200.00
81. Đh Cụ Cụ Chung	:	100.00

82. Ô.Bà Ngô Khắc Thiệu	:	50.00
83. Đh Hồ Sĩ Hiệp	:	125.00
84. Ô.Bà Hứa Từ Mẫn	:	60.00
85. Một số Đh ẩn danh (Chợ Tết):		881.00
86. Ô.Bà Lâm Hồng Quang	:	100.00
87. Ô.Bà Lê Văn Xuyên	:	50.00
88. Ô.Bà Lê Văn Quới	:	500.00
89. Cô Lâm Thu Cúc	:	20.00
90. Cô Lâm Thu Thủy	:	20.00
91. Cô Lâm Thu Hồng	:	20.00
92. Cậu Lâm Trung Trực	:	20.00
93. Cậu Lâm Trung Chánh	:	20.00
94. Cậu Lâm Trung Vinh	:	20.00
95. Cô Lâm Thu Loan	:	20.00
96. Gđ. Bà Việt Long	:	1240.00
97. Bà Nguyễn Thị Kim Bình	:	100.00
98. Bà Nguyễn Thị Cam	:	100.00
99. Một số PT ẩn danh (Vu Lan)	:	1239.00
100. Cậu Tôn Thất Quốc Anh	:	40.00
101. Bà Dư Xương Bình	:	100.00
102. Ô.Bà Đặng Tấn Nam	:	200.00
103. Ô.Bà Huỳnh Văn Trước	:	30.00
104. Bà Đặng Thị Thơm	:	20.00
105. Ô.Bà Trần Thị Ba	:	100.00
106. Ô.Bà Dương Văn Phước	:	20.00
107. Ô.Bà Mai Kim Huê	:	5.00
108. Ô.Bà Dương Thị Hương	:	25.00
109. Hội Tín Hữu Cao Đài	:	200.00
110. Epicerie Thu	:	50.00
111. Ô.Bà Nguyễn Ngọc Lang	:	500.00
112. Ô.Bà Đỗ Hữu Cảnh	:	100.00
113. Ô.Bà Đinh Văn Khai	:	100.00
114. Con cháu Ô. Trần Văn Xương:		300.00

115. Đh Chương Văn Vinh	:	500.00
116. Ô.Bà Nguyễn Thị Mẫn	:	100.00
117. Ô.Bà Đặng Tấn Hậu	:	1000.00
118. Bà Mã Thị Sang	:	200.00
119. Cô Nguyễn Thị Văn Khanh	:	50.00
120. Em Nguyễn Thị Tám	:	20.00
121. Ô.Bà Đặng Tấn Thuận	:	50.00
122. Bà Nguyễn Thị Quỳnh	:	50.00
123. Đh Lê Nguyên Khanh	:	200.00
124. Đh Lê Nguyên Vĩnh	:	100.00
125. Đh Lê Nguyên Thụy	:	100.00
126. Đh Lê Nguyên Thùy	:	100.00
127. Đh Lê Thị Thao	:	50.00
128. Đh Hoàng Thị Cẩm Bình	:	50.00
129. B.S. Lê Thanh Dương	:	50.00
130. Ô.Bà Lê V. Nhung và cô Tâm	:	30.00
131. Ô.Bà Tiêm Hưng Long	:	50.00
132. Đh Nguyễn Mậu Hoàng	:	250.00
133. Đh Bùi Đình Ngo	:	20.00
134. Ô.Bà Tiêm Vĩnh Phong	:	40.00
135. Đh Trần Kỳ Sỹ	:	100.00
136. Đh Trần Kim Dung	:	100.00
137. Đh Trần Thị Kim Lan	:	10.00
138. Đh Trần Công Nghĩa	:	50.00
139. Đh Vũ Ngọc Đại	:	60.00
140. Đh Phạm Thị Khang	:	10.00
141. CỤ Lê Văn Hy	:	50.00
142. Ô.Bà Huỳnh Tích	:	200.00
143. Bà Cao Thị Kha	:	50.00
144. Bà Nguyễn Thị Đới	:	50.00
145. Ô.Bà Lý Cầu	:	10.00
146. Ô.Bà Dương Văn Lũy	:	10.00
147. Cô Trần Thu Thảo	:	5.00

148. Đh Nguyễn Ngọc Tuấn	:	40.00
149. Đh Nguyễn Văn Hậu	:	100.00
150. Đh Nguyễn Ngọc Lâm	:	50.00
151. Đh Nguyễn Thị Hiệp	:	100.00
152. Đh Trần Châu Hoàng	:	10.00
153. Đh Trần Hữu Lợi	:	10.00
154. Bà Phan Chí Chinh	:	100.00
155. Đh Huỳnh Ngọc Trọng	:	100.00
156. Ô.Bà Nguyễn Trung Quân	:	50.00
157. Ô.Bà Lê Văn Kim	:	100.00
158. Ô.Bà Chung Duy Ân	:	50.00
159. Ô.Bà Chung Duy Minh	:	50.00
160. Ô.Bà Huỳnh Văn Quý	:	60.00
161. Ô.Bà Trần Quang Nghị	:	10.00
162. Một số tín hữu Cao Đài	:	95.00
163. Ô.Bà Trần Hà Việt	:	100.00
164. Cô Lý Tuyết Anh	:	20.00
165. Bà Trần Thị Hiệp Đỗ	:	20.00
166. Cụ Chơn Nghi	:	30.00
167. Ô.Bà Trương Công Minh	:	100.00
168. Ô.Bà Võ Văn Nở	:	20.00
169. Cô Nguyễn Thị Bạch Mai	:	100.00
170. Ô. Liêu Q. Khai (Épicerie MTL):	:	300.00
171. Service d'entretien SEMO inc.:	:	212.00
172. Ô.Bà Trần Hữu Long	:	400.00
173. Bà Huỳnh Thị Tâm cho mượn:	:	1000.00
174. Cô Nguyễn Thanh Huyền	:	20.00
175. Cô Ngô Thị Bích Liên	:	100.00
176. Cô Nguyễn Thị Mộng Thúy	:	50.00
177. Bà Hieu Han	:	10.00
178. Bà Diệu Thanh	:	10.00
179. Bà Trần Thị Vượng	:	100.00
180. Bà Lý Thị Hiệp	:	50.00

181.	Đh Nguyễn Thị Hương	:	100.00
182.	Đh Nguyễn Tấn Hồng	:	100.00
183.	Ô.Bà Đào Đức Hoàn	:	90.00
184.	Đh Tâm Khương (Lê Văn Thu) hỷ cúng Một chuỗi Ngọc Thạch Một chuỗi Hạt Trai Một vòng Ngọc Thạch		
185.	Đh Vương Vinh Hoa	:	50.00
186.	Đh Nguyễn Thị Thu Hà	:	50.00
187.	Đh Nguyễn Thị Xuân Mai	:	50.00
188.	Tiệm may LY LY	:	30.00
189.	Đh Châu Ngọc Dung	:	50.00
190.	Đh Ngô Thị Kiều Loan	:	75.00
191.	Em Kỳ Bảo Vinh	:	25.00
192.	Em Trần Nguyễn Bảo Trân	:	20.00
193.	Bà Lê Thị Phan	:	50.00
194.	Ô. Lương Điền Trung	:	20.00
195.	Đh Dai Hai	:	5.00
196.	Ô.Bà Nguyễn Tu Tiếp	:	40.00
197.	Ô.Bà Nguyễn Trung Thoại	:	1000.00
198.	Bà Trần Thị Hiệp Đỗ	:	500.00
199.	Ô.Bà Phạm Văn Hưng	:	60.00
200.	Bà Nguyễn Thị Kim	:	100.00
201.	Bà Saret Von	:	50.00
202.	Ô.Bà Nguyễn Kim Tòng	:	50.00
203.	Cô Nguyễn Kim Hằng	:	25.00
204.	Cụ Phạm Gia He	:	50.00
205.	Ô.Bà Nguyễn Huy Lược	:	50.00
206.	Đh Đỗ Hữu Cư	:	50.00
207.	Cô Nguyễn Thị Hạnh	:	400.00
208.	Đh Nguyễn Thị Hoa	:	50.00
209.	Đh Lâm Thị Ngọc	:	15.00
210.	Đh Nguyễn Gia An	:	60.00

211. Đh Nguyễn Lương Tuyên	:	50.00
212. Đh Nguyễn Văn Cường	:	50.00
213. Đh Trần Ngọc Dũng	:	50.00
214. Đh Phạm Việt Bằng	:	25.00
215. Đh Hồ Bách Diệp	:	5.00
216. Đh Trịnh Ngọc Tường	:	5.00
217. Đh Cổ Thị Ruông	:	5.00
218. Đh Lê Thị Diệp	:	5.00
219. Đh Phạm Thị Cúc	:	5.00
220. TT Thích Minh Tâm	:	500.00
221. ĐĐ Thích Như Điển	:	500.00
222. Đh Nguyễn Trọng Hoàn	:	20.00
223. Đh Nguyễn Văn Thanh	:	50.00
224. Hội Phật Giáo chùa Liên Hoa	:	500.00
225. Đh Bình Diệu Man	:	100.00
226. Ô.Bà Vinh	:	100.00
227. Ô.Bà Trịnh Minh Cầu	:	100.00
228. Ông Siêu Phát Tài	:	50.00
229. Ông Trần Đức Thiện	:	20.00
230. Đh Nguyễn Thị Nga	:	50.00
231- Đh Lê Văn Sỹ	:	20.00
232. Đh Lâm Hương	:	20.00
233. Đh Hồng Hà	:	20.00
234. Đh Phùng	:	30.00
235. Ông Lai Văn Huyền	:	5.00
236. Ông Phùng Lai	:	5.00
237. Đh Trần Hon Minh	:	10.00
238. Đh Phạm Thị Tâm	:	2.00
239. Đh Hứa Chí Minh	:	10.00
240. Đh Lê Kim Khôi	:	100.00
241. Đh Lê Văn Khôn	:	30.00
242. Đh Bùi Thị Tam	:	10.00
243. Đh Diệu Quy	:	20.00

244. Đh Đức Phước	:	10.00
245. Đh Lê Huy Hà	:	100.00
246. Restaurant Đà Lạt	:	30.00
247. Đh Dương Thụy Vi	:	10.00
248. Đh Đỗ Ngọc Anh	:	100.00
249. Đh Nguyễn Thị Thuận	:	30.00
250. Ô.Bà Trương K.Xương(Kim Long)	:	100.00
251. Ô.Bà Vĩnh Cao	:	200.00
252. Đh Nguyễn Doãn Vượng	:	100.00
253. Đh Trần Minh Tâm	:	50.00
254. Đh Đoàn Yên Thụy	:	50.00
255. Đh Nguyễn Văn Doanh	:	50.00
256. Đh Nguyễn Quang Thoại	:	10.00
257. Đh J.A Van Riel C.L.U.	:	20.00
258. Đh Nguyễn Thị Nho	:	10.00
259. Đh Phong Thị Nam	:	10.00
260. Đh Nguyễn Thị Nhiêm	:	10.00
261. Bà Tuyết Ngọc	:	100.00
262. Bà Trần Thị Giàu	:	100.00
263. Bà Nguyễn Văn Quỳnh	:	100.00
264. Bà Sinh	:	50.00
265. Bà Phan Tâm	:	50.00
266. Bà Nam Sơn	:	50.00
267. Bà Lê Thị Triển	:	20.00
268. Đh Đào Đức Hoàn	:	100.00
269. Đh Diệu Liên	:	10.00
270. Ông Vũ Ngung	:	20.00
271. Ông Lê Đình Chúc	:	5.00
272. Ông Lê Văn Canh	:	10.00
273. Bà Tâm Khương Lưu Thị Ngung	:	100.00
274. Đh Nguyễn V. Thịnh	:	100.00
275. Bà Nguyễn Hưng Việt	:	25.00
276. Bà Trần Thị Chinh	:	50.00

277. Cậu Nguyễn Khương Trí Đạt :	50.00
278. Bà Diệu Tịnh Nguyễn Thị Dong:	50.00
279. Ông Trần Công Danh :	40.00
280. Ông Trần Công Lộc :	30.00
281. Bà Trương Thị Phước :	30.00
282. Ô.Bà Nguyễn Văn Chất và Trần Thị Định :	100.00
283. Ô.Bà Nguyễn Tường Triệu :	50.00
284. Cậu Xuân Hải :	10.00
285. Ông Lê Du :	20.00
286. Cậu Đặng Sửu :	5.00
287. Bà Hà Thị Du Pd. Tâm Trí :	100.00
288. Bà Nguyễn Thị Cúc :	20.00
289. Ông Trần và Gia đình :	120.00
290. Cụ Nguyễn Thị Chung :	20.00
291. CĐ Người Việt QG tại MTL :	100.00
292. Ông Nguyễn Văn Chất :	100.00
293. Ông Nguyễn Văn Khải :	50.00
294. Ô.Bà Lâm Tô Bông cho mượn:	200.00
295. Đh Lê Nhật Khuê :	20.00
296. Ô.Bà Tôn Thất Xứng :	100.00
297. Ông Quỳ Kê Hoàn :	100.00
298. Ông Hoàng Ngọc Bảo :	50.00
299. Pharma Celect :	100.00
300. Bà Nguyễn Thị Kim :	20.00
301. Cô Trần Thị Phương Liên :	50.00
302. Bà Tam Ba :	5.00
303. Bà Trần Thị Mão :	40.00
304. Cô Lý Mỹ Thu :	20.00
305. Ông Đoàn Hữu Tâm :	20.00
306. Ông Nguyễn Phát Thông :	50.00
307. Ô.Bà Trần Kỳ Nam :	30.00
308. ĐH HỒ Thị Thân Pd Sơn Liên :	500.00

309. Bà Thu	:	50.00
310. Bà Trần Thị Thu Cúc	:	50.00
311. Ô.Bà Võ Đức Thiệu	:	25.00
312. Ô.Bà Trần Kỳ Thụy	:	100.00
313. Ô.Bà Trần Hữu Gia	:	20.00
314. Ô.Bà Huỳnh Ngọc Thọ	:	10.00
315. Ô.Bà Trần Trọng Hiếu	:	30.00
316. Ô.Bà Trần Trọng Nghĩa	:	30.00
317. Ông Trần Anh Tuấn	:	20.00
318. Ông Trần Anh Kiệt	:	20.00
319. Bà Trần Thị Bạch Nga	:	12.00
320. Đh Diệu Nghiêm	:	5.00
321. Một vị ẩn danh	:	5.00
322. Bà Tang Gianh	:	10.00
323. Ông Tô Mỹ Phan	:	10.00
324. Ô.Bà Quách Kim Ngân	:	30.00
325. Cô Lê Đức Tâm	:	30.00
326. Bà Võ Thị Nam	:	50.00
327. Ô.Bà Trần Chấn Thương	:	50.00
328. Cô Liên và Cô Anh	:	50.00
329. Ô.Bà Nguyễn Giang	:	10.00
330. Ô.Bà Trần Văn Lô	:	200.00
331. Bà Nguyễn Hiệp Hào	:	1000.00
332. Đh Nguyễn Hữu Cư	:	300.00
333. Đh Lê Hữu Dũng	:	30.00
334. Đh Trương Công Minh	:	100.00
335. Đh Diệu Từ	:	20.00
336. Gđ.ÔB. Nguyễn Duy Trinh (Pháp):	:	500.00
337. Đh Đỗ Văn Chương (Pháp)	:	16.00
338. Đh Đoàn Thị Thanh Tu	:	32.00
339. Cụ Khôi	:	20.00
340. Đh Võ Văn Vân	:	100.00
341. Đh Lai Văn Huyền	:	15.00

342. M.Louis Lernier&Mme Reumont :	30.00
343. Bà Vũ Thị Lành :	100.00
344. Bà Nguyễn Thị Diệu Bảo (Ottawa):	10.00
345. Bà Trần Thị An :	5.00
346. Bà Lê Thị Thêm :	20.00
347. Ô.Bà Phạm Văn Thức :	5.00
348. Ô.Bà Võ Thanh Đen :	5.00
349. Ô.Bà Nguyễn Thành Tây :	5.00
350. Ô.Bà Trần Đình Thu :	10.00
351. Cụ Dương Thị Luân :	100.00
352. Cụ Lâm Thanh Thúy :	20.00
353. Ô.Bà Ngô Hữu Bền :	100.00
354. Một vị ẩn danh :	500.00
355. Một vị ẩn danh :	30.00
356. Ô.Bà Trần Đình Thắng :	50.00
357. Ô.Bà Đỗ Đình Thế (Québec) :	100.00
358. Bà Phạm Thị Tuyết :	20.00
359. Đh Diệu Chính :	20.00
360. Đh Quách Triệu Hoàng :	100.00
361. Ô.Bà Võ Văn Tùng Irvine C.A.:	60.00
362. Ô.Bà Hà Xuân Quỳnh :	100.00
363. Bà Trần Thị Châu :	20.00
364. Cụ Chơn Nghi :	20.00
365. Ô.Bà Dương Đình Xuân :	50.00
366. Ô.Bà Ngô Văn Cù :	200.00
367. Ô.Bà Huỳnh Công Toại :	250.00
368. Bà Võ Thị Tịnh :	200.00
369. Bà Lý Ngân Quyển :	30.00
370. Bà Hà Trọng Thịnh :	50.00
371. Ô.Bà Nguyễn Bình Tuyên :	50.00
372. Bà Nguyễn Thị Kim :	30.00
373. Bà Phan Thị Ngọc Lan :	20.00
374. Ô.Bà Hồ Ngọc Tuấn :	100.00

375. Ô.Bà Lê Đại Quang	:	50.00
376. Ô.Bà Trương Minh Ký	:	40.00
377. Một Phật Tử ẩn danh	:	100.00
378. CĐ Người Việt QG tại MTL	:	100.00
379. Bà Đặng Tuyết Anh	:	10.00
380. Bà Lê Thị Tuyết Mai	:	10.00
381. Ô.Bà Lê Nguyên Vĩnh	:	20.00
382. Bà Huỳnh Thị Anh	:	114.28
383. Các Đh Đại,Hồng,Thủy & Vinh:	:	15.00
384. Bà Nguyễn Thị Tý	:	10.00
385. Cô Thị Hiền	:	10.00
386. Hai Cự Huỳnh Trung An	:	100.00
387. Ô.Bà Vũ Đổ Chung	:	50.00
388. Ô.Bà Nguyễn Văn Bình	:	50.00
389. Quý Đh Chùa Từ Ân Ottawa	:	50.00
390. Ông Nguyễn Ngọc Trọng	:	40.00
391. Bà Lý Tuyết Anh	:	20.00
392. Bà Nguyễn Thị Kiu	:	20.00
393. Cô Nguyễn Cửu Tâm Phi	:	20.00
394. Ô.Bà Văn Quỳnh	:	100.00
395. Bà Trần Hữu Thoan	:	100.00
396. Đh Nguyễn Hùng	:	200.00
397. Bà Trần Quán	:	100.00
398. Bà Bùi Thị Thanh	:	20.00
399. Bà Uông Nghĩa Lan	:	12.00
400. Bà Nguyễn Thị Mão	:	10.00
401. Đh Diệu Tú	:	20.00
402. Ô.Bà Đổ Giang	:	100.00
403. Ô.Bà Ngô Quang Thắng	:	10.00
404. Cự Vũ Ngọc Đại	:	10.00
405. Cô Loan	:	5.00
406. ĐĐ Thích Thiện Huệ	:	500.00
407. Cự Bùi Thị Thịnh Hiền (Mỹ)	:	20.00

408. Gđ. Thục,Thuy,Mai và Lan (Mỹ):	10.00
409. CỤ Đào Văn Tập (Mỹ)	: 5.00
410. Gđ Ô. Nguyễn Văn Phó (Mỹ)	: 10.00
411. Đh Ngô Thiệu Trị	: 10.00
412. Đh Trần Minh Điền	: 20.00
413. Gđ. Ô. Trần Văn Mậu, Bích Liên, Mỹ Linh và Alice (Mỹ)	: 10.00
414. Gđ Ô. Lê Ngọc Sáng, Văn Nhân Lê Xuân Trường & Lê Ngọc B.Kh:	15.00
415. Gđ. Nguyễn Trí Lê Thị Huệ	: 30.00
416. Ô.Bà Trần Kỳ Nam	: 20.00
417. Anh Vinh	: 10.00
418. Bà Lệ Thị Thục	: 30.00
419. Ô.Bà Thau Hương	: 20.00
420. Bà Nguyễn Thị Quynh	: 20.00
421. Ông Trần	: 50.00
422. Đh Hai Lộc, Cẩm Dung, Khánh Hội, Khánh Vân và Thu Thủy	: 50.00
423. Gđ. Sama	: 20.00
424. Ô.Bà Ngọc Dung	: 50.00
425. Bà Trương Nữ Nghi	: 20.00
426. Ô.Bà Trần Kỳ Nam	: 20.00
427. Bouandrie Coinette	: 20.00
428. Ông Trần Kỳ Thụy	: 10.00
429. Ô.Bà Đỗ Hữu Trạch	: 50.00
430. Bà Vũ Thị Bảo Dung	: 10.00
431. Bà Hồ Thị Sang	: 10.00
432. Bà Nguyễn Văn Học	: 200.00
433. Đh Trần Đại Dân	: 100.00
434. Ông Hoàng Văn Khoa	: 50.00
435. Đh Đào Thị Hai	: 10.00
436. Bà Trần Thị Ba	: 100.00
437. Bà Phan Thị Thu	: 5.00

438. ĐĐ Piyadassi Maha Thera (Tích Lan)	:	100.00
439. Bà Đinh Xuân Thảo	:	350.00
440. Bà Nguyễn Tâm Hồ Sĩ Hiệp	:	125.00
441. Bà Hồ Thị Hường	:	50.00
442. Bà Nguyễn Thị Kim	:	70.00
443. Bà Mã Thị Sang	:	150.00
444. Bà Lê Quang An	:	140.00
445. Bà Trương Quân	:	30.00
446. Bà Vũ Văn Thái	:	50.00
447. Bà Lê Đào Trung	:	70.00
448. Ô. Bà Ngô Quang Sử	:	100.00
449. Ô. Bà Văn Vinh Chương	:	500.00
450. Ô. Bà Bùi Đình Nam	:	500.00
451. Ô. Bà Phạm Đăng Tu	:	100.00
452. Gđ. Ông Trần Văn Đức cho mượn:		
- Cậu Trần Văn Dũng	:	1000.00
- Trần Văn Hưng	:	1000.00
- Cô Nguyễn Thị Liên	:	1000.00
- Cô Trần Thị Mỹ Trọng	:	1000.00
- Cậu Nguyễn Xuân Cương	:	1000.00
453. Bà Nguyễn Ngọc Lan (Hoa Ngọc Lan)	:	500.00
454. Ô. Bà Trịnh Ngọc Tường và Gđ.:	:	100.00
455. Bà Hồng	:	20.00
456. Ô. Bà Trần Kỳ Nam	:	20.00
457. Bà Nguyễn Thị Cam	:	10.00
458. Ông Nguyễn Ngọc Tạo	:	20.00
459. Bà Hồ Thị Thân	:	10.00
460. Đh Vũ Anh Quan, Vũ Anh Tuấn và Vũ Thị Mai	:	30.00
461. Bà Tạ Thị Vân	:	20.00
462. Bà Lương Thị Nam Hien	:	30.00

463. Bà Lâm Thọ	:	6.00
464. Cô Nguyễn Thị Xuân Lan	:	50.00
465. Bà Nguyễn Thị Hoàng Hoa	:	20.00
466. Bà Huỳnh Mười	:	40.00
467. Ông Tạ Văn Thi	:	20.00
468. Ông Lê Văn Lang (Mỹ)	:	10.00
469. Ông Nguyễn Văn Thau	:	50.00
470. Ô.Bà Lê Quế Chi & Gđ(Pháp)	:	60.00
471. Đoàn Oanh Vũ Chùa Quan Âm	:	40.00
472. ĐĐ Thích Tịnh Đức (California):		240.00
473. Bà Tâm Định Phan Thị Thuyền	:	20.00
474. Bà Cao Thị Huệ	:	20.00
475. Bà Phan Tuyết Mai	:	20.00
476. Bà Phùng Thang Hy	:	20.00
477. Bà Quảng Lê Ích	:	20.00
478. Cô Chử Lệ Quyên	:	20.00
479. Cô Mai Thùy Nga	:	20.00
480. Ô.Bà Trần Kỳ Nam	:	20.00
481. Cụ Tịnh Sơn	:	10.00
482. Ông Phan Dung Hương	:	10.00
483. Ông Nguyễn Văn Nghĩa (Mỹ)	:	20.00
484. Ông Trần H.	:	20.00
485. Đh An The Nguyễn Thị Chung:		100.00
486. Ông Trần Ngọc Giư	:	100.00
487. Bà Nguyễn Thị Đông	:	50.00
488. Ô.Bà Trần Kỳ Nam	:	20.00
489. Ô.Bà Trần Gia Đức	:	50.00
490. Bà Lý Lan Phương	:	50.00
491. Bà Nguyễn Thị Hương Lan	:	50.00
492. Bà Diêu Đào Phan Thị Chính	:	50.00
493. Bà Hoàng Thị Phương	:	10.00
494. Bà Đỗ Hữu Quý	:	30.00
495. Đh Lê Huy Hà và Bích Liên	:	416.00

496. Đh Đào Ngọc Đôn	:	50.00
497. Ban Nhạc Nantis	:	350.00
498. Ô.Bà Trần Kỳ Nam	:	20.00
499. Ô.Bà Âu Dương Phụng	:	20.00
500. Ô.Bà Phan Phú Liên	:	20.00
501. Bà Đặng Ngọc Bửu	:	5.00
502. Đh Ân danh	:	500.00
503. Bà Lương Thị Phán	:	10.00
504. Ô.Bà Trần Kỳ Nam	:	20.00
505. Đh Phạm Văn Hiệp	:	40.00
506. Đh Hoàng Ngọc Bảo	:	20.00
507. Đh Nguyễn Kim Khuyên	:	10.00
508. Đh Lê Nguyên Vinh	:	100.00
509. Ô.Bà Hồ Thông	:	40.00
510. Bà Nguyễn Thị Hiền	:	10.00
511. Bà Lý Tuyết Anh	:	20.00
512. Bà Nguyễn Kim Hoa	:	20.00
513. Ông Nguyễn Hữu Lê (Ottawa):	:	20.00
514. Cô Nguyễn Minh Hằng	:	20.00
515. Bà Trần Thị Thu Cúc	:	200.00
516. Ô.Bà Nguyễn Hữu Thịnh	:	100.00
517. Ông Đặng Ngọc Bửu	:	5.00
518. Bà Nguyễn Thị Tân	:	50.00
519. Ô.Bà Lý Hồng Sen	:	500.00
520. Đh Phạm Mạnh Cương	:	10.00
521. Ô.Bà Trần Kỳ Nam	:	50.00
522. Bà Phạm Thị Vui	:	40.00
523. Ô.Bà Tô Phú Hoa	:	40.00
524. Ô.Bà Tô Phương Anh	:	20.00
525. Ông Đỗ Văn Tiến	:	10.00
526. Minh Chánh, Diệu Phước (Ca,Mỹ):	:	50.00
527. Gđ Bà Sáu Diệu Không (Ca,Mỹ):	:	50.00
528. Gđ Ô. Nguyễn Hữu Hoàng(Los,Mỹ):	:	100,00

529. Bà Từ N.Duyên NguyễnThị Hạnh:	200.00
530. Bà Không Viên Ng. Thị Diệu Xuân:	50.00
531. Bà Lê Thị Diễm Trinh	: 200.00
532. Bà Lê Thị Khang	: 20.00
533. Cụ Trần Hà Lê Hạnh	: 20.00
534. Ô.Bà Lê Văn Chinh	: 50.00
535. Ông Nguyễn Văn Bang	: 10.00
536. Ô.Bà Trần Kỳ Nam	: 20.00
537. Bà Tạ Thị Nguyệt	: 10.00
538. Ô.Bà Lê Văn Cang	: 50.00
539. Ông Trần Hiệp	: 50.00
540. Bà Đặng Thị Tuyết	: 200.00
541. Ông Huỳnh Hữu Ban và con	: 40.00
542. Bà Huỳnh Thị Văn	: 20.00
543. Cô Hồ Thị Ngọc Lan	: 50.00
544. Cậu Lê Duy Tâm	: 50.00
545. Cụ Bà Lê Văn Cơ	: 50.00
546. Bà Phạm Thị Xúa	: 100.00
547. Ông Uông Tấn Kiệt	: 12.00
548. Cụ Huỳnh Xuân Lan	: 50.00
549. Ông Hà Phú Cường	: 100.00
550. Bà Nguyễn Thị Mười	: 10.00
551. Bà Tô Ngọc	: 20.00
552. Ô.Bà Vũ Lê Dinh	: 20.00
553. Bà Dương Nguyệt Giêm	: 20.00
554. Cô Dương Thụy Vi	: 5.00
555. Ô.Bà Trần Văn Đông	: 50.00
556. Bà Trần Thị Tốt	: 100.00
557. Ông Bùi Văn Xuân	: 20.00
558. Ô.Bà Trần Kỳ Thụy	: 20.00
559. Bà Nguyễn Thị Quỳnh	: 20.00
560. Ô.Bà Hà Trọng Thịnh	: 10.00
561. Ô.Bà Nguyễn Kim Hoa	: 20.00

562. Bà Trương Rật	:	20.00
563. Bà Nguyễn Thị Thanh	:	20.00
564. Cô Lâm Thanh Thủy	:	30.00
565. Bà Sharon Wolfe	:	100.00
566. Bà Đinh Thị Đan	:	100.00
567. Bà Bùi Thị Núc	:	10.00
568. Ông Đặng Tấn Thuận	:	50.00
569. Ông Thái Mạnh Tiến	:	200.00
570. Ô.Bà Saret Von	:	20.00
571. Cụ Chơn Nghi	:	50.00
572. Ô.Bà Trần Minh Anh	:	50.00
573. Ô.Bà Vương Quốc Tuấn	:	50.00
574. Ô.Bà Phạm Trung Phổ	:	100.00
575. Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh	:	20.00
576. Ô.Bà Phạm Lai (Mỹ kim)	:	50.00
577. Bà Trần Thị Xuyên (Mỹ)	:	20.00
578. Ô.Bà Nguyễn Việt Thông	:	100.00
579. Một PT ẩn danh cho mượn	:	500.00
580. Ô.Bà Trần Văn Dũng	:	100.00
581. Đh Tô Ứng Thi	:	10.00
582. Bà Phan Thị Quỳnh Hoa	:	10.00
583. Bà Vũ Văn Thái	:	20.00
584. Ông Nguyễn Lạng	:	20.00
585. Một PT ẩn danh (Mỹ)	:	20.00
586. Cô Phan Trần Đại Trang	:	20.00
587. Đh Diệu Kim	:	40.00
589. Ông Nguyễn Phát Thanh	:	50.00
589. ĐĐ Thích Thiện Tường	:	108.00
590. Ông Nguyễn Đạt Lợi và Bà Đặng Thị Nghiêm	:	30.00
591. Ông Võ Thống Nhứt	:	20.00
592. Cậu Nguyễn Phước Quang	:	20.00

593. Trần Tấn Thương và Đặng Thị Nhân	:	185.00
594. Bà Bùi Thị Phương và con	:	50.00
595. Bà Nguyễn Văn Học	:	200.00
596. Bà Chu Việt Tâm	:	30.00
597. Bà Nguyễn Thị Dung	:	30.00
598. Ô.Bà Lê Huy Hà	:	40.00
599. Ông Nguyễn Ngọc Tiến	:	40.00
600. Cô Nguyễn Thị Thanh Nga	:	50.00
601. Bà Diệu Can Nguyễn Thị Phụng	:	60.00
602. Restaurant Đà Lạt	:	1000.00
603. Đh Xuân Hạnh & Ngô Trọng	:	100.00
604. Ô.Bà Nguyễn Hùng Khải	:	100.00
605. Bà Hứa Từ Mẫn	:	50.00
606. Một Phật Tử ẩn danh	:	300.00
607. Ô.Bà Trần Văn Xương	:	50.00
608. Bà Lê Hữu Trinh	:	50.00
609. Ô.Bà Nguyễn Văn Lương	:	20.00
610. Bà Bs Trần Thị Bích Thủy	:	100.00
611. Đh Minh Phát	:	50.00
612. Đh Diệu Thiện	:	5.00
613. Đh Chúc Tánh	:	50.00
614. Bà Lê Văn Cang	:	140.00
615. Ông Đỗ Văn Tiến	:	10.00
616. Em Trần Ngọc Ninh	:	50.00
617. Ông Nguyễn Trang Quốc	:	10.00
618. Bà Nguyễn	:	50.00
619. Ô.Bà Trần Kỳ Nam	:	20.00
620. Ô.Bà Đào Huy Kinh	:	20.00
621. Cụ Đông Nguyên	:	10.00
622. Bà Lưu Ái Liên	:	30.00
623. Cụ Huỳnh Quang Nhật & Gđ.	:	50.00
624. Cụ Nguyễn Trọng Thắm	:	100.00

625. Một số nữ công nhân hãng		
	Distex	: 55.00
626. Bà Phan Thị Trần		: 4.00
627. Ô.Bà Lê Huy Hà		: 40.00
628. Ô.Bà Lê Huy Bửu		: 50.00
629. Ô.Bà Trần Đình Thụy		: 20.00
630. Bà Huỳnh Thị Nữ		: 10.00
631. Em Ngô Thế Chính		: 10.00
632. Ông Lê Văn Bá		: 40.00
633. Ông Đinh Ngọc Bôi		: 100.00
634. Bs Phạm Bậy		: 100.00
635. Ô.Bà Nguyễn Tấn Đời		: 200.00
636. Ô.Bà Ngô Anh Vỡ		: 100.00
637. Bà Hương Lê Mai		: 50.00
638. Bà Lâm Thị Len		: 50.00
639. Cô Nguyễn Kim Hoa		: 20.00
640. Bà Hà Như Hoàn		: 50.00
641. Bà Phan Thị Tâm		: 50.00
642. Ô.Bà Nguyễn Châu và Gđ.		: 50.00
643. Bà Thế Xuân		: 20.00
644. Bà Phùng Thị Ba		: 10.00
645. Ô.Bà Diệp Ngọc Dũng		: 10.00
646. Ông Vũ Anh Quân		: 20.00
647. Ông Trần Đình Thắng		: 100.00
648. Đh Đặng Ngọc Bửu		: 10.00
649. Ô.Bà Vũ Thành Bậy		: 100.00
650. Cụ Ngô Cẩm Phương (VN)		: 40.00
651. Cụ Diệu Chung Lê Thị Hồng		
	hiệu Tịnh Hạnh	: 30.00
652. Ô.Bà Bs Trần Mộng Hùng		: 50.00
653. Cụ Diệu Den Trần Thị Sút		: 10.00
654. Cụ Diệu Hương Nguyễn Thị Mùi		: 10.00
655. Cháu Nguyễn Thanh Tùng		: 10.00

656. Bà Diệu Liên hiệu Tịnh Liên Phan Thị Thanh	:	10.00
657. Ô.Bà Phùng Quốc Dũng (Houston, Mỹ)	:	10.00
658. Ô.Bà Trần Văn Tùng (Texas, Mỹ)	:	10.00
660. Bà Hà Nguyễn Có	:	10.00
661. Bà Hà Thị Đàm	:	30.00
662. Ông Nguyễn Ngọc Hoan	:	100.00
663. Ông Nguyễn Văn Thời	:	60.00
664. Bà Nguyễn T.H. Hoa Phạm	:	80.00
665. Ô.Bà Đoàn Minh(Dayon,Ohio):	:	60.US
666. Bà Lê Thị Phúc	:	50.00
667. Đh Phạm Thị Khang	:	20.00
668. Ô.Bà Lâm Quang Đức	:	20.00
669. Gđ. Đh Trần Thị Quỳnh	:	100.00
670. Ông Lê Văn Tuấn	:	100.00
671. Ông Nguyễn Đức Tường	:	100.00
672. Hội Liên Hiệp Tự Do	:	100.00
673. Bà Phan Trần Đài Trang	:	20.00
674. Việt Nam Dược Cuộc	:	100.00
675. Bà Cao Thị Nga	:	20.00
676. Ông Nguyễn Việt Ngọc	:	10.00
677. Ông Phạm Ngọc An	:	100.00
678. Ô.Bà Phan Đình Phước	:	100.00
679. Bà Nguyễn Thị Đồi	:	20.00
680. Ô.Bà Đỗ Quý Toàn	:	20.00
681. Bà Nguyễn Kim Hoa	:	20.00
682. Ô.Bà Nguyễn Hữu Toàn	:	100.00
683. Ông Champigny France	:	50.00
684. Bà Hoàng Kim Liên	:	100.00
685. Ông Nguyễn Long Tuyền	:	100.00
686. Ông Vũ Anh Quan	:	20.US

687. Ô.Bà Triệu Phương	:	200.00
689. Ông Trịnh Hùng	:	50.00
689. Bà Trần Quan	:	100.00
690. Bà Phạm Chấn Thù	:	10.00
691. Ông Trương	:	100.00
692. Cụ Tuyết Ngọc	:	50.00
693. Đh Chùa Ottawa Từ Ân	:	210.00
694. Ông Nguyễn Văn Nghĩa	:	20.00
695. Bà Đỗ Đăng Phan	:	20.00
696. Ô.Bà Khiêu Đình Tiên	:	10.00
697. Ô.Bà Lê Tiến	:	50.00
698. Ô.Bà Phạm Ngọc Chiêm	:	50.00
699. Ông Vũ Quốc Hiền	:	100.00
700. Ông Ngô Văn Dzoat	:	40.00
701. Bà Ngô Xuân Hương	:	20.00
702. Ô.Bà Vương Gia Cần	:	50.00
703. Ô.Bà Nguyễn Mậu Hoàng	:	50.00
704. Ô.Bà Nguyễn Đức Diêm	:	50.00
705. Bà Trần Lai Dần	:	20.00
706. Cụ Triệu Thị Hoa	:	20.00
707. Em Nguyễn Thị Ngọc Anh	:	20.00
708. Bà Thu	:	20.00
709. Ông Lê Văn Cát	:	10.00
710. Bà Phạm Công Nhựt	:	50.00
711. Ô.Bà Lu Văn Kiêm	:	50.00
712. Ông Nguyễn Trần Tuấn	:	100.00
713. Cô Nguyễn Thị Hạnh	:	50.00
714. Ông Nguyễn Minh Dung	:	50.00
715. Bà Võ Văn Quới	:	40.00
716. Bà Nguyễn Ngọc Lợi	:	20.00
717. Ông Nguyễn Văn Vân	:	20.00
718. Ô.Bà Phạm Xuân Bằng	:	100.00
719. Ông Vũ Văn Thái	:	100.00

720. GDPT Chùa Liên Hoa	:	100.00
721. Bà Phạm Thức Hiền	:	100.00
722. Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	:	20.00
723. Bà Lê Hữu Khai	:	100.00
724. Be Lê Nhu Liên	:	40.00
725. Ông Nguyễn Hữu Ban	:	40.00
726. Ô.Bà Lê Huy Hà	:	40.00
727. Đh Quảng Phụng	:	130.00
728. Cô Diệu Kim	:	40.00
729. Cô Diệu Tường	:	20.00
730. Ô.Bà Trương Quan	:	100.00
731. Cô Hương Thị Trần	:	20.00
732. Bà Phạm Văn Phi	:	65.00
733. Ông Hoàng Tu Quyết	:	400.00
734. Ông Nguyễn Thế Minh	:	10.00
735. Bà Bs Trần Thị Bích Thủy	:	200.00
736. Bà Uông Thị Quý	:	50.00
737. Bà Phan	:	100.00
738. Ô.Bà Bs Nguyễn Thế Huy	:	100.00
739. Cô Loan	:	5.00
740. Ông Hoàng Chiêu Nhân	:	30.00
741. Ông Nguyễn C. Dần	:	100.00
742. Ô.Bà Đỗ Đình Thế	:	50.00
743. Bà Hoàng Kỳ Lân	:	20.00
744. Bà Phan Thị Sáu	:	10.00
745. Ô.Bà Bùi Xuân Mai	:	150.00
746. Chùa Nhật Bản Montréal	:	50.00
747. Ô.Bà Lê Văn Thịnh	:	50.00
748. Phật Tử ẩn danh	:	20.00
749. Bà Tăng Thị Muôn Ottawa	:	50.00
750. Phật Tử Chùa Từ Ân Ottawa	:	128.00
751. Ông Phạm Bả	:	100.00
752. Cụ Nguyễn Thị Vi Tuyền	:	100.00

753.	Ô.Bà Bùi Tiến Hưng	:	100.00
754.	Bà Bùi Thị Quy Nhan và Gđ.	:	150.00
755.	Ô.Bà Bùi Tiến Hoàng	:	100.00
756.	Ô.Bà Bùi Tiến Đại	:	100.00
757.	Bà Bùi Thị Nhan Sam và Gđ.	:	50.00
758.	Ông Vũ Đình Khai	:	20.00
759.	PT Chùa Quan Âm chợ Tết	:	1988.79
760.	Ông Nguyễn Hùng Cường	:	50.00
761.	Bà Cao Thị Kha	:	30.00
762.	Ông Minh Quang	:	10.00
763.	Ô.Bà Đỗ Huy Viêm	:	5.00
764.	Gđ. ĐĐ Thích Nhất Chân	:	500.00
765.	Ô.Bà Lê Hoài Xuân	:	100.00
766.	Gđ. Cụ Thơm	:	20.00
767.	Ô.Bà Nguyễn Tăng Hồng	:	200.00
768.	Bà Trần Thị Tiến	:	100.00
769.	Ông Nguyễn Văn Quýnh	:	5.00
770.	Cô Hạnh	:	20.00
771.	Ô.Bà Nguyễn Trung Thoại	:	50.00
772.	Cô Trần Thị Trang	:	100.00
773.	Ô.Bà Đinh Tiến Thịnh	:	100.00
774.	Ông Nguyễn Thành Phước	:	20.00
775.	Bà Phan Kim Phụng	:	10.00
776.	Ô.Bà Nguyễn Trọng Thắm	:	10.00

HỘI THIÊN

**Danh sách Phật Tử tự nguyện cho mượn tiền
xây cất Chùa không lấy lời
Kể từ tháng 01.86, Chùa sẽ hoàn trả lại 500\$
theo thứ tự bắt thăm ngày 18.11.84.**

Thứ tự	Phương danh	Hoàn trả vào tháng
01	Đh. Đinh Xuân Thảo	01.1986
02	Đh Hồng Hoa	02.1986
03	Đh Hồng Hoa	03.1986
04	Đh Trần Văn Dũng	04.1986
05	Đh Hồng Hoa	05.1986
06	Đh Trần Văn Xương	06.1986
07	Đh Hồng Hoa	07.1986
08	Đh Trần Hữu Long	08.1986
09	Đh Phan Trọng Hàm	09.1986
10	Đh Nguyễn Trang Quốc	10.1986
11	Đh Nguyễn Xuân Cường	11.1986
12	Đh Nguyễn Thị Liên	12.1986
13	Đh Nguyễn Thị Liên	01.1987
14	Đh Trần Văn Hùng	02.1987
15	Đh Lê Huy Nhâm	03.1987
16	Đh Hồng Hoa	04.1987
17	Đh Trần Văn Xương	05.1987
18	Đh Trần Kỳ Nam	06.1987
19	Đh Tôn Nữ Tâm Giảng	07.1987
20	Đh Hồng Hoa	08.1987
21	Đh Quế Phương	09.1987
22	Đh Trần Hữu Long	10.1987
23	Đh Lê Văn Thu	11.1987
24	Đh Nguyễn Xuân Cường	12.1987

25	Đh Hồng Hoa	01.1988
26	Đh Hồng Hoa	02.1988
27	Đh Hồng Hoa	03.1988
28	Đh Lê Văn Thu	04.1988
29	Đh Nguyễn Trang Quốc	05.1988
30	Đh Trần Văn Dũng	06.1988
31	Đh Hồng Hoa	07.1988
32	Đh Hồng Hoa	08.1988
33	Đh Lâm Tô Bông, Đoàn Tấn Tâm và Đoàn Tấn Thiện	09.1988
34	Đh Đặng Tân Nam	10.1988
35	Đh Lê Văn Thu	11.1988
36	Đh Huỳnh Thị Tâm	12.1988
37	Đh Phạm Văn Hùng	01.1989
38	Đh Trần Kỳ Nam	02.1989
39	Đh Nguyễn Trang Quốc	03.1989
40	Đh Đinh Xuân Thảo	04.1989
41	Đh Trần Văn Xương	05.1989
42	Đh Trần Thị Mỹ Trọng	06.1989
43	Đh Lê Quang Minh	07.1989
44	Đh Hồng Hoa	08.1989
45	Đh Trần Văn Xương	09.1989
46	Đh Hồng Hoa	10.1989
47	Đh Hồng Hoa	11.1989
48	Đh Hồng Hoa	12.1989
49	Đh Hồng Hoa	01.1990
50	Đh Trần Văn Hùng	02.1990
51	Đh Huỳnh Thị Tâm	03.1990
52	Đh Lê Văn Thu	04.1990
53	Đh Hồng Hoa	05.1990
54	Đh Hồng Hoa	06.1990
55	Đh Trần Thị Mỹ Trọng	07.1990
56	Đh Hồng Hoa	08.1990

57	Đh Tiểu Sinh Lâm Quế Phương	09.1990
58	Đh Nguyễn Trang Quốc	10.1990
59	Đh Hồng Hoa	11.1990
60	Đh Ngô Kim Lang	12.1990

Ghi chú: Trước khi bắt thăm, gia đình Đh Ngô Thế Chụ cúng luôn số tiền cho Chùa mượn 700\$. Sau khai bắt thăm, quý Đh Hồng Hoa (số thứ tự 02, 03), Quế Phương (số 21), Lâm Tô Bông (số 33), Phạm Văn Hùng (số 37), Lê Văn Thu (số 52 và Ngô Kim Lang (số 60) tự nguyện cúng lại Chùa số tiền đã cho mượn. Một cử chỉ cao đẹp đáng làm gương!

DANH SÁCH QUÝ PHẬT TỬ HỖ CÚNG THỈNH TÔN TƯỢNG PHẬT THÍCH CA VÀ TƯỢNG QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT

Số thứ tự	Phương Danh	Số tiền
01	Đh Trần Văn Xương	1000.00
02	Đh Lâm Tô Bông	50.00
03	Đh Đào Đức Hoàn	20.00
04	Đh Diệu Huệ	20.00
05	Đh Phan Thị Khương	20.00
06	Đh Hương Nguyên	200.00
07	Đh Ngô Thị Quỳnh Lê	100.00
08	Đh Trần Hữu Long	30.00
09	Đh Diệu Huệ	20.00
10	Đh Lê Huy Nhâm	20.00

11	Đh Lê Quang Minh	100.00
12	Đh Đào Mai Sương	100.00
13	Đh Hồng Hoa	100.00
14	Đh Huỳnh Phước Bàng	100.00
15	Đh Huỳnh Phước Hải & Hồng	100.00
16	Đh Nguyễn Phát Thông	50.00
17	Đh Ngô Quang Di	200.00
18	Đh Ngô Anh Võ	50.00
19	Đh Nguyễn Văn Long	10.00
20	Đh Trần Nhã Nguyên	10.00
21	Từ Ngọc Duyên	100.00
22	Đh Nguyễn Thanh Long	50.00
23	Đh Trần Văn Đức	50.00
24	Đh Nguyễn Văn Khương	50.00
25	Đh Hồ Ngọc Đào	5.00
26	Đh Nguyễn Phú	5.00
27	Dh Điều Thiên	5.00
28	Đh Nguyễn Xuân Hải	20.00
29	Đh Huỳnh Hữu Nam	10.00
30	Đh Nguyễn Văn Công	20.00
31	Đh Lý Lan Phương	10.00
32	Đh Nguyễn Văn Hậu	40.00
33	Đh Trần Văn Quỳnh	30.00
34	Đh Trần Thị Thịnh	50.00
35	Đh Nguyễn Thị Thuận	10.00
36	Đh Phan, Nam, Lân, Long	10.00
37	Đh Nguyễn Quốc Ấn	300.00
38	Đh Việt Long	200.00
39	Đh Đinh Xuân Ân	40.00
40	Đh Đinh Xuân Ánh	30.00
41	Đh Ấn danh	100.00
42	Đh Ấn danh	20.00
43	Đh Trần Hiệp	10.00

44	Đh Thái Bình Minh	50.00
45	Đh Thái Diệu Loan	50.00
46	Đh Bà Tiến	10.00
47	Đh Nguyễn Kim Anh	20.00
48	Đh Ngọc Trai Hồ Sĩ	50.00
49	Đh Nguyễn Trọng Thâm	20.00
50	Đh Lê Kim Liên	50.00
51	Đh Lê Lâm	50.00
52	Đh Lương Văn Hy	10.00
53	Đh Hsu Chen Liang	50.00
54	Đh Lê Thị Huệ	5.00
55	Đh Nguyễn Văn Học	100.00
56	Đh Trần Kỳ Nam	20.00
57	Đh Xuân Lan	10.00
58	Đh Hội	10.00
59	Đh Trương Công Minh	100.00
60	Đh Lê Văn Lễ	50.00
61	Đh Lại Thị Tờ	10.00
62	Đh Nguyễn Thành Tâm	10.00
63	Đh Nguyễn Thị Tuyết	20.00
64	Đh Nguyễn Thành Trung	10.00
65	Đh Nguyễn Nguyễn Lợi	10.00
66	Đh Nguyễn Thành Lợi	100.00
67	Đh Lâm Chấn Hồng	50.00
68	Đh Hoàng Kỳ Lâu	10.00
69	Đh Quách Triệu Minh	10.00
70	Đh Quách Cẩm Hồng	10.00
71	Đh Quách Thị Hai	10.00
72	Đh Quách Cẩm Vân	10.00
73	Đh Đỗ Hữu Hiến	20.00
74	Đh Nguyễn Phát Thanh Nhi	20.00
75	Đh Trần Minh Dũng	20.00
76	Đh Đỗ Thị Định	200.00

77	Đh Huỳnh Văn Quý	10.00
78	Đh Ngọc Hà	5.00
79	Đh Lê Thị Phan	40.00
80	Đh Phạm Văn Hùng	20.00
81	Đh Trương Công Minh	200.00
82	Đh Ngô Quang Sự	20.00
83	Đh Nguyễn Kim Chúc	20.00
84	Đh Đinh Thị Nài	100.00
85	Đh Hồ Hoàng Kiệt	10.00
86	Đh Hứa Bình	6.00
87	Đh Lương Điền Phong	10.00
88	Đh Lương Điền Trung	20.00
89	Đh Lương Thị Nam Hiền	30.00
90	Đh Thúy Quỳnh	10.00
91	Đh Thúy Khanh	10.00
92	Đh Thành Hiếu	10.00
93	Đh Thành Hoàng	10.00
94	Đh Thành Tuấn	10.00
95	Đh Nguyễn Thế Phúc	100.00
96	Đh Vũ Thanh Bảy	50.00
97	Đh Nguyễn Thị Vân Khanh	50.00
98	Đh Đinh Tuyết Ánh	30.00
99	Đh Đỗ Hữu Hậu	40.00
100	Đh Đỗ Hữu Hiếu	40.00
101	Đh Đỗ Hữu Anh	40.00
102	Đh Đỗ Thị Tuyết	40.00
103	Đh Đỗ Thị Cẩm Nhung	40.00
104	Đh Đỗ Hữu Quý	100.00
105	Đh Thị Nguyễn	20.00
106	Đh Huỳnh Ngọc Anh	30.00
107	Đh Quách Triệu Hoàng	40.00
108	Đh Diệu Mẫn	20.00
109	Đh Ngọc Trang Võ	50.00

110	Đh Vương Quốc Tuấn	50.00
111	Đh Quảng Tịnh	50.00
112	Đh Nguyễn Minh Dũng	20.00
113	Đh Quách Triệu An	40.00
114	Đh Quách Triệu Khải	40.00
115	Đh Quách Thị Cẩm Nhung	40.00
116	Đh Quách Thị Cẩm Xuân	40.00
117	Đh Phan Thị Tâm	10.00
118	Đh Nguyễn Phát Thanh	50.00
119	Đh Huỳnh Khắc Tân	100.00
120	Đh Nguyễn Lợi Đạt	10.00
121	Đh Quách Triệu Thông	10.00
122	Đh Phan Thanh Bình	50.00

DANH SÁCH PHẬT TỬ HỘ TRÌ HÀNG THÁNG THÁNG 01 - 02 - 03 NĂM 1986

Số thứ tự	Phương danh	Số tiền
01	Đh Nguyễn Thị Thủy	10.00
02	Đh Nguyễn Thị Mười	10.00
03	Đh Trần Thị Chính	20.00
04	Đh Vũ Ngọc Tiến	10.00
05	Đh Phạm Thị Vui	10.00
06	Đh Nguyễn Vĩnh Cận	10.00
07	Đh Nguyễn Thọ Hầu	20.00
08	Đh Quách Văn Nghi	20.00
09	Đh Nguyễn Văn Thơm	10.00
10	Đh Trần Văn Xương	10.00
11	Đh Cao Thị Khá	10.00
12	Đh Lê Thị Hường	10.00

13	Đh Đỗ Ngọc Anh	10.00
14	Đh Nguyễn Thị Hiền	20.00
15	Đh Đỗ Đình Đôn	10.00
16	Đh Trần Thị Mười	10.00
17	Đh Trần Văn Lý	10.00
18	Đh Hồ Thị Hương	10.00
19	Đh Phan Tuyết Mai	10.00
20	Đh Lê Huy Nhâm	20.00
21	Đh Lê Huy Hà	20.00
22	Đh Trần Kỳ Nam	20.00
23	Đh Nguyễn Thị Quỳnh	10.00
24	Đh Nguyễn Hữu Cư	20.00
25	Đh Phan Thị Khang	20.00
26	Đh Chung Hữu Thế	10.00
27	Đh Triệu Phương	10
28	Đh Diệu Liên (Đạt)	10.00
29	Đh Nguyễn Hữu Doãn	10.00
30	Đh Diệu Bảo	10.00
31	Đh Hồ Văn Lý	20.00
32	Đh Nguyễn Hữu Tuy	10.00
33	Đh Nguyễn Thị Hiền	10.00
34	Đh Vũ Văn Quỳnh	10.00
35	Đh Dương Thiếu Sinh	10.00
36	Đh Đỗ Quý Toàn	10.00
37	Đh Ngô Văn Hoa	20.00
38	Đh Diệu Bửu	10.00
39	Đh Vũ Ngọc Đài	10.00
40	Đh Huỳnh Ngọc Trọng	20.00
41	Đh Đào Thị Hiền	10.00
42	Đh Đào Đức Hoàng	10.00
43	Đh Thái Mạnh Tiến	10.00
44	Đh Nguyễn Hùng Kha	10.00
45	Đh Nguyễn Vĩnh Cang	10.00

46	Đh Nguyễn Văn Học	20.00
47	Đh Lê Hữu Hào	10.00
48	Đh Trần Thanh Sử	10.00
49	Đh Nguyễn Ngọc Lợi	10.00
50	Đh Trần Kim Đồng	10.00
51	Đh Nguyễn Thanh	10.00
52	Đh Huỳnh Hữu Bân và Gđ.	30.00
53	Đh Huỳnh Minh Mẫn	10.00
54	Đh Lâm Tô Bông	10.00
55	Đh Lâm Duy Anh Kiệt	10.00
56	Đh Lâm Duy Anh Hào	10.00

CHƯƠNG TRÌNH SINH HOẠT CHÙA QUAN ÂM

Trong nhiệm kỳ 1985-1987, chúng tôi cố gắng thực hiện:

1.- Chùa Quan Âm được xây cất do sự đóng góp của Phật Tử sẽ được Phật Tử quản lý qua Ban Trị Sự do các Phật Tử đầu phiếu, tự do chọn lựa mỗi nhiệm kỳ.

2.- Phần Nghi Lễ và Giáo Lý đặt dưới sự lãnh đạo của hai vị Lãnh Đạo Tinh Thần, Thượng Tọa Thích Minh Tâm và Đại Đức Thích Như Điển, như từ trước đến nay. Trong tương lai, chúng tôi tha thiết cung thỉnh một Vị Sư để thường xuyên trụ trì ngôi Chùa một cách viên mãn.

3.- Tất cả Phật Tử có thiện tâm tu học đều được ân cần đón nhận nhập Hội và được kính trọng một cách bình đẳng. Tất cả Giáo Phái của Đạo Phật có thể được mời dự phần thuyết trình Chân Lý, học hỏi kinh điển.

4.- Cứu cánh của Chùa là thực hành "PHƯỚC HUỆ SONG TU". Phần nghi lễ và phần giáo lý sẽ được song song phát triển tối đa. Mỗi sáng chủ nhật sẽ tổ chức những Khóa lễ và thuyết trình Giáo lý, học hỏi Kinh điển.

5.- "Gia Đình Phật Tử" sẽ được tổ chức chu đáo hầu phát triển những mầm non cho tương lai của Chùa.

6.- Để thích hợp với sự lớn mạnh hiện nay của Chùa, càng sớm càng tốt sẽ có cuộc cập nhật hóa và sửa chữa hai bản Điều Lệ và Nội Quy. Bản dự thảo sẽ được trình bày trước Đại Hội và xin quyết định của Đại Hội.

7.- Tiếp tục cố gắng:

- thanh toán món nợ thiếu tư nhân và ngân hàng khi xây cất Chùa.

- sửa sang phía ngoài ngôi Chùa, sân, các lối đi...

- tạo dựng một ngôi nhà chứa đựng tro cốt của các Phật Tử được hỏa táng.

8.- Chương trình nêu trên sẽ hoàn tất tốt đẹp nhờ sự hợp tác tích cực của toàn thể Phật Tử về mọi mặt, vật chất lẫn tinh thần. Vì thế, Ban Trị Sự hoan hỉ đón nhận mọi sáng kiến và phê bình xây dựng của Quý Vị.

Rất mong Quý Phật Tử trợ lực với chúng tôi.

NAM MÔ BỔN SƯ THÍCH CA MÔ NI PHẬT

Montréal 24 tháng 11 năm 1985

BAN TRỊ SỰ

Ngôi Chùa chính thức làm lễ đặt viên đá đầu tiên vào ngày 17 tháng 8 năm 1984 do cụ Hội Trưởng Nguyễn Bình Tuyên và cụ Trần Văn Xương, Chủ tịch Ủy Ban Vận Động Xây Cất Chùa Quan Âm đứng ra làm lễ cùng với sự hiện diện của các Phật Tử xa gần hôm đó.

Đây cũng là một niềm vui của các Phật Tử Niệm Phật Đường Quan Âm nói riêng và của Phật Tử tại Montréal, Canada nói chung. Họ vui mừng vì kể từ nay, khi có ngôi chùa chính thức rồi, sẽ không còn bị cảnh hàng xóm làm khó dễ, thành phố kêu lên, kêu xuống đòi đóng cửa không cho sinh hoạt nữa.

Trong nhiệm kỳ 2 này (1983-1985), tất cả mọi chức vụ đều được lưu nhiệm như kỳ đầu, chỉ có Đạo Hữu Nguyễn Hữu Cư làm Tổng Thư Ký, bây giờ thay thế cho Đạo Hữu Đặng Tấn Nam. Chắc chắn trong nhiệm kỳ này quý Đạo Hữu đã khổ công không ít cho việc vận động xây chùa. Có người phát tâm không nói làm gì; nhưng kẻ chưa có nhân duyên với Phật Pháp lại có lời ra tiếng vào không tốt. Ví dụ như họ nói rằng: Chùa đã có rồi, xây chùa làm gì nữa? hoặc giả có những câu mà làm cho người đi vận động cũng chẳng biết trả lời sao. Ví dụ: Ngày xưa Phật đâu có cần chùa. Bây giờ quý vị làm chùa cho ai ở? Đúng vậy! Ngày xưa Phật không cần chùa, vì Phật ở xứ nóng. Còn ngày nay chúng ta phải cần chùa, vì chúng ta đang ở xứ lạnh mà. Mùa đông đôi khi trừ 40°C, nếu ngày xưa Phật sinh ra tại Canada, chắc Phật cũng cần phải có chùa để ở chứ?

Người thành tâm thiện chí cũng không ít; nhưng người miệng lưỡi cũng không thiếu; nhiều người lo ra, nhiều

người thợ vào; nhưng cuối cùng rồi việc đâu cũng vào đó và ngày 18 tháng 11 năm 1984 một buổi lễ An Vị Phật dưới sự chứng minh của Hòa Thượng Thích Tâm Châu và nhị vị Lãnh Đạo Tinh Thần Thượng Tọa Thích Minh Tâm và Đại Đức Thích Như Điển đã được cử hành.

Đây là một ngôi chùa bề thế xây dựng tại Bắc Mỹ; nhưng chỉ trong thời gian có 3 tháng đã được tổ chức lễ An Vị Phật. Quả là một thành quả đáng khích lệ vô cùng.

Để chuẩn bị cho lễ An Vị Phật này, tôi đã đến đây vào ngày 3 tháng 11 năm 1984 và Thượng Tọa Thích Minh Tâm cũng đã đến đây từ ngày 8 tháng 11.

Những ngày ở tại Montréal lần này tôi và Thượng Tọa Thích Minh Tâm đã hướng dẫn Thiền cho quý Phật Tử, đã có những buổi tọa đàm sau những bữa cơm chay thịnh soạn. Ngày 16.11.1984 các Hội Đoàn đã tập họp tại Niệm Phật Đường Quan Âm, Thượng Tọa Minh Tâm và tôi đã trao đổi với họ trong đường lối đấu tranh của GHPGVNTN tại quê nhà cũng như tại hải ngoại.

Trước khi làm lễ An Vị Phật chùa mới; những tượng thỉnh từ Đài Loan chưa về, nên phải thỉnh tượng cũ tại Niệm Phật Đường về đây an vị.

Trước lễ An Vị Phật mấy ngày, mọi người đều bận rộn không thể tả hết được. Kê lau bụi, người quét nhà, kê lo trang trí, người lo cơm nước. Bác Huỳnh Ngọc Anh đã đóng 3 bàn thờ, hiện nay còn giữ lại hai và Bác ngày nay cũng đã theo Phật rồi; nhưng mỗi lần lên chánh điện ai cũng nhớ đến Bác, một người thợ mộc lo cặm cụi đóng từng cái tủ áo, từng cái bàn thờ cho chùa. Anh Bằng, anh Thanh, anh

Long, anh Nguyên, bốn anh em trẻ lúc bấy giờ, tôi vẫn thường hay gọi là "Trứ trụ triều thần" cũng đã hăng say trong công việc của mình trong ngày trọng đại ấy. Khi 4 anh đi chùa thì 4 chị cũng tháp tùng để phụ lực với chùa, nhiều khi còn dẫn con cái theo nữa. Rồi ngày tháng trôi qua, cho đến hôm nay, khi tôi viết những dòng chữ này thì chỉ còn một mình anh Thị Pháp Huỳnh Phước Bằng là thường xuyên tại Chùa Quan Âm này, còn 3 anh chị kia đã làm Phật sự nơi khác, hoặc thỉnh thoảng mới tới chùa.

Khi đến Canada trong những năm trước, tôi thấy những anh chị này đều là những gia đình trí thức, cả vợ lẫn chồng đều có tính tâm với Tam Bảo, quả là điều quý báu vô cùng. Nếu lỡ chồng hay vợ thiếu tính tâm, hoặc khác đạo thì cũng khó hỗ trợ cho Chùa, cho Hội một cách đắc lực như vậy.

Thời gian 5 hay 10 năm, 20 hay 30 năm có là bao. Đời người trôi qua nhanh lắm; nhưng những sự đóng góp công sức của tất cả quý Đạo Hữu và quý Phật Tử vẫn còn lại nơi đây. Thỉnh thoảng nhiều cơn gió chướng đã thổi lại, hay tạt vào người mình; những người Phật Tử nếu có tính tâm sâu đậm hãy tìm cách tránh những luồng gió độc ấy đi, hoặc giả hãy ưỡn ngực ra để thách thức với nghịch cảnh ấy thử xem khả năng chịu đựng của mình đến chừng nào thì đó mới đúng với chơn tinh thần của một Phật Tử. Người Phật Tử chơn chánh là người Phật Tử biết chấp nhận vấn đề, đối diện với vấn đề và giải quyết vấn đề chớ không phải chạy trốn vấn đề.

Đã nhiều lần tôi ví dụ rằng: Có nhiều người ra đường gặp một cây lớn chặn lối, đã vội vã quay lại đường xưa. Có kẻ kiên tâm hơn, đứng đó chờ cho cây mục rồi mới bước

qua. Người có ý chí dùng kế sách để dẹp bỏ cây ấy vào bên đường để thông thả bước qua. Hoặc nếu có gan dạ hơn hãy bước qua cây ấy để đi đến đích. Trong 3 cách ấy chúng ta phải chọn một. Nếu người yếu bóng vía thường hay rút lui trước những khó khăn để thủ lợi về mình cũng có, mà để bảo vệ cái yếu đuối của mình cũng có. Người có chút kiên nhẫn hơn, phải đứng chờ. Còn người gan dạ hơn, phải gồng mình giải quyết vấn đề và đạp qua dư luận để tiến bước.

Hãy nhìn một hàng cây. Khi có gió thổi qua, cây cao nhất chắc chắn sẽ bị lay động nhiều. Người hay đương đầu trước quần chúng cũng giống vậy thôi. Tại vì hay làm việc, hay xông xáo vào công tác nên mới bị người ta hay chê trách; nhiều khi còn bị nghi oan nữa. Nhưng hãy bình tâm, không có gì phải nôn nóng để xét đoán sự việc một cách ô hợp được. Hãy kiên nhẫn và chịu đựng sự phê bình từ đối phương. Đó mới là tư cách của người lãnh đạo hoặc "người làm dâu trăm họ" trong công chuyện chùa.

Khi đến đây dự lễ An Vị Phật, tôi thấy công việc chưa xong, nên cũng phải xắn tay áo để làm với các anh em công quả hôm đó và từ hình ảnh này, quý vị lớn tuổi sau này khi gặp tôi, đều kể lại chuyện xưa để làm gương cho những người trẻ sau này. Ý nói, Thầy đến đây dự lễ trong tư cách lãnh đạo tinh thần của Hội mà Thầy còn làm thế, huống nữa là Phật Tử tại địa phương hay trong Ban Trị Sự phải càng gia tâm hơn nữa.

Buổi lễ An Vị Phật hôm đó thành công viên mãn và đã có khoảng 1.000 người Phật Tử quanh vùng về đây tham dự lễ này.

Ngày 21 tháng 11 năm 1984, Thượng Tọa Thích Minh Tâm trở về Pháp và sau đó, ngày 29.11.84 tôi cũng trở lại trụ xứ của mình.

Chùa đã được xây xong, bây giờ quý Đạo Hữu tại Canada vẫn tự tu và tự học, chưa thỉnh được vị Thầy nào về đây trụ trì cả. Suốt trong thời gian 84 cho đến năm 86 chùa vẫn không có Tăng sĩ, thỉnh thoảng quý Thầy đi hoằng hóa tại Bắc Mỹ, có ghé lại đây để thuyết giảng cho quý Phật Tử nghe. Cũng trong thời gian này, Thượng Tọa Thích Minh Tâm và tôi thay phiên nhau đến Canada mỗi năm 1 hay 2 lần để giúp đỡ các Phật sự tại Chùa Quan Âm này.

Trong nhiệm kỳ 85-87 này gồm có:

Đạo hữu Nguyễn Hữu Cư làm Hội Trưởng.

Đạo hữu Trần Thị Mười làm Phó Hội Trưởng Ngoại Vụ.

Đạo hữu Lê Văn Thu làm Phó Hội Trưởng Nội Vụ.

Đạo hữu Chung Hữu Thế làm Tổng Thư Ký.

Đạo hữu Đào Bá Ngọc làm Phó Tổng Thư Ký.

Đạo hữu Tôn Nữ Tâm Giảng làm Thủ Quỹ và

Đạo hữu Trần Thanh Sử làm Phó Thủ Quỹ.

Nhiệm kỳ này hầu như là những Đạo Hữu mới và một số Đạo Hữu cũ cũng có mặt trong Ban Chấp Hành này được lưu nhiệm. Cũng chính trong thời gian này Ban Trị Sự đã cung thỉnh Đại Đức Thích Viên Diệu về Trụ trì chùa Quan Âm từ năm 1986 đến 1988. Đây là thời gian mà quý Thầy tại Âu Châu tương đối ít bận tâm hơn về Phật sự tại Canada, vì đã có Đại Đức Trụ Trì đảm nhận rồi.

Thế nhưng Thầy cũng chỉ ở được tại trụ xứ này 2 năm mà thôi. Thầy lại ra đi, lập Chùa Thuyền Tôn, còn Phật sự tại Chùa Quan Âm vẫn còn vắng bóng một vị Tăng sĩ.

Sau đây là những thành quả đã được vị Tổng Thư Ký của Ban Trị Sự nhiệm kỳ 85-87 đọc trong Đại Hội Thường Niên Chùa Quan Âm, xin trích lược ra đây để quý vị lãm tưởng.

ĐẠI HỘI THƯỜNG NIÊN CỦA CHÙA QUAN ÂM

Kính thưa Đại Đức, Đại diện Thượng Tọa Lãnh Đạo Tỉnh Thần,

Kính thưa quý vị Hội Viên Chùa Quan Âm,

Kính thưa quý Quan Khách,

Nhân danh Tổng Thư Ký Ban Trị Sự Chùa Quan Âm, nhiệm kỳ 1985-1987, chúng tôi xin phép trình bày các hoạt động của Chùa Quan Âm trong năm qua.

LỜI CẢM TẠ

Trước hết, “Ăn trái, nhớ kẻ trồng cây”, chúng tôi kính cảm tỏ lòng biết ơn đối với quý vị Sáng Lập Viên đã có sáng kiến lập Hội Phật Giáo Quan Âm từ sáu năm nay. Nhờ Quý Vị, Hội Phật Giáo Quan Âm ra đời, giữa bao nhiêu khó khăn của buổi ban đầu, đúng với câu tục ngữ như “Vạn sự khởi đầu nan”.

Chúng tôi cũng không quên tỏ lòng biết ơn đối với nhị vị Lãnh Đạo Tỉnh Thần, quý vị Nhân Viên Ban Trị Sự nhiệm kỳ trước đây - 1983-1985 - và Ủy Ban Vận Động Xây Cất Chùa Quan Âm. Nhờ lòng can đảm và đạo tâm nồng nhiệt của quý vị, đứng lên kêu gọi lòng thành và đạo tâm của cả

ngàn Phật Tử xa gần, cùng chung góp sức về tài chánh, xây lên ngôi Chùa Quan Âm, kang trang và khả kính như thế này; đã làm cho một số tôn giáo bạn phải khâm phục, thường nhắc nhở và nêu gương Chùa Quan Âm tiêu biểu cho sức mạnh phi thường về đức tin của người tín đồ, từ cái không biến thành ra cái có, từ đôi bàn tay trắng dựng lên ngôi chùa xinh đẹp trang nghiêm – ngôi chùa Phật Giáo lớn và đẹp nhất của châu thành Montréal, nêu không nói là của Canada.

Tạo ra ngôi Chùa, đó là công đức của Quý Vị Sáng Lập Viên, Ban Trị Sự tiền nhiệm, Ủy Ban Vận Động Xây Cất Chùa và cả ngàn Phật Tử. Đó là công tác trong quá khứ giúp ngôi Chùa thành hình. Nhưng, hiện nay có một công tác khác – không kém phần quan trọng – là công tác giúp ngôi Chùa đứng vững vàng ngày qua ngày, để làm tròn sứ mạng cao cả truyền bá giáo lý nhà Phật. Đó là công tác của quý vị trong chương trình Hộ Trì Hàng Tháng, quý vị Ân Nhân giúp chùa, mà chúng tôi có dịp sẽ trình bày cặn kẽ hơn ở phần sau.

CÁC CÔNG TÁC THỰC HIỆN

Giờ đây là vắn tắt những công tác đã được thực hiện trong năm qua.

NGHI LỄ

Nói đến Chùa, người ta nghĩ ngay đến nghi lễ. Về nghi lễ, mặc dầu Chùa Quan Âm chưa có duyên may cung thỉnh được một vị Sư Trụ Trì, Ban Trị Sự đặc biệt quan tâm đến phần nghi lễ. Bằng cơ là chính Đạo Hữu Hội Trưởng Nguyễn Hữu Cư, đã kiêm nhiệm chức Trưởng Ban Nghi Lễ của Chùa, hiệp sức cùng một số Đạo Hữu khác thực hiện phần nghi lễ. Tại Chùa, hàng tuần sáng chủ nhật đều có lễ

cầu an, cầu siêu. Lại có những cuộc lễ phát tang, cầu siêu tại các nhà quàn, các lễ an táng do Phật Tử dù hội viên hay không hội viên của Chùa yêu cầu. Ban Hộ Niệm đã tận tâm làm tròn sứ mạng giúp đỡ đồng bào hữu sự, lắm khi dưới trời mưa hay bão tuyết lạnh lẽo khổ cực vô cùng. Để đáp ứng nhu cầu của Chùa, nhiều lớp dạy chuông mõ được thành lập, mong đào tạo thành phần Ban Hộ Niệm dồi dào thêm.

GIÁO LÝ

Đúng với chủ trương "Phước Huệ Song Tu", phần Giáo Lý cũng được ân cần chăm sóc. Mỗi sáng chủ nhật, sau buổi lễ hàng tuần, đều có tổ chức buổi thuyết trình Giáo Lý, thường là do một Cư sĩ đảm nhận. Dĩ nhiên, khi có quý Thầy quang lâm, đó là một dịp may để Phật Tử được quý Thầy thuyết giảng kinh điển.

Trong vòng tháng 11, Chùa đã có cả thảy:

- 31 buổi thuyết trình giáo lý do Cư sĩ,
- 21 buổi thuyết trình giáo lý do quý Thầy,

Trong vòng 11 tháng, có 36 Thầy quang lâm đến viếng Chùa, hoặc dạy giáo lý trong nhiều tuần lễ, như Thượng Tọa Thích Minh Tâm, Thượng Tọa Thích Nhất Hạnh, Hòa Thượng Thích Giác Nhiên, Đại Đức Thiện Huệ, Đại Đức Nhứt Chơn. Đặc biệt, ngày 28 tháng 8 năm 1986, tiện dịp dự cuộc khánh thành Chùa Hoa Nghiêm ở Toronto, một số đồng Quý Vị Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức ở Úc Châu, Âu Châu, Mỹ Châu có ghé viếng Chùa Quan Âm với những lời khen ngợi và chúc lành. Ngoài ra, Chùa hân hạnh được 8 vị Cao Tăng xứ Tây Tạng nhân dịp viếng trụ sở Liên Hiệp Quốc ở Hoa Kỳ, quang lâm và hành lễ tại Chùa Quan Âm, sử dụng một số nhạc cụ thật đặc biệt. Kể đó là Đại Đức Pyadassi xứ Tích Lan (Sri Lanka) quang lâm và lưu lại một tuần lễ, thuyết giảng 5 lần. Gần đây có hai nhà Sư

người Lào đến Chùa Quan Âm làm lễ cầu siêu cho một thiếu phụ người Lào đã qua đời ở Thái Lan.

SÁCH BÁO ẤN TỔNG

Trong vòng 11 tháng, Chùa cho phát hành:

- 2 bản tin nội bộ tháng 11 và tháng 12 năm 1985
- 1 tập Báo Xuân Bính Dần
- 1 tập Bạch Thư về việc xây cất Chùa Quan Âm
- 1 tập Lễ Phật Đản, Phật lịch 2530
- 1 tập Vu Lan – Mùa Báo Hiếu

Các tập Báo Xuân, Phật Đản và Vu Lan được in với số lượng 600 tập mỗi kỳ. Một số Phật Tử tự nguyện góp phần công đức tái bản quyển *Mới Vào Cổng Chùa* của Thượng Tọa Thích Thanh Từ để biếu không.

Chùa Quan Âm tuy những ngày thường có vẻ rộng lớn như thế này, nhưng các ngày lễ lớn, như Tết Nguyên Đán, Lễ Phật Đản, Lễ Vu Lan vẫn chật nghẹt, không thể chen chân, với số Phật Tử xa gần để dự lễ trên 400 vị mỗi lần.

GIA ĐÌNH PHẬT TỬ

Một trong những cố gắng của Ban Trị Sự là tái lập Đoàn Gia Đình Phật Tử, và ở lãnh vực này, kết quả thật khả quan, nhờ sự tận tâm của Ban Cố Vấn, Ban Huỳnh Trưởng của Gia Đình Phật Tử và một số ân nhân đã tích cực yểm trợ. Trong mấy tháng hè, Chùa tổ chức bốn lớp dạy tiếng Việt cho trẻ em người Việt ở trong vùng. Có đến hơn 60 em ghi tên học đầy đủ cho đến ngày cuối của khóa học. Khóa học đã chấm dứt bằng một buổi văn nghệ thân mật, với chương trình *Đổ Vui Để Học* thật ngoạn mục. Chương trình dạy tiếng Việt cho trẻ em Việt đáng được ghi công. Chùa cũng không quên công khó nhọc của Ban Giảng Huấn đã tận tâm dạy dỗ các em.

Giờ đây chúng tôi bước qua phần xây cất.

PHÂN XÂY CẤT TRỒNG CỎ

Từ đầu mùa hè 1986, Chùa Quan Âm được trang điểm thanh lịch bằng những thảm cỏ xanh mượt từ ngoài lề đường, sân trước, sân sau, hai bên hông Chùa. Ngay khi cỏ được trồng, gia đình Đạo Hữu Hồ Văn Lý tặng 4 cây Lê và Đào bên cạnh mặt của Chùa và tự tay Đạo Hữu Lý đã trồng lấy. Đến ngày 27.07.1986, để tăng thêm vẻ trầm lặng cổ kính của ngôi Chùa, hai Đạo Hữu Phạm An Chính và Nguyễn Văn Lục đã tự nguyện biếu cho Chùa 9 cây Trắc Bà Diệp cao 1 thước 30 và tự trồng lấy trước sân Chùa. Một lần nữa, Ban Trị Sự xin tỏ lời biết ơn nồng nhiệt với quý vị hảo tâm hiếm có, đã hiến công lặn của tô điểm ngôi chùa càng trang nghiêm hơn nữa, xứng đáng làm nơi thờ phượng các Đấng Cao Cả.

AM THỜ TRO CỐT

Theo lời yêu cầu của một số đồng Phật Tử, Chùa Quan Âm xin phép được chánh phủ Québec chấp nhận, lập một Am thờ tro, hài cốt của các Phật Tử hỏa táng. Đây là một tin mừng cho một số lớn Phật Tử có thân quyến hỏa táng ở Việt Nam và tro cốt được mang sang đây, hoặc hỏa táng tại Canada. Việc xây cất được xúc tiến ngay khi được giấp phép và cái Am xinh xắn cũng sắp hoàn thành. Chúng tôi tin chắc Quý Vị cũng đồng ý Am ấy có vẻ mỹ thuật và ấm cúng, có lẽ vì thế nên có vài ba Đạo Hữu đã đóng tiền giữ chỗ để sau này nghỉ ngơi trong Am ấy, một khi tạm biệt các bạn hữu và gia đình. Tuy nhiên, không có gì để chúng ta vội vã, vì Am có thể rước lối 400 vị khách. Chỗ còn rất nhiều, đừng vội!

NHÀ CHE TUYẾT

Khi này, trước khi vào phòng họp, chắc Quý Vị đã để ý đến mái nhà che tuyết vừa cất xong. Hy vọng năm nay, vào mùa đông, khi đến Chùa Quan Âm, Quý Đạo Hữu sẽ bớt vất vả khi phải xuống các nấc thang trơn trượt nguy hiểm như năm rồi, trước khi vào phòng.

SỬA SANG TRUNG TÂM VĂN HÓA QUAN ÂM

Nhờ sự giúp đỡ tài chánh của Bộ Văn Hóa tỉnh Québec, Chùa lập tức sửa sang lại nhà cũ sau lưng Chùa, biến thành Trung Tâm Văn Hóa Quan Âm. Nóc nhà được lợp lại. Các vách và sàn nhà được trang bị thích nghi giữ nhiệt để các em thiếu nhi có thể sinh hoạt ngay mùa đông năm nay. Chùa dự định lập một tủ sách Việt ngữ cho các em. Khi trao ngân phiếu cho Ban Trị Sự Chùa, Đại diện Bà Bộ Trưởng Văn Hóa nhiều lần nhắc nhở: Số tiền ấy không phải giúp Chùa với danh nghĩa tôn giáo – vì theo Bà tôn giáo hiện nay quá nhiều ở tỉnh Québec và là một lãnh vực riêng tư mà Chánh Phủ không muốn can thiệp vào, mà đây là một sự tài trợ về văn hóa mà thôi. Giúp về văn hóa là như thế nào? Ấy là giúp người Việt thấu hiểu và giữ gìn kho tàng của ông bà để lại về văn chương, luân lý, phong tục, truyền thống... Nói cách khác, ấy là giúp người Việt không bị mất gốc rễ mặc dầu đang sống ở xứ lạ quê người, vì Chánh Phủ Québec tin tưởng rằng chỉ có những người Việt tốt mới trở thành những công dân Canadiens tốt mà thôi.

TRÁNG NHỰA SÂN SAU CỦA CHÙA

Chùa cũng đã cho tráng nhựa sân sau cốt ý để mùa đông các em thiếu nhi có thể chơi những trò chơi trên tuyết sạch sẽ và an toàn hơn, như là vào hè có chỗ chơi thể thao, thể dục. Khi cho tráng sân ấy, chúng tôi vẫn cẩn thận chừa lại một khoảng lớn đất trồng gần hàng rào, ở cuối sân, dụng ý sang xuân sẽ tổ chức những luống đất và kêu

gọi các Phật Tử của Chùa trồng trọt những thứ hàng bông, rau, cải, đậu, các loại hoa... cho Chùa dùng vào ngày chủ nhật. Có đất trống bỏ không, tại sao chúng ta không tìm cách canh tác, vừa vui thích, vừa có ích, đem lại hoa quả cho Chùa dùng?

NHỜ ĐÂU ĐƯỢC THÀNH CÔNG

Trên đây là tóm tắt những công tác được thực hiện trong 11 tháng qua. Nhìn lại quá khứ, chỉ trong vòng ngắn ngủi 11 tháng tròn, nhờ sự giúp đỡ tận tình của Quý Thầy và Quý Đạo Hữu, Chùa đã thực hiện bấy nhiêu công tác tinh thần lẫn vật chất. Đối với Ban Trị Sự chúng tôi, quả là một giấc mơ kỳ diệu, một kết quả hoàn toàn bất ngờ, khi hồi tưởng lại những khó khăn của bước đầu. Thật là một kết quả mà trước kia chúng tôi không dám mơ ước. Thử tìm hiểu nhờ đâu mà đạt bao nhiêu thành quả?

Chúng tôi thành thật nghĩ rằng đó là hồng ân Tam Bảo gia hộ cho đạo tâm của toàn thể Phật Tử Chùa Quan Âm. Đúng vậy! Đức tin và lòng thành, là chiếc đũa thần giúp chúng ta thành công. Chính mỗi Phật Tử của Chùa, do sự chân thành cố gắng đã đóng góp vào kết quả ấy: Từ sự hy sinh của các Chị trong Ban Trai Soạn, tuổi đã cao, sức đã yếu, nhưng chủ nhật nào, dù tới phiên hay không phải phiên mình trách nhiệm, vẫn cặm cụi nấu nướng một hay nhiều món ăn, từ nhà nơi xa xôi chờ xe bus hay métro đến Chùa cúng dường và giúp vào bữa ăn công cộng, vì không có xe nhà đưa đón. Đó là tấm gương hy sinh, một công đức đáng ghi! Còn một số em thanh niên đã lặn lội sáng chủ nhật đến Chùa thật sớm, lo hốt tuyết hay cắt cỏ, hoặc dọn dẹp vệ sinh bên trong ngôi Chùa, hoặc sau các bữa ăn giành phần rửa chén thay các bác! Cực nhọc hơn nữa là quý Đạo Hữu trong Ban Hộ Niệm. Mỗi khi có lời yêu cầu của Phật Tử - dù là Hội viên hay không phải hội viên của Chùa

Quan Âm - một số Đạo Hữu trong Ban Hộ Niệm tình nguyện đến nhà riêng hay nhà quán để tụng niệm, dự lễ cầu siêu cho các đám tang, và đưa tiễn người quá cố đến phần mộ hay nơi hỏa táng. Đó là một công tác rất thiết yếu đối với gia đình hữu sự cần được giúp đỡ trong cơn bất hạnh đau buồn, và cũng là một công tác thường là bất ngờ, không thể đoán trước được, khiến cho anh chị em Ban Hộ Niệm khi được kêu gọi phải mau lẹ gác qua một bên công việc nhà để làm bốn phận, nhiều lúc dưới trời mưa gió, bão tuyết lạnh lẽo, và lắm khi nhiều lần trong một tuần lễ!

Chúng tôi không quên công khó nhọc của Quý Thầy không nệ đường xá xa xôi, nhọc nhằn, lại thêm như lúc này khí hậu lạnh lẽo, đã quang lâm và ở lại một thời gian dài tại Chùa hoằng dương đạo pháp. Chỉ trong vòng 11 tháng, Thượng Tọa Thích Minh Tâm, mặc dầu thật đa đoan công việc tại Pháp, đã quang lâm 1 lần, ở lại 9 bữa, còn hai vị Đại Đức Thiện Huệ và Nhứt Chân đã quang lâm 2 lần và ở lại 38 ngày, mỗi vị. Chính những tấm lòng hy sinh của Phật Tử và sự lo âu chăm sóc của Quý Thầy đã làm động lòng chư Phật và các Đấng Vô Hình Cao Cả để các Ngài tuôn bao nhiêu hồng ân quý báu cho ngôi Chùa thân yêu của chúng ta trong thời gian qua.

Đó là suy tư về phương diện tinh thần.

Nhưng, nếu chịu nhọc xem xét vật chất, chúng ta sẽ nhận thấy ngay: Ngôi Chùa Quan Âm sở dĩ còn vững vàng đến ngày hôm nay là nhờ sự tiếp tay của các Vị hăng tâm hăng sản đối với công việc Chùa, nhất là hưởng ứng chương trình Hộ Trì Hàng Tháng và hộ trì bất thường.

Kính thưa Quý Vị,

Như thế, chúng ta có thể kết luận: Nguyên nhân giúp Chùa Quan Âm vững bước đến ngày hôm nay là sự Đoàn Kết trong Đức Tin. Nhờ chúng ta tin tưởng nơi Đức Phật Từ Bi Cao Cả và đoàn kết trong niềm tin ấy, mà các trở ngại

đều được san bằng. Như thế, quả thật Quan Âm là ngôi Chùa chung của bá tánh, của các Phật Tử. Nói như thế rất đúng và không có chi là quá đáng, và cũng không có chi gọi là quên ơn các Vị Sáng Lập Viên, là vì lập Chùa là công của Quý Vị Sáng Lập, còn giúp Chùa sống vững ngày qua ngày là công đức của các Vị Ân Nhân Hộ Trì hàng tháng và bất thường. Nếu Quý Vị vừa là Sáng Lập Viên, vừa là Nhân Viên Hộ Trì hàng tháng, thì quả thật là gấm mà lại thêu hoa, công đức của Quý Vị thật vô lượng, không ai có thể sánh được.

CHƯƠNG TRÌNH CHO NĂM TỚI

Ban Trị Sự chúng tôi còn một năm nữa là hết nhiệm kỳ. Chắc Quý Vị cũng muốn biết chúng tôi dự định hoạt động thế nào và chương trình cho tương lai gồm có những gì?

Trước hết, chúng tôi nghĩ - nếu không quá chủ quan - trong năm qua với những kết quả thu hoạch, cũng tạm gọi là trung bình khi nhìn lại những phương tiện về nhân lực và tài chánh mà Chùa đang có. Vậy, đường hướng cho năm tới là tiếp tục những công tác đang dở dang hiện nay ở mọi lãnh vực.

VỊ TẶNG SĨ TRỤ TRÌ

Có một điều mà tất cả Phật Tử Chùa Quan Âm vẫn tha thiết ước mong từ lâu, là cung thỉnh được một vị Tăng Sĩ trụ trì thường xuyên. Và đó cũng là mục tiêu ưu tiên một của Ban Trị Sự, được ghi rõ ràng trên Chương Trình Hoạt Động của Ban Trị Sự khi ra ứng cử. Và, theo chỗ chúng tôi được biết, đó cũng là niềm lo âu của Quý Vị Lãnh Đạo Tinh Thần của Chùa Quan Âm. Nhưng, có lẽ thuận duyên chưa tới nên vị Tăng Sĩ Trụ Trì ấy chưa đến với chúng ta, mặc dầu mọi người đều chân thành ước mong. Vậy, trong khi

chờ đợi, chúng ta hãy thành tâm cầu nguyện để một ngày gần đây ước nguyện tha thiết ấy sẽ trở thành sự thật!

PHÁT TRIỂN TRUNG TÂM VĂN HÓA QUAN ÂM

Một trách nhiệm nặng nề khác nữa là khuếch trương Trung Tâm Văn Hóa Quan Âm. Như đã được trình bày khi nãy, năm nay Chánh Phủ Québec trợ cấp Chùa một số tiền công tác văn hóa. Phân nửa số tiền đã dùng vào công tác chỉnh trang ngôi nhà cũ thành nơi đầy đủ tiện nghi cho các em thiếu nhi hội họp và tạo một tủ sách tiếng Việt cho các em học tập. Nhưng, còn phải hoạt động nhiều hơn nữa, đúng theo đường lối Chánh Phủ nêu ra, mới mong có kết quả tốt thật sự và cũng để hy vọng Chánh Phủ tiếp tục giúp đỡ Trung Tâm Văn Hóa Quan Âm những năm tới.

NHỮNG NHU CẦU CẤP BÁCH CỦA BAN TRỊ SỰ

Để thực hiện tất cả những mục tiêu ấy trong chương trình hoạt động của Chùa trong năm tới, chúng tôi thấy rất cần đến Quý Đạo Hữu Phật Tử về hai phương diện sau đây:

1.- Trước hết là sự hợp tác quý báo của Quý Vị.

Như mọi người có thể nhận thức: Chùa chúng ta càng ngày càng phát triển mạnh. Số Phật Tử đến với chúng ta càng lúc càng đông. Để làm tròn sứ mạng, Chùa cần nhiều Tiểu Ban làm việc tích cực hầu đáp ứng nhu cầu của hội viên. Nhưng, Ban Quản Trị vốn vắn có mấy người, không sao hoạt động hữu hiệu nếu không có sự giúp đỡ tận tình của Quý Đạo Hữu ở mọi lãnh vực, từ nghi lễ, giáo lý, trai soạn, thư viện, vệ sinh tổng quát... Có thể nói: Ở bất cứ lãnh vực nào, miễn Quý Đạo Hữu có nhiệt tâm giúp đỡ Chùa, thì vẫn có công tác Phật sự để Đạo Hữu làm, vì ở lãnh vực nào cũng đang thiếu người, từ Phật sự chánh điện, văn phòng, nhà bếp hay ngoài sân.

2.- Một tinh thần phê bình xây dựng của Quý Đạo Hữu.

Rất mong Quý Đạo Hữu giúp ý kiến, chỉ những chỗ sai lầm, thiếu sót của Ban Trị Sự để chúng tôi kịp thời sửa chữa những điều sai quấy hay lỗi lầm. Khi nêu những hoạt động trong năm qua, chúng tôi rõ rệt nhận thức còn nhiều khuyết điểm trong cách làm việc của Ban Trị Sự cần được nhắc nhở để tránh hay sửa chữa ngay. Và chúng tôi thành thật kính xin Quý Đạo Hữu -nếu thật sự thương Chùa- vui lòng giúp ý kiến với chúng tôi để cùng nhau, tay trong tay, chúng ta xây dựng một ngôi Chùa Quan Âm càng ngày càng khả kính, làm tròn sứ mạng cao cả. Các điều góp ý của Quý Vị, dù trực tiếp hay gián tiếp bằng thư từ, lúc nào cũng được đón nhận và xem xét kỹ lưỡng với lòng biết ơn.

Khi thành lập Hội Phật Giáo Quan Âm, hai tôn chỉ được nêu ra rõ rệt:

- trước hết là hoằng pháp
- kế đó là phát huy và giữ gìn truyền thống của người Việt.

Đến ngày nay, cả 2 mục tiêu đều được thực hiện song song với nhau. Đó là nhờ sự tận tâm của Quý Đạo Hữu Phật Tử và sự chăm sóc ân cần của Quý Thầy Lãnh Đạo Tinh Thần.

Trước khi dứt lời, một lần nữa, chúng tôi xin tỏ lòng kính mến đối với Quý Thầy Lãnh Đạo và Quý Đạo Hữu trong 11 tháng qua đã tận tình giúp đỡ Ban Trị Sự trong các Phật sự.

Nguyện cầu chư Phật từ bi hộ trì cho Chùa Quan Âm mãi mãi thọ lãnh hồng ân của Ngôi Tam Bảo, cầu xin Quý Thầy và Quý Đạo Hữu cùng bửu quyến thân tâm an lạc, bồ đề tâm tăng trưởng.

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Montréal, ngày 08 tháng 11 năm 1986

Chương 6

Tăng Sĩ Trụ Trì

Đây là một trong 3 ngôi báu của Tam Bảo. Nói cho đủ phải là Tăng Già. Tiếng Sancrist gọi là Shanga. Tàu dịch âm là Tăng Già. Nghĩa là một đoàn thể xuất gia, từ 4 vị Tỳ Kheo trở lên mới gọi là Tăng được. Họ sống trong nếp sống lục hòa. Đó là:

- Thân hòa đồng trú. Nghĩa là hòa mình sống trong một ngôi chùa, một tổ chức, một làng xóm hay một đất nước.

- Khẩu hòa vô tranh. Nghĩa là họ không tranh cãi nhau như thế tục.

- Ý hòa đồng duyệt. Nghĩa là việc gì cũng phải thông cảm nhau để thông qua.

- Kiến hòa đồng giải. Nghĩa là có ý kiến gì khác, cần phải khai giải thông suốt.

- Giới hòa đồng tu. Nghĩa là cùng hòa mình trong tinh thần giới luật để tu. Và

- Lợi hòa đồng quân. Nghĩa là những việc lợi lạc từ tinh thần đến vật chất đều chia đều với nhau.

Trên đây là 6 điều căn bản để một người Tăng Sĩ sống trong chùa, viện, Phật học viện v.v... cho đến ngày nay tinh thần lục hòa Đức Phật nói ra tại thành Tỳ Xá Ly vẫn còn có giá trị. Nếu ai trong Tăng chúng sai trái cũng căn cứ theo

ting thần này để xử trị. Đây là một Hiến Pháp nho nhỏ của Thiền gia.

Khi Phật còn tại thế có nhiều ngoại đạo thấy rằng việc đi tu là một đặc ân, vì thế nhiều bậc vương tôn công tử cung phụng. Có nhiều Hoàng hậu, Hoàng phi lui tới chùa chiền dâng y cúng áo cho những vị Cao Tăng. Từ đó trong Giáo Hội của Đức Phật cũng đã xảy ra không biết bao nhiêu là tệ nạn. Bởi vậy Đức Phật mới chế ra phép tứ y, có nghĩa là 4 nơi nương tựa. Nếu người Tăng Sĩ chấp nhận được 4 nguyên tắc này thì ở chùa và gia nhập đoàn thể của Giáo Hội. Nếu không, trở về vị trí ngoại đạo của mình.

Nơi nương tựa thứ nhất là người xuất gia phải đi khất thực để tự nuôi thân.

Đi khất thực là một hạnh nguyện cao cả. Không phải ai cũng có thể thực hành được. Nếu người nào không tự hạ mình xuống để làm việc này, chúng tỏ bản ngã hãy còn chấp chặt. Khất thực nó không những chỉ có nghĩa duy nhất là xin ăn, mà nó có nghĩa là xin cơm cháo để nuôi tấm thân này, trên cốt cầu giải thoát, và dưới cứu độ quần sanh. Người tu phải quên đi thân thể của mình và phải hạ mình xuống làm Khất Sĩ. Ngày xưa Phật cũng thế, từ dòng dõi vua chúa, Ngài đã quên đi tất cả, chỉ cầu có vô thượng giác. Bây giờ ngược lại, có những Tăng Sĩ xuất thân từ chỗ thấp kém; nhưng học đòi muốn chúng tỏ cho người đời, họ là dòng dõi vua tôi. Điều này nó chẳng có ý nghĩa gì cả. Vì trong các bộ luật lớn dùng để dạy cho các vị Tỳ Kheo, Phật bảo rằng: Không được truy cứu đến dòng dõi của người tu, dầu họ xuất thân ở bất cứ giai cấp nào.

Có nhiều người đi tu, khi mới vào chùa gặp tín đồ cúng cho năm mười đồng không dám nhận, vì nghĩ rằng công đức tu hành chưa có bao nhiêu. Rồi sau một thời gian đôi ba năm đã thọ giới Tỳ Kheo rồi, khi thấy tín chủ cúng dường cho mình, cứ nghĩ rằng đó là một bốn phận đương nhiên của họ. Nhiều lúc trong thâm tâm còn chê ít, chê nhiều nữa cũng có. Chỉ một thời gian ngắn thôi, đem so sánh hai hình ảnh. Hình ảnh ban đầu nó đơn thuần và đẹp để biết bao, còn hình ảnh thứ hai, cách đó mới mấy năm thôi, nhưng nó mang tính cách lợi dưỡng nặng nề. Không biết ai là người đáng trách. Vì vậy Đức Phật chỉ chấp nhận cho được xuất gia học đạo khi người này đi khát thực. Ngày nay chế độ khát thực chỉ còn thực hiện ở Thái Lan, Miến Điện và một số quốc gia Phật Giáo Nam Tông khác. Trong khi đó các nước theo Đại Thừa Giáo thì không. Tuy nhiên cung cách sống của những người Tăng Sĩ là "Thiểu dục tri túc" hoặc "Tam thường bất túc" ăn uống và ngủ nghỉ đừng làm cho đầy đủ. Nếu Chùa Viện to lớn cần thóc lúa của cải là cốt dụng cho Tam Bảo chứ không phải cho riêng mình.

Điều nương tựa thứ hai là sau khi ăn xong phải ngủ dưới gốc cây. Đây ý nói người Tăng Sĩ không làm chủ một tài sản riêng tư nào cả, dầu cho đó là một ngôi chùa, một ngôi nhà v.v... Ngày nay ở ngoại quốc này, dầu cho một ngôi chùa to lớn, nơi vị Tăng Sĩ ấy trụ trì, nó không có nghĩa là của cải riêng tư của vị ấy, mà của Tam Bảo, của Cộng Đồng. Vì tất cả cộng đồng đều đóng góp vào đó một cách bất vụ lợi thì vị Tăng Sĩ ấy cũng phải chấp nhận nguyên tắc ấy để hành trì.

Ấn Độ là xứ nóng, sau khi đi khát thực, ăn uống xong, có thể nghỉ ngơi dưới bóng cây; nhưng ở xứ lạnh như Canada làm sao được việc ấy? Tại đây phải có chùa viện và

nhà cửa để ở. Nhưng dầu cho chùa to Phật lớn cũng phải nằm trong ý nghĩa vừa nêu trên, mới đúng với tinh thần của Phật dạy.

Điều thứ ba là người Tăng Sĩ ấy phải nương vào 3 y và một bình bát để mặc và đi khất thực. Đây có thể nói là tài sản duy nhất riêng biệt của người tu; nhưng cũng chưa hẳn thế. Luật dạy rằng: Khi vị Tăng Sĩ ấy chết đi, có hội đồng khám nghiệm, nếu vị Tăng Sĩ ấy không bị bệnh truyền nhiễm thì y áo và bình bát sẽ được sung vào của công cho Thập Phương Tăng dùng. So vậy, đúng là "Tăng vô nhứt vật". Người Tăng Sĩ chẳng có một vật gì cả, làm gì có tiền bạc riêng để trong ngân hàng của Thụy Sĩ? Mà để làm gì? Nuôi cha nuôi mẹ có thể được, vì luật cho phép. Như vậy những ai hiểu luật thì không tích chứa tài sản riêng tư cho mình làm gì cả.

Điều thứ 4, người Tăng Sĩ khi đau ốm phải dùng đến thuốc Trần Bà để chữa trị. Thuốc Trần Bà ngày nay không còn thấy nữa; nhưng chúng ta có thể hiểu, đó là một loại thuốc có tính cách trị bá bệnh như loại dầu Nhị Thiên Đường hay dầu Xanh, dầu Cù Là chẳng? cốt ý cho thân thể được khỏe mạnh để tu hành.

Vì thế mỗi năm đến ngày Rằm Tháng Bảy, sau khi mãn hạ, tự tứ an cư có lễ dâng y hay dâng tứ vật dụng lên chư Tăng. Trong phần tứ vật dụng ấy gồm có: Vật thực, y áo, y dược và chỗ ở. Trong 4 vật này có thể thay thế một loại bằng hiện kim để đi xe đò. Ở đời cái ăn, cái mặc, cái ở là những nhu cầu làm cho người ta phải khổ tâm nhọc trí không ít, còn người tu đã có tín thí lo rồi, họ không cần phải lo bươn chải để kiếm sống nữa. Do đó nghề nghiệp của vị Tăng Sĩ chẳng ai để Bác sĩ, Kỹ sư, Giáo sư bao giờ. Vì

những nghề nghiệp này chung quy cũng chỉ để tìm lợi lạc trong việc sanh nhai để sống còn và cạnh tranh với kẻ khác. Nghề nghiệp của vị Tăng Sĩ chỉ là trí tuệ mà thôi. Đó là “Duy Tuệ Thị Nghiệp” mà. Thế mà đã có lắm người quên đi chẳng? Dĩ nhiên sống trong cuộc sống đầy ràng buộc này tiền bạc vẫn phải cần đến; nhưng phải hiểu rằng đó chỉ là phương tiện chứ không phải là mục đích của người tu. Người đời cần phải ý thức được rằng khi sinh ra, chỉ 2 bàn tay trắng, rồi khi chết đi cũng hoàn toàn trắng tay thôi, ngoại trừ nghiệp lực của mình đã vay tạo. Vậy dành dụm của cải, tài sản cho riêng mình để làm gì?

Ngày xưa ở trong nước, quý Thầy được huấn luyện trong khóa Như Lai Sư Giả để đi làm giảng sư và trừ tà có phát nguyện rằng:

“Con là Trưởng Tử Như Lai
Phát nguyện trọn đời hy sinh cho đạo
Chỗ nào chúng sanh cần, con đến
Chỗ nào Đạo Pháp gọi, con đi
Chẳng nề gian lao, chẳng từ khó nhọc”.

Ôi! Cao quý biết dường bao? Đây là hạnh nguyện độ sanh của Bồ Tát. Người đi tu, không phải chỉ tu cho mình mà lo cho tất cả mọi loài, cốt làm sao cho chúng sanh thoát khỏi vòng sanh tử mới là điều căn bản.

Thân người tu đã dâng hiến hết cho đạo rồi, tâm người tu đã cầu giải thoát rồi. Có còn gì trói buộc nữa đâu! Danh à! chuyện ấy vô nghĩa. Lợi à! chuyện ấy lại càng không nên. Tình à! Vì tất cả chúng sanh đều là cha mẹ huynh đệ của mình mà.

Người Đại Hàn dùng chữ "Sunim" để chỉ cho tất cả Tăng chúng. Nó đơn thuần và đẹp quá. Người Nhật dùng chữ "Obosan" để chỉ cho một vị Tăng. Người Việt dùng chữ "Thầy" để gọi bậc tôn quý ấy. Người Tây Tạng gọi là "Lama" cũng trong ý nghĩa là người hướng đạo. Các nước Nam Tông Phật Giáo gọi người tu là "Blante". Nghĩa là Tôn Giả, bậc đáng quý. Tiếng Anh, Pháp gọi là Venerable. Đức gọi là Ehrwürdige... Tất cả đều mang ý nghĩa kính trọng người đã cắt ái ly gia, cầu đạo giác ngộ giải thoát.

Ngày xưa Đức Phật đã xả bỏ tất cả mà được tất cả. Còn chúng ta ngày nay muốn tất cả mà chẳng được gì cả?

Ở xứ này tìm người tu khó hơn tìm vàng bạc và nhiều lần tôi đã ca ngợi ý chí của những người nơi đây đã phát tâm xuất gia như sau:

"Thật ra ở Việt Nam mình khó tu nhưng mà dễ tu. Vì đời sống vật chất tương đối khó khăn thiếu thốn; nhưng bên trên mình có những bậc trưởng thượng, nếu chúng ta có sai trái gì, những vị này hay huynh đệ chỉ bảo cho mình. Còn ở ngoại quốc ngày nay thì dễ tu thật; nhưng khó vô cùng. Dễ, vì ở đây đời sống vật chất không bị bó buộc mấy. Muốn cái gì cũng đầy đủ tiện nghi; nhưng khó là tự mình có làm chủ mình được chăng?". Đó là những lời tán dương cho những người mới phát tâm xuất gia, mà cũng có ý nhắc nhở những người ở đây lâu năm nhớ nghĩ về bổn phận làm Tăng của mình.

Trên đây tôi chỉ nói về Tăng Sĩ và đây là ý nghĩa của hai chữ Trụ Trì.

"Trụ như lai danh
Trì như lai tạng"

Nghĩa là: “Ở trong danh nghĩa của Như Lai
Giữ (truyền thừa) giáo pháp của Như Lai”

Xem thế thì cái trọng trách của vị Tăng Sĩ Trụ Trì nó quan trọng lắm. Vị trí của người mô phạm chứ không phải vị trí của Ông Từ giữ chùa. Có nhiều người hiểu sai ý nghĩa này, vì chùa không có Thầy nên tìm một Thầy về giữ chùa. Nếu chỉ cần một người giữ chùa thì Hội bỏ tiền ra thuê một người nào đó về giữ chùa giống như nhiệm vụ gác-dan vậy là đủ rồi, đâu cần gì phải một người tu? Mà một người tu xa gia đình, cha mẹ, thân thuộc, vợ con, bằng hữu đâu phải chỉ cốt vào giữ chùa? Dầu cho chùa nào có xây cột bằng bê-tông cốt sắt cũng chỉ vững chừng mấy trăm năm là cùng. Giữ những vật này nó dễ mất lắm. Cho nên ở chùa có nghĩa là để cầu giải thoát và mục đích muốn cho mình và mọi người được giải thoát thì phải giữ gìn và lưu truyền cái giáo lý nhiệm màu của Đức Phật. Đó mới xứng danh là Trụ Trì.

Trên đây quý vị đã hiểu rõ ý nghĩa 4 chữ Tăng Sĩ Trụ Trì rồi và giờ đây chúng ta thử điểm qua việc cung thỉnh trụ trì cho Chùa Quan Âm như thế nào.

Đến nhiệm kỳ thứ 4 (1987-1989) thì toàn thể Phật Tử đã cung thỉnh Đại Đức Thích Nhất Chơn làm Hội Trưởng và mãi cho đến hôm nay Thượng Tọa Thích Nhất Chơn vẫn đảm nhiệm trách vụ này. Đạo Hữu Phan Trọng Hàm làm Phó Hội Trưởng Nội Vụ. Đạo Hữu Ngô Thế Chụ làm Phó Hội Trưởng Ngoại Vụ. Đạo Hữu Huỳnh Phước Bằng làm Tổng Thư Ký. Đạo Hữu Trần Hữu Long làm Phó Tổng Thư Ký, Đạo Hữu Nguyễn Thị Hương làm Thủ Quỹ và Đạo Hữu Huỳnh Ngọc Trọng làm Phó Thủ Quỹ.

Ban Trị Sự nhiệm kỳ này có một số quý vị mới thêm vào; nhưng đặc biệt là Đại Đức Thích Nhất Chơn làm Hội Trưởng kiêm nhiệm chức vụ Trụ Trì. Đây là ý muốn của quý vị trong Hội, mục đích mong rằng Thầy Nhất Chơn sẽ qua ở luôn tại Canada để lo Phật sự tại đây. Vì quý Đạo Hữu ở đây nghĩ rằng tại Canada có thân sinh của hai Thầy, nên chắc chắn rồi hai Thầy sẽ qua. Thầy Nhất Chơn hoan hỷ nhận lời; nhưng cho đến bây giờ (1995) nhân duyên vẫn chưa đến; nên Thầy ấy vẫn còn ở lại Pháp.

Đại Đức Thích Viên Diệu đã ở trụ trì lại đây từ 1986 đến 1988; nhưng bây giờ chùa lại vắng Thầy nên Phật Tử lại đi tìm Thầy khắp nơi để bù vào chỗ trống ấy.

Vào tháng 9 năm 1988 như thông lệ sau Vu Lan tại Viên Giác tôi sang thăm Canada và giúp các Phật sự tại đây. Trong khi làm Phật sự tại đây quý Phật Tử có giới thiệu cho tôi một Thầy. Đó là Đại Đức Thích Minh Thông. Tôi với Thầy Minh Thông vốn không quen, không biết từ trước. Vì lẽ tôi xa nước trước năm 1975, còn quý Thầy thì mới qua Canada sau này. Quý Phật Tử tại đây giới thiệu cho tôi biết là Thầy cắm hoa đẹp lắm. Thầy đang học Y Khoa, Thầy đẹp đẽ, Thầy dịu dàng v.v... và v.v... Tôi trông gặp mặt và vì vậy có vài vị Phật Tử đi đón Thầy về Chùa Quan Âm vào tháng 9 năm 1988.

Mới gặp Thầy ai cũng có cảm tình ngay, vì qua vóc dáng "bạch diện thư sinh" của Thầy. Tôi chưa biết tài nghệ của Thầy; nhưng qua cách ăn nói, cũng nghĩ rằng Thầy ở vào điểm trên trung bình chứ chưa phải là điểm tuyệt đối. Hôm đó tôi đã phone về Pháp để thỉnh ý Thượng Tọa Thích Minh Tâm và Thầy Nhất Chơn. Quý Thầy đều đồng ý là nên thuyết phục Thầy ấy về chùa Quan Âm để nhận lãnh chức

vụ trụ trì. Khi Thầy về chùa, Phật Tử người đã gặp được rồi thì vốn vã, kẻ mới gặp thì cung kính chắp tay chào, vui như ngày hội lớn. Vào một đêm nào đó trong tháng 9 năm ấy tôi đã quên, tôi đã tâm sự và thuyết phục Thầy Minh Thông đến 3 giờ sáng. Đây là việc làm không khó; nhưng cái khó của tôi là phải chống trả lại sự buồn ngủ trong đêm đó.

Thông thường đi đâu và ở đâu hay tham gia bất cứ một phiên họp nào, tôi cũng đều xin phép cáo từ lúc 10 giờ đêm. Ai còn ở lại thì họp, còn tôi ít có mặt sau giờ đó; nhưng nếu có một phiên họp nào bắt buộc bắt buộc dĩ phải có mặt tôi thì tôi phải khổ tâm lắm.

Nhưng hôm đó tôi đã cố chinh phục mình cơn buồn ngủ và thuyết phục Thầy Minh Thông trong chức vụ trụ trì. Tôi có trình bày hết tất cả mọi việc hay dở của chùa và mỗi cá nhân trong Ban Trị Sự. Tôi cũng đã cho Thầy ấy biết rằng: Thượng Tọa Minh Tâm, tôi, Thầy Nhất Chơn, Thầy Thiện Huệ ở xa, không trực tiếp liên hệ với chùa nhiều, xin Thầy yên chí điều hành Phật sự nơi đây.

Cuối cùng Thầy ấy đã đồng ý và ngay vào ngày hôm sau, trước khi về lại Đức, tôi đã không bỏ lỡ cơ hội tốt này, nên đã mời Bác Phan Trọng Hàm đại diện cho Ban Trị Sự để cung thỉnh Thầy. Cũng đúng với chức vụ Bác lúc bấy giờ là Phó Hội Trưởng Nội Vụ vậy. Xem như lễ thỉnh trụ trì chính thức vào lúc có mặt tôi tại đây.

Thầy Minh Thông đến tại Montréal không mang theo gì cả, vì Thầy chỉ đi tham dự khóa Thiển của Thầy Nhất Hạnh gần đây đây và Đạo Hữu Tôn Nữ Tâm Giảng đã đón về bất ngờ và qua sự thuyết phục của tôi cũng như sự đồng ý của toàn Ban Trị Sự, nên Thầy ấy đã nhận lãnh

nhiệm vụ Trụ Trì Chùa Quan Âm. Sau đó Thầy về lại Toronto để thu xếp đồ đạc.

Đến ngày 07 tháng 10 năm 1988 thì Đạo Hữu Phan Trọng Hàm đã hướng dẫn một Phái đoàn, chắc ít nhất cũng 50 người, vì có thuê một xe Bus về Toronto để cung thỉnh Thầy và ngày 8 tháng 10 năm 1988 chính thức cung đón Thầy về Chùa Quan Âm và Trụ Trì ở đây từ đó cho đến đầu năm 1994.

Tôi không biết ngày đó là ngày gì? Có lẽ là ngày Đại Kiết? nên Thầy đã dừng chân lại chùa Quan Âm được gần 6 năm. Quả là một thời gian dài đấy chứ? Trong thời gian này thỉnh thoảng tôi được hay tin qua điện thoại hoặc cho biết qua thư từ rằng: Thầy khéo tay lắm, chưng hoa rất đẹp. Mỗi Tết, Thầy tổ chức gói bánh chưng để gây quỹ trả nợ chùa. Thầy gói đẹp lắm, mấy bà xào nhân và cột dây không kịp. Nào là bánh chưng chùa Quan Âm lúc nào cũng được chiếu cố. Nào là mỗi năm Tết đến Thầy phát lộc, Thầy chưng bày mấy cây quít, cây đào đẹp không tưởng tượng. Rồi còn gì nữa? Thuở ấy tôi và Thầy Minh Tâm đã mừng giùm cho Hội Phật Giáo Quan Âm là đã gặp được một vị Thầy xứng đáng; nên những năm này tôi cũng ít sang Canada. Vì nghĩ rằng đã có Thầy lo rồi. Và lại đến, nhiều khi Thầy không vui thì sao?

Sơ ra tài nấu nướng của Thầy Minh Thông thì tôi còn thua. Hồi còn Sinh viên Tăng tại Nhật, tôi có tự mình nấu ăn gần 1 năm khi còn ở ngoài cư xá; nhưng đa số là ăn mì. Thuở ấy Sinh viên Tăng nghèo như tôi làm sao có được tiền bạc đều đặn từ Việt Nam gửi sang mà xài phí. (Xin xem quyển *Giọt Mưa Đầu Hạ* cùng tác giả để biết ngọn ngành). Sau đó lại vào chùa Nhật ở, đã có người lo cho việc ăn

uống rồi; nên cũng rất dốt về việc nấu nướng. Khi qua Đức năm 77, ở Cư xá Sinh viên lại cũng trở tài nấu nướng, rồi 78, 79, 80 còn tự mình làm; nhưng từ ấy đến nay hơn 15 năm rồi, chưa phải làm công việc ấy, vì đã có các Cô, các Chú lo; nên so ra tôi rất dở về phương diện này.

Cắm bông cũng vậy, mặc dầu ở Nhật nhưng đã chẳng học được nghề này. Trong khi đó, người không ở Nhật lại làm được. Ở đời kể ra cũng ngộ thật. Cũng mấy cành hoa ấy; nhưng qua tay tôi thì nó xấu xí lạ thường, nếu hên, qua tay Thầy Minh Thông thì tuyệt diệu. Thầy có hoa tay, chưng bông rất đẹp. Điều ấy phải thừa nhận.

Cũng bột, cũng đường, cũng tiêu, cũng giấm; nhưng người khéo tay thì nấu ngon vô cùng. Trong khi đó trao qua tay tôi, sẽ trở thành một món xào thập cẩm. Nghĩ cũng lạ, không biết tại sao, cố học mà học chẳng được.

Tất cả chữ nho trên bàn cờ tướng tôi đều rõ; nhưng chưa bao giờ biết đánh một màn cờ tướng là thế nào. Còn nhiều việc khác nữa. Ví dụ như ai đó cho tôi một cây hoa thật đẹp, khi đem về chùa còn tốt tươi hoa lá muôn màu; nhưng để cho tôi chăm sóc chừng một tuần thôi, không hơn không kém là hoa kia sẽ tàn tạ đi và lá kia sẽ rời khỏi cành.

Trong phòng tôi có một cây bồ đề, trồng đã 15 năm rồi; nhưng cao chỉ chừng 1 thước. Tôi quý cây này vô cùng, vì từ Tích Lan mang sang mà. Quý Bác phụ tôi cho phân vào, tĩa lá v.v... nhưng nó cũng chỉ xanh được mấy bữa, rồi lá lại vàng. Tôi chẳng biết sao, nên gửi lên nhà một Đạo Hữu ở Hamburg để chăm sóc giùm. Sau gần 1 năm, khi tôi lên lại Hamburg chở về chùa, ai thấy cũng ham và trầm trồ

khen ngợi, mấy chú khệ nệ mang vào phòng tôi và tôi bắt đầu chăm sóc theo sự chỉ dẫn của người đã lo cho cây hơn 1 năm nay. Nghĩa là 2 ngày tưới 1 lần, để chỗ nắng. Mỗi tháng tưới 1 lần phân v.v... Tôi làm đúng y toa thuốc đã cho; nhưng chừng 1 tháng sau thì cây bắt đầu rụng lá. Thật là đau lòng. Tôi đem việc này than thở với mọi người trong chùa. Có người nói: "Chắc Thầy chỉ trông người thôi, chứ trông cây không được". Không biết có phải vậy chăng? Tôi học ngành giáo dục, đúng là tôi phải lo cho con người rồi; nhưng cho đến bây giờ cũng chưa có người đệ tử nào hữu danh cả. Đúng là công việc đáng lo.

Bây giờ thấy người khác hơn mình thì phải khen tặng. Đó là chuyện đương nhiên rồi. Vì thế tôi đã nói nhỏ cho một anh trong Ban Trị Sự rằng: Thầy đã bỏ công lo cho Chùa Quan Âm như thế, mình phải lo cho Thầy chứ. Anh nên hộ Thầy mấy ngàn để Thầy mua chiếc xe cho Thầy có phương tiện để đi lại. Thế là anh này hoan hỷ làm việc đó. Qua tôi và chính tôi đã hỗ trợ ngầm Thầy vấn đề này, còn quý Thầy và quý Đạo Hữu khác còn nhiều hơn thế nữa.

Tôi nói những việc như thế không phải để kể công; nhưng để nhắc lại một thời kỳ đẹp để giữa Thầy, giữa Hội và mọi người thế thôi và bây giờ hay ngay cả chính trong tương lai nữa, ai biết được chuyện gì sẽ xảy đến, mà hãy tự hiểu cho rằng. Cái gì còn đây đủ như duyên nó sẽ tụ hợp. Cái gì thiếu như duyên nó sẽ tan rã. Đời hợp tan là chuyện thường. Phải chấp nhận chuyện ấy. Chúng ta những người học Phật hiểu về nhân duyên sinh rồi, đâu phải như chuyện vợ chồng mà cần đến tòa án để xử phân khi đối đầu với vấn đề ly dị. Có nhiều cặp vợ chồng ăn ở với nhau 5, 7 mặt con, hiểu nhau quá nhiều. Đùng một cái ra tòa ly dị. Thế là hết lý do này đến lý do khác để tố cáo nhau. Nào là tham

lam, ích kỷ, bạo ngược v.v... và v.v... Trong suốt bao năm trường sống bên nhau thương nhau như thân mình, nên quên đi hết tất cả những lỗi lầm và tự tha thứ cho nhau và bây giờ khi không còn chịu đựng được nữa; nên đem ra tố nhau và chia gia tài.

Đó là chuyện thường tình của thế gian. Còn chuyện đạo, chúng ta phải cư xử theo phép lục hòa như bên trên chứ! Chúng ta phải tự xử, nhất là một người tu, không ai xử được mình cả, ngoại trừ chính mình phải tự xử lấy mình. Đó là quan tòa công bình nhất vậy.

Ở đời khi dân sai thì quan xử. Vì dân không có học nên lỡ lầm làm nên tội lỗi. Quan sai thì vua xử. Dẫu sao quan cũng còn là con người, vấp phải những tật xấu như mọi người. Nhưng đến khi vua sai thì ai xử? Ngày xưa đâu có Lập Pháp và Hành Pháp phân quyền rõ ràng như bây giờ. Nếu ông vua ấy là bậc minh quân thì ông ta tự xử lấy ông. Nếu ông là bậc hôn quân bạo chúa, ông ta sẽ nhờ cậy vào kẻ gian thần để củng cố địa vị của mình. Xem truyện Tam Quốc Chí chắc ai cũng rõ điều này.

Xem lịch sử Việt Nam, lịch sử Trung Hoa, Nhật Bản hay khắp nơi trên thế giới chúng ta đều thấy rằng: Tất cả mọi triều đại của đầu triều, ví dụ nhà Trần, nhà Lê, nhà Nguyễn v.v... những ông vua đầu triều là những ông vua liêm chính, biết lo cho dân và xem dân như chính thân mình. Vì chính đã từ dân mà ra, nhờ dân mà thành và cũng chính những ông vua này tắm không biết bao nhiêu xương máu của cải mới chiếm đoạt được giang sơn từ triều đại trước, giờ đây mới khai mở được một triều đại huy hoàng, thì chính ông khi muốn ngồi lâu trên ngôi vua, phải liêm chính. Còn những triều đại sau đó, đâu có tốn công đánh

đuổi gian tà. Cơ nghiệp đời thứ 2, thứ 3 đã vững vàng nên đâm ra chèn chén, tửu sắc, hoang dâm vô đạo v.v... nên nước loạn. Mà khi nước loạn thì không thể dùng bạo trị được. Bao giờ cũng phải dùng đến đức để trị. Cái đức ấy không thể có từ triều đại băng hoại trước, mà phải tìm trong đám thiên hạ để lập nên một triều đại khác, cốt làm sao cho dân ấm no hạnh phúc là đủ rồi!

Riêng tôi cũng quan niệm như vậy, nên chùa chiền nên truyền hiền chứ đừng truyền tử. Nghĩa là xem người nào đây đủ đức độ thì tiếp tục phát triển, không nhất thiết phải là đệ tử của mình. Nhiều lúc đệ tử của mình ý lại rằng đây chính là công khó của Thầy mình, nên tự do xài phí của tín thí, không lo tinh tấn tu hành quả là nguy cho đương sự.

Có nhiều người than phiền là sao đời này có nhiều hiện tượng lạ thường xuất hiện, không biết nơi nào là tà, nơi nào là chánh? Tôi có giải thích rằng:

Nhiều người đi xem quảng cáo bán thuốc dán trị bá bệnh. Anh ta nói năng hay quá, bao nhiêu người cũng móc tiền túi ra mua, mua về nhà rồi, vừa dán vừa uống nhưng không thấy lành gì cả, đâm ra oán hận ông thầy thuốc. Chỉ vì mình thích rẻ và nghe quảng cáo hay thôi. Lỗi ấy tại mình chứ đâu phải tại người bán thuốc. Vì khi mua thuốc không xem thuốc cho kỹ mà. Hoặc giả chê thuốc tây đắt; nên không uống để đi uống thuốc ta nên mới ra nông nỗi ấy.

Đạo Phật chúng ta có những điều mà Đức Phật căn dặn hoài với đệ tử của Ngài rằng: "Phàm làm việc gì, trước phải nghe cho kỹ, sau đó suy nghĩ cho chín chắn. Cuối cùng là thực hành". Văn, tư, tu là vậy đó. Đâu có ai bắt mình

phải theo họ đâu. Theo hay không là quyền của mình mà. Tại vì mình không rõ người nên mình mới theo, lỗi ấy vì vô minh và vọng tưởng, mình không nên trách người, mà hãy tự trách mình, rồi từ đó ta sẽ dựng xây lại công việc, chẳng có gì đáng hối hận cả.

Trong thời gian Thầy Minh Thông ở đây, Chùa cũng đã trả được số nợ 88.000\$ trong việc xây cất đợt 1 và từ đó Hội cũng như Thầy muốn đẩy mạnh công tác xây cất hậu điện nên vào ngày 26 tháng 11 năm 1988, Đại Đức Thích Nhất Chơn và Đại Đức Thích Minh Thông đã chứng minh chấp thuận dự án xây cất đợt 2 nhằm nối rộng chánh điện, xây cất Hậu Điện thờ Tổ, thờ chư Tiên linh quá vãng, Tăng phòng, phòng học Việt ngữ với kinh phí 365.363,84\$. Giấy phép xây cất hậu điện số 05984-89 do Thành phố Montréal cấp ngày 27.10.1089.

Lễ đặt viên đá đầu tiên vào ngày 16 tháng 11 năm 1989 dưới sự chứng minh của Đại Đức Thích Nhất Chơn, Đại Đức Thích Minh Thông và Đại Đức Thích Quảng Hiền đến từ Thụy Sĩ.

Công tác bắt đầu xây cất vào ngày 20.11.1989 và Đại lễ Khánh Thành được tổ chức vào ngày 17.03.1990 do Hòa Thượng Thích Tâm Châu, Thượng Tọa Thích Minh Tâm, Thượng Tọa Gheshe Genrab, tôi (Thích Như Điển) cùng với 30 vị Tăng Ni khác đến từ Canada, Hoa Kỳ, Pháp và Đức.

Như vậy sự xây cất chỉ cần trong 4 tháng. Nhưng việc xây cất này lại xảy ra trong mùa đông giá lạnh, thế mà nhà thầu đã thi công xong. Quả là ngoài sức tưởng tượng. Khi động thổ xây chùa vào tháng 11, tôi đã có ý ngại ngại; nhưng cuối cùng rồi công việc cũng xong. Đúng là phép Phật nhiệm mầu.

Khi khánh thành lần này tôi đến Canada cũng có ý để giúp một vài việc trong đại lễ, mặc dầu bên Đức Chùa Viên Giác cũng trong giai đoạn xây cất. Nhìn việc xây cất của Viên Giác phải tốn 5 năm trường, trong khi đó tại đây, ngôi chùa tương đối lớn như thế này mà mỗi lần xây cất không quá 4 tháng. Quả là vi diệu.

Chùa này là 1 trong những chùa lớn nhất nhì tại Bắc Mỹ. Kiến trúc có tính cách đặc thù Việt Nam. Phía trước có tiền đường, lầu chuông, lầu trống. Giữa có chánh điện thờ Đức Thích Ca, hai bên Quan Âm, Địa Tạng. Phía sau thờ Tổ và chư Hương linh quá vãng. Hai bên thờ Hương linh có phòng Trụ Trì và phòng Chư Tăng. Có 4 phòng tất cả. Phòng nào cũng có Toilette riêng, rất tiện lợi cho việc trú ngụ của nhiều chư Tăng cùng làm một công việc trong một lúc. Ví dụ đi súc miệng, rửa mặt để chuẩn bị công phu khuya chẳng hạn.

Tầng dưới có Hội Trường, dung chứa từ 150 đến 200 người, nhà bếp, phòng đa dụng để dạy Việt ngữ, nhà kho, phòng trọ cho người làm công quả, nhà vệ sinh công cộng v.v... Vào mùa Đông với sức dung chứa của chùa này gồm 2 tầng có thể lên đến 900 hay 1.000 người cũng không sao.

Ngày xưa người ta thường nói:

“Nhiều sãi không ai đóng cửa chùa”

Còn bây giờ phải nói lại rằng:

“Nhiều chùa nhưng không có sãi đóng cửa”

Đến ngày 13 tháng 5 năm 1991, Chùa lại đón thêm Đại Đức Thích Trí Thành từ Thái Lan qua thường trú. Nhưng Thầy cũng ở Chùa không yên. Có lẽ ngày khai móng

Chùa này Ban Trị Sự cũ và quý Thầy không xem kỹ ngày tháng chẳng? mà Tăng nào đến đây rồi cũng đi cả?

Có lần tôi đọc báo thấy Nữ Sĩ Minh Đức Hoài Trinh ở Hoa Kỳ có viết về một câu chuyện có thật tại Huế hay Quảng Trị gì đó, có một chùa nọ, chỉ trong 3 năm thôi mà thay thế đến 5 đời trụ trì. Vị nào ở lâu nhất cũng chỉ chừng 5, 7 tháng lại thôi. Có vị chết bất đắc kỳ tử, có vị lại khăn gói ra đi. Nhưng theo tôi, Chùa Quan Âm này không đến nỗi như vậy. Tuy không rành về địa lý, vì tôi không học về khoa này; nhưng biết rằng Chùa xây về hướng Đông Nam, nơi có mặt trời rọi chiếu và ban mai và lặn về hướng Tây, lưng Chùa lại nằm về hướng Tây Bắc rất hợp phong thổ. Chỉ hơi động một tí là có đường xe lửa chạy ngang. Có phải vì vậy mà chùa này không yên ổn trong một thời gian chẳng?

Ở Việt Nam mình họ nghi mấy ông thợ mộc khi thương lượng có ếm đối gì đó. Nhưng ở đây thợ mộc của Canada làm gì biết việc đó.

Chẳng hay “muôn sự tại tâm”?

(Trích Bản Tin số 1 Chùa Quan Âm)

CÔNG TÁC XÂY CẤT HẬU ĐIỆN

Duyên Khởi

Ngày 26.11.1988, Ban Trị Sự đã trình Đại Hội Đồng Thường Niên Hội Phật Giáo Quan Âm một dự án xây cất Hậu điện. Vì nhu cầu Phật sự, Chùa Quan Âm cần khuếch trương để trước hết nối rộng chánh điện, thứ hai có nơi thờ Tổ sau bàn thờ Phật, thứ ba dời 2 bàn thờ vong linh ra phía sau gần bàn thờ Tổ, thứ tư xây Tăng phòng vì Chùa có nhân duyên lành thỉnh được Thầy về trụ trì mà thực ra chỉ có phòng tạm để Thầy ở và quý Thầy khách tới Chùa thì không có nơi để nghỉ lại, thứ năm là phải tạo thêm chỗ cho lớp học Việt ngữ vì số trẻ em theo học càng ngày càng đông và sau hết là Chùa hết mang tiếng là không có "hậu".

Đại Hội Đồng hôm đó đã chấp thuận và giao cho Ban Trị Sự xúc tiến công tác xây cất Hậu Điện.

Diễn tiến công tác

Sau mấy tháng vẽ đi vẽ lại gần chục lần họa đồ esquisses, Ban Trị Sự chấp thuận bản chốt và giao cho Kiến Trúc Sư Lê Quang Anh vẽ đồ án Hậu Điện, xin giấy phép xây cất và coi công trường với chi phí kiến trúc sư là 9.000\$

Ngày 13.09.89, Kiến Trúc Sư vẽ xong đồ án và trình Ban Trị Sự.

Ngày 27.09.89, họa đồ Hậu Điện được nộp cho thành phố Montréal để xin giấy phép xây cất.

Ngày 27.10.89, Thành phố Montréal cấp cho chùa giấy phép xây cất Hậu Điện, số 05984-89, mãn hạn ngày 28.04.89.

Ngày 02.10.89, đồ án xây cất giao cho 3 hãng thầu đấu giá. Đó là các hãng thầu Planiger, Boriales và Cardel. Hãng thầu Vinatech và Riopel có được mời dự đấu giá nhưng hai hãng này từ chối.

Ngày 20.10.89, họp tại Chùa Quan Âm giữa Ban Trị Sự, Kiến Trúc Sư và Đại diện 3 hãng thầu, mở 3 bao thư đấu giá. Kết quả hãng Planiger: 375.999\$, hãng Boriales: 378.900\$, hãng Cardel: 284.400\$.

Ngày 27.10.89, Ban Trị Sự chọn hãng thầu Cardel là hãng thấp nhất, rẻ hơn các hãng kia trên 94.000\$ và mời đến chùa họp. Trong buổi họp, Ban Trị Sự trình bày ngân khoản xây cất của chùa chỉ cho phép 250.000\$ và yêu cầu hãng thầu bớt giá. Cuối cùng, sau khi nghiên cứu và bàn cãi, hãng thầu Cardel bớt xuống còn 254.000\$ nhưng phải bỏ bớt các công tác sau:

1. Sơn trong và ngoài	11.275\$
2. Trồng cỏ, tráng nhựa	6.948\$
3. Không chia phòng, trang bị từng dưới	6.900\$
4. Đường handicap bằng sắt thay bằng cây	2.500\$
5. Tất cả dụng cụ nhà tắm	2.000\$

Ngày 04.11.89, Đại Hội Đồng bầu tân Ban Trị Sự và giao cho Tân Ban Trị Sự trách nhiệm xúc tiến công tác xây cất Hậu Điện với một ngân khoản trên dưới 300.000\$.

Ngày 06.11.89, Lễ Khai Móng dưới sự chứng minh của Chư Tăng: ĐĐ Thích Nhất Chơn, ĐĐ Thích Minh Thông, ĐĐ Thích Quảng Hiền.

Ngày 20.11.89, sau khi dọn dẹp, nhà thầu Cardel đã đào móng, đúc xong nền (fondations).

Kiến Trúc Hậu Điện

Hiện tại, Chùa Quan Âm được cất theo hình chữ T. Dự án kiến trúc Hậu Điện là nối thêm phía sau thành ra hình chữ H. Hậu Điện cũng được xây cất 2 tầng, nổi ra 12m bề sâu và 18m bề ngang. Tầng trên, vách tường chánh điện nơi có vẽ phong thủy và cây bồ đề, được phá ra đặt dời bàn thờ Phật ra phía sau 3,50m. Bàn thờ Tổ được đặt phía sau bàn thờ Phật. Hai bàn thờ vong linh cũng đem ra phía sau, để hai bên bàn thờ Tổ. 3 Tầng phòng và 1 phòng khách được xây phía sau hai bàn thờ vong hai bên.

Tầng dưới xây thêm 2 phòng vệ sinh nam nữ có nhà tắm, 1 phòng để máy giặt, máy sấy khô, 1 phòng lớn để quý Bác công quả có nơi nghỉ lưng, 1 nhà kho rộng và 1 phòng đa dụng 10mx15m dùng để làm Trai đường và mùa hè biến thành lớp Việt ngữ.

Chi Phí Dự Trù

-Công tác xây cất Hậu Điện	254.000\$
-Kiến trúc sư, Kỹ sư, Đo đất, Giấy phép	14.500\$
-Mua sơn (công sơn nhờ PT công quả)	2.000\$
-Mua đèn	12.000\$
-Trang bị từng dưới, dụng cụ nhà tắm	8.900\$
-Lót tapis	8.000\$
-Linh tinh	<u>10.000\$</u>
Tổng cộng:	309.400\$

Tài Chánh

Ngày 25.08.89, Ban Trị Sự tiền nhiệm đã trả dứt số nợ vay ngân hàng còn lại là 35.599,49\$. Như vậy, trong nhiệm kỳ 2 năm, mãn nhiệm vào ngày 04.11.89, Ban Trị Sự tiền nhiệm đã trả nợ vay ngân hàng tổng cộng là 55.599,49\$

(chưa tính lời trả hàng tháng) trong tổng số nợ 80.000\$ vay ngân hàng tháng 8 năm 1984. Tức là đã trả 2/3 số nợ. Như vậy, một mặt Chùa không còn nợ nữa nhưng mặt khác quỹ của Chùa cũng cạn. TT Thích Như Điển, cuối tháng 8.89, khi Phật sự tại Chùa Quan Âm, có phát động gây quỹ xây cất Hậu Điện và đến nay quý Đạo Hữu đã cúng, hứa cúng cũng như cho mượn Hội Thiện, tổng cộng là 49.043\$.

Mục tiêu của Chùa là cố gắng kêu gọi sự phát tâm của quý vị để Chùa có một ngân quỹ 100.000\$. Còn lại Chùa sẽ đi vay ngân hàng 200.000\$ trong vòng 20 năm và mỗi tháng trả tiền lời và vốn vào khoảng 2.000\$.

Đoạn cuối

Vì Phật sự chung, Chùa Quan Âm xin tha thiết kêu gọi sự phát tâm của quý vị để góp phần công đức kiến thiết Hậu Điện được viên mãn bằng cách Hỷ cúng và cho Chùa mượn Hội Thiện, mỗi cổ phần Hội Thiện 500\$. Chùa sẽ bắt thăm và hoàn trả Hội Thiện bắt đầu sau lễ Phật Đản năm tới.

Thị Pháp Huỳnh Phước Bàng
Tổng Thư Ký Chùa Quan Âm

Chương 7

Tư cách của một người cư sĩ hộ đạo

Đạo Phật là đạo tự giác. Vì vậy ai đến với Đạo Phật cũng được, ai rời bỏ Đạo Phật để đi theo Đạo khác cũng không sao. Đạo Phật không có một tòa án nào để xét xử người phạm tội cả. Tuy giới luật Phật đã chế cho người xuất gia và kẻ tại gia riêng biệt, đầy đủ; nhưng khi phạm lỗi phải tự mình sám hối, chỉ có lương tâm mình biết và kẻ bên trên biết. Ngoài ra không có một hình thức nào khác cả.

Người mới vào cửa đạo còn đứng thập thò ngoài ngõ chùa, rồi từ từ cũng sẽ vào chùa, nếu người đó muốn tìm hiểu về Đạo Phật. Cũng không có một người nào đi lôi kéo họ theo Đạo Phật để được cái này hay cái kia. Nói tóm lại, ai thích thì theo, không ai đi rao giảng và lôi kéo người khác phải theo cả.

Vì vậy nên đối với kẻ mới biết đạo gọi đàn ông là Thiện Nam Tử, nghĩa là người con trai tốt. Đàn bà gọi là Thiện Nữ Nương, có nghĩa là người con gái ngoan, tốt, hiền lành. Sau một thời gian đi chùa, tìm hiểu giáo lý của Đạo Phật, biết về luân hồi nhân quả, rồi xin phép một vị Thầy nào đó để quy y. Khi quy y, vị này sẽ cho một pháp danh. Có nghĩa là tên trong đạo. Bây giờ đã trở thành một Phật Tử thuần lương rồi, người đàn ông ấy được gọi là Upasaka;

có nghĩa là cận sự nam hay người con trai gần gũi phụng sự ngôi Tam Bảo. Người đàn bà đã quy y Tam Bảo gọi là Upasika; nghĩa là cận sự nữ hay người con gái gần gũi phụng sự ngôi Tam Bảo.

Khi mới quy y, vị Thầy Bốn Sư cho mình pháp danh 2 chữ thôi, sau này có một số quý Thầy cho 3 chữ; nhưng rất hiếm. Chữ đầu của pháp danh ví dụ như: Tâm, Nguyên, Quảng, Nhuận, hay Chơn, Như, Thị, Đồng v.v... chữ đầu này thuộc về dòng kệ của hệ phái đó và chữ sau, vị Thầy Bốn Sư sẽ cho làm sao cho cái pháp danh ấy hợp với tên đời của mình. Ví dụ tên người đó là Nguyễn Thị Hoa, vị Thầy đó có pháp danh đứng đầu là Chơn Thế chẳng hạn. Vị ấy sẽ cho người đệ tử là Như Liên. Sau này người đệ tử đi tu, sẽ cho đệ tử là Thị và tiếp theo là Đồng v.v...

Nhưng sau này Phật Giáo vào Miền Nam đã biến thể, nên đa số quý Thầy cho pháp danh đàn ông là Minh hay Quảng và đàn bà là Diệu. Điều này đơn giản, tiện lợi nhưng khi truy cứu về môn phái, ngọn ngành đời thứ mấy thì khó khăn vô cùng.

Có nhiều người Phật Tử sau khi quy y, xưng với người khác tôi là Thích Chơn Hương hay Thích Nguyên Giác v.v... điều ấy sai. Chữ Thích ở đây chỉ có người xuất gia mới được dùng. Các Cư sĩ tại gia tuyệt đối không được. Vì lẽ người tại gia không thuộc về hàng Tăng Lữ. Những người xuất gia, sau khi đã ở chùa 3 đến 5 năm sẽ được thọ giới Sa Di, tức là 10 giới. Kể từ đây, họ chính thức được kết nạp vào đoàn thể của người xuất gia và họ có quyền dùng chữ Thích. Chữ Thích này có nghĩa là kể từ đây họ trở thành con của Đức Thích Ca (Syaka).

Có nhiều vị Cư sĩ sau khi quy y với một vị Thầy này rồi, thấy một vị khác giỏi hơn, xin quy y tiếp. Điều này không đúng phép. Vì đã quy y Tăng rồi thì Tăng ở xứ nào, chùa nào, nước nào cũng đều giống nhau. Vì bản thể của Tăng Già là một chứ không hai. Dĩ nhiên trong đoàn thể của Tăng Già có kẻ dở người hay; nhưng đó là do tự lực tu niệm của các vị ấy mà thành. Nếu mình gần người giỏi mà tự mình không nỗ lực, mình cũng chỉ đứng tại chỗ thôi. Nếu gần người dở mà mình biết siêng năng tinh tấn tu học thì cũng có thể đi đến đích như thường.

Nếu gặp Thượng Tọa mình quy y theo Thượng Tọa, rồi ít hôm nữa mình gặp Hòa Thượng, quy y theo Hòa Thượng chẳng? Điều ấy không nên làm. Người Phật Tử tại gia có thể làm trong trường hợp này. Ví dụ lúc còn nhỏ cha mẹ cho mình vào chùa quy y (hình thức này Đức Đạt Lai Lạt Ma gọi là Phật Tử truyền thống), bây giờ lớn lên không còn nhớ pháp danh nữa. Và lại lúc ấy còn nhỏ, chỉ quy y Tam Bảo và chưa giữ 5 giới. Bây giờ gặp một vị Thầy khác, có thể xin quy y được. Ngoài ra, trong trường hợp đặc biệt như Thầy mình không còn tu nữa hay Thầy đã viên tịch, có thể giữ pháp danh cũ và xin y chỉ với một Thầy khác. Đó mới đúng luật.

Về luật lệ của Cư sĩ tại gia chỉ đơn thuần có thể. Riêng về người xuất gia thì những điều lệ này nhiều và phức tạp lắm.

Nói cho cùng, Thầy mình là Đức Bổn Sư đã giác ngộ thành Phật, mình đã theo Ngài nhưng đâu có thành Phật được, nếu mình không hạ thủ công phu để tu hành? Còn quy y theo Hòa Thượng, Thượng Tọa hay Đại Đức cũng giống nhau thôi. Dĩ nhiên, nếu mình có ông Thầy giỏi, mình

sẽ học hỏi được nhiều hơn; nhưng điều ấy không lệ thuộc nơi ông Thầy mà lệ thuộc nơi người đệ tử. Bởi vậy mới có câu: “Đệ tử tìm Sư dạy, Sư tìm đệ tử nan”. Người đệ tử đi tìm Thầy thì dễ. Vì Thầy nào cũng là Thầy; nhưng Thầy đi tìm đệ tử thì rất khó. Vì rất ít đệ tử đúng tư cách để được ông Thầy chọn lựa. Vì vậy Đức Phật chỉ truyền tâm ấn cho Ngài Ma Ha Ca Diếp mà không truyền cho Ngài A Nan là nằm trong ý nghĩa này.

Tôi không biết chữ Cư Sĩ quý Ngài ngày xưa dịch từ chữ nào bên tiếng Phạn? nếu chỉ hiểu nghĩa đơn thuần là người ở nhà, vậy thôi. Có lẽ các vị Tổ sư Trung Hoa ngày xưa đã dùng chữ Cư Sĩ để đối lại chữ Tu Sĩ là người đi tu và ở chùa chẳng? Nếu dịch và dùng vậy không sát nghĩa bằng chữ Cận Sự Nam hay Cận Sự Nữ. Đôi khi trong chùa Việt Nam còn dùng đến chữ Đạo Hữu, hoặc Phật Tử. Chữ Đạo Hữu dùng để chỉ cho những người bạn cùng theo Đạo và chữ Phật Tử chỉ cho mọi người con Phật. Nhưng theo Phật Giáo Việt Nam ngày nay, chữ Đạo Hữu được hiểu ngầm là dành riêng cho người lớn tuổi, còn chữ Phật Tử dành riêng cho những người trẻ và đặc biệt là cho Gia Đình Phật Tử. Điều này không phải nhất thiết và hiển nhiên như vậy. Vì Gia Đình Phật Tử chỉ có Phật Giáo Việt Nam có mà thôi, các nước Phật Giáo khác trên thế giới không có.

Qua Nhật, Phật Giáo biến đổi đôi chút, họ gọi người Phật Tử là Tín Nam, Tín Nữ, Cư Sĩ, Đại Cư Sĩ v.v... Tín Nam hay Tín Nữ là người đàn ông hay đàn bà có lòng tin vào Đạo. Phân biệt giữa Cư Sĩ và Đại Cư Sĩ là để chỉ vị trí hộ đạo của họ trong chùa.

Nếu nói đúng theo chữ Phạn phải gọi là Đàn Na Thí Chủ hay Đàn Việt. Đàn Na dịch từ chữ Dana mà ra. Chữ

này có nghĩa là Bố Thí. Kê mà mang tài sản, của cải tiền bạc, đồ ăn thức uống cho ai gọi là Dana. Tiếng Đức dịch là Geberfreundlichkeit, có nghĩa là cho; nhưng hoan hỷ. Nói chung là phát tâm để cho vật ấy. Tiếng Pháp gọi là donner. Không biết có sự trùng hợp nào hay không mà 2 âm này tương tự giống nhau. Donner có nghĩa là cho, cho ai một vật gì đó (donner quelque chose à quelqu'un). Nếu tìm ra được sự liên hệ này cũng quả là điều hay, giống như người Đức vừa tìm ra sự liên hệ giữa chữ Theravada và Therapie vậy. Chữ Theravada theo nguyên nghĩa của tiếng Sanscrit và Pali là Nguyên Thủy hay Khởi Nguyên. Còn chữ Therapie bên tiếng Đức, mà có lẽ tiếng Anh cũng thế, có nghĩa là trị liệu. Đây thuộc về hình ảnh tâm linh của những người khởi xướng việc tu học lúc ban đầu.

Ngày nay tại Đức người ta cũng đã chứng minh được vô số việc Đức Chúa Jesus, nguyên thủy không phải là con của Chúa Trời mà là một Phật Tử (xin xem tài liệu đăng trong Viên Giác số tháng 2 năm 1995). Chiếc áo của Chúa đang mặc là chiếc y đi khất thực của những vị Tăng Sĩ Nam Tông lúc bấy giờ. Vì Chúa đã học ở Benares, nơi Đức Phật thuyết pháp lần đầu tiên đến 5 năm kia mà. Và lại thời đó vào đầu kỷ nguyên ảnh hưởng của Phật Giáo do Vua A Dục truyền qua Trung Đông còn mạnh lắm. Nên từ Do Thái đi đến Ấn Độ cũng đâu có xa bao nhiêu. Sau này thời đại La Mã họ mới biến Chúa giống như điều họ muốn, nên mới ra như thế và các nhà thần học Đức chứng minh rằng trong Thánh Kinh ngày nay, những đoạn Mathiew số mấy, số mấy v.v... đa số đều chép trại ra từ kinh Dhammapaka Sutra (kinh Pháp Cú) là một loại kinh cũ nhất của Phật Giáo. Vì Chúa đã học Phật nên đã ứng dụng vào đời sống của mình mà. Nói đến đây chắc có nhiều tín đồ Thiên Chúa Giáo Việt Nam nói tôi dùng chứng từ không đúng sự thật chẳng? Nếu

quí vị nào muốn hiểu rõ, xin vui lòng tham cứu những sách nguyên bản bằng tiếng Đức như "Ur-Jesus" (Đức Chúa nguyên thủy), hoặc quyển "Jesus lebte 6 jahre in Indien" (Đức Chúa đã sống 6 năm tại Ấn Độ) thì quý vị sẽ hiểu rõ ngọn ngành hơn. Các sách đã được dịch sang Anh và Pháp ngữ.

Như vậy tự nhiên Phật Giáo có hàng tỷ tín đồ nữa chẳng? Để xem nhân loại ở thế kỷ thứ 21 sẽ thay đổi như thế nào mà nhiều nhà Tôn Giáo Học đã quyết đoán rằng thế kỷ thứ 21 là thế kỷ của Phật Giáo?

Thí Chủ, Đại Thí Chủ, Cư Sĩ, Đại Cư Sĩ hoặc nói cho trang trọng hơn gọi là Trưởng Giả. Những nhà giàu có thường hay cúng tiền bạc, ruộng vườn vào chùa, nên gọi là Thí Chủ. Nếu cúng cả giang sơn sự nghiệp của mình như ông Cấp Cô Độc, gọi là Trưởng Giả.

Ngày xưa những ông Vua bà Chúa vì một lời nguyện ước nào đó đã được thành tựu thì họ đem của cải đến chùa để cúng tạ lễ. Người giàu cúng cả mấy mẫu ruộng, kẻ nghèo thì 5 hay 7 gạ thóc v.v... Nghĩa là tất cả mọi người, dầu là vua quan hay thứ dân đều có công đức trong việc chùa chiền và mục đích của người Cư sĩ khi cúng dường vào chùa chỉ cầu được phước báu trong đời này và đời sau mà thôi.

Tôi vẫn thường hay nhắc nhở cho các Phật Tử hay rằng: Quý vị cúng tiền bạc hay bất cứ một loại thuộc phạm vi vật chất nào vào chùa, thì chỉ sinh phước mà thôi. Nếu quý vị muốn hưởng được cái đức lâu bền, quý vị phải tự tu mới có. Mà tu như thế nào? Thì đây là cách thức.

Nên niệm Phật đi đến chỗ nhứt tâm, trí huệ mình sẽ được triển khai và giờ phút lâm chung sẽ được Đức A Di Đà và các vị Thánh Chúng đến tiếp dẫn.

Nên Sám Hối cho nghiệp chúng tiêu trừ. Càng siêng lễ bái chừng nào, càng tốt chừng ấy. Nên hiểu rằng mỗi lạ ta lạ Phật là tiêu đi một tội lỗi. Có nhiều người nói rằng: Họ đâu có tội gì mà phải sám hối nhiều thế? Tôi trả lời rằng: Tại sao không? Suốt cả cuộc đời gây ra không biết bao nhiêu tội. Mới sinh ra đã có tội. Họ hỏi rằng tội gì? Tôi đáp: Tội tham. Tham như thế nào? Thì quý vị thấy đó. Khi sanh ra đâu có đũa nào xòe bàn tay ra, mà đũa nào cũng nắm chặt lại. Nắm giữ không phải tượng trưng cho sự tham lam là gì? Lúc ấy họ mới vỡ lẽ.

Tụng kinh cũng là điều quan trọng nữa. Vì trong mỗi niệm, ta nhớ nghĩ đến chư Phật, miệng ta tụng kinh, tâm ta nhớ nghĩ lời Phật khiến cho cả thân khẩu ý đều được thanh tịnh, không phải vậy sao? Tất cả những gì thực hành cho rốt ráo, đều đi vào chỗ chánh niệm cả. Niệm đã chánh rồi thì trí huệ sẽ phát sanh.

Ngồi thiền cũng quan trọng lắm. Tâm chúng ta cũng giống như một dòng nước nghiệp đang chao đảo, gió phiền não càng làm cho sóng cuộn cuộn dâng cao, chỉ có giọt nước mát của cảnh dương mới làm cho sóng yên và gió lặng; nhưng cặn bã của tham sân si vẫn còn đó. Nếu sơ hở thì nội ma sẽ nổi lên trở lại và dập tắt tâm bồ đề. Vì thế phải canh chừng những loại giấc này nhiều hơn nữa.

Trong 4 phương pháp trên đây, nếu thực hành rốt ráo sẽ sinh ra trí tuệ và cái Đức rất cao đầy. Đức này thuộc về nhân vô lậu, không thể mất đi được. Còn phước thuộc về

nhân hữu lậu, cho nên dễ mất lắm. Vì vậy giàu nghèo, sang hèn có chia ra thứ lớp; chứ trí tuệ bát nhả ai cũng giống ai thôi.

Có nhiều người Phật Tử cúng dường vào chùa cũng có mục đích duy nhất là cầu danh thôi. Tuy phước đức không có nhiều; nhưng cũng chẳng phải là điều bất thiện. Vì thế mới có chữ ẩn danh, vô danh hay hữu danh. Có nhiều người cúng thật nhiều nhưng không muốn cho người khác biết, nên gọi là ẩn danh. Ngược lại có người cúng không nhiều, nhưng muốn cho tên mình được niêm yết tại đâu đó cho mọi người xem, nên cũng có thể gọi là cầu danh. Tuy nhiên sự cúng dường hộ đạo không nhất thiết là nhiều hay ít. Chung quy cũng tại tấm lòng của mình mà thôi. Khi Phật còn tại thế có câu chuyện của "bà già cúng đèn" đã làm cho nhiều người suy nghĩ. Chuyện kể rằng:

"Vua Ba Tư Nặc là một vị vua rất giàu từ tâm, có lòng cung kính Phật; nên đã cho quân lính chở những vật dụng cần dùng đến Tịnh Xá nơi Phật cư ngụ để cúng dường. Trong những vật dụng ấy có những cây đèn làm bằng dầu, được thắp thâu đêm cho Tịnh Xá được sáng sủa.

Trong làng kia có một bà lão ăn mày, nghe người ta nói cúng dường cho Đức Cô Đàm được phước đức nhiều lắm. Nghĩ lại thân mình là kẻ ăn xin, có gì đâu mà cúng lên Đức Phật. Bà ta bèn nghĩ rằng: "con giàu một bó, con khó một nén". Nên bà đã đi xin suốt một ngày đó được mấy xu, đoạn bà đi tới tiệm bán đèn để mua đèn cúng dường Đức Phật.

Đèn của bà lão ăn mày cũng được đốt lên và ánh sáng cũng sáng chứa chan như đèn của nhà vua; nhưng

đến canh ba thì đèn của nhà vua cạn dầu và ngưng cháy. Riêng đèn của bà lão đến hết canh năm vẫn còn sáng rực rỡ. Đức Phật mới cho đệ tử của Ngài đi tắt; quạt mãi nhưng ngọn lửa càng lúc càng cháy cao hơn. Các vị đệ tử thấy điềm ấy rất lạ, nên mới bạch Phật hỏi nguyên do. Phật dạy rằng: Tuy Vua Ba Tư Nặc có tâm lo hộ trì Phật Pháp, nhưng so ra tâm địa của bà lão kia có dạ chí thành hơn nên đã được Phật chứng và vì thế ngọn đèn trí tuệ của bà lão cháy không bao giờ tàn được”.

Đó là bài học vô giá; ngày nay các Phật Tử cũng nên để ý câu chuyện trên mà hành trì.

Lại còn một câu chuyện mà sử sách đã ghi; nhưng cũng xin chép vào đây để nêu cao tấm gương hộ trì Phật Pháp của vị Trưởng Giả Cấp Cô Độc.

Nguyên là Trưởng Giả có người chị lấy chồng về xứ Ma Kiệt Đà, nơi Đức Phật đã thành đạo. Lúc Trưởng Giả qua thăm chị mình, thấy Đức Phật tướng mạo đoan trang và có nhiều đệ tử theo tu học bên Ngài nên tự nhiên ông phát tâm muốn thỉnh Phật về nước Xá Vệ để thuyết pháp. Từ Ma Kiệt Đà đi đến Xá Vệ Quốc chừng 500 cây số. Ngày nay đi xe hơi mất cả ngày đường. Chắc ngày xưa Đức Phật cùng đệ tử của Ngài đi bộ chắc phải mất nhiều tháng mới tới. Phật bảo Trưởng Giả rằng: Nếu ông có tâm, hãy về nơi ông cư ngụ dọn dẹp nơi ăn chốn ở, ta và tăng chúng sẽ đến.

Ông Trưởng Giả một phần giàu có nhất xứ, phần khác vì quá kính trọng Phật nên muốn tậu một nơi nào đó cho thật khang trang để lập Tịnh Xá thỉnh Phật về. Ông đi khắp nơi cùng chốn nhưng không thấy chỗ nào bằng vườn cây

của Thái Tử Kỳ Đà, ông bèn hỏi thăm. Thái Tử có ý thách thức rằng: Tôi đồng ý bán; nhưng với điều kiện, nếu ông có vàng trải khắp hết mặt đất của vườn cây thì ta sẽ bán cho. Trưởng Giả cho gia nhân chở hết vàng trong kho ra lót trên mặt đất. Khi làm việc này chắc Trưởng Giả cũng rất thành tâm. Đến khi lót gần xong, Thái Tử Kỳ Đà bảo rằng không bán. Trưởng Giả nhắc lại cho Thái Tử biết rằng: Một lời hứa quan trọng lắm và cuối cùng vì Thái Tử thấy Trưởng Giả có lòng tin nơi Đức Phật rất thâm hậu; nên ông ta bằng lòng bán đất cho Trưởng Giả để lập Tịnh xá cho Đức Phật. Những nơi nào đã lót vàng xong thuộc về Trưởng Giả, còn những gốc cây không lót vàng được thuộc về Thái Tử và Thái Tử dâng cúng hết những cây này lên Đức Phật nên trong các kinh như Kinh A Di Đà nói rằng: Một thửa ruộng Phật ngự tại vườn của Trưởng Giả Cấp Cô Độc và cây của Thái Tử Kỳ Đà là trong ý ấy.

Nơi đây cho đến ngày nay vẫn còn đẹp lắm. Tuy vườn này nằm ngoài đồng trống nhưng cảnh trí thật nên thơ. Cây Bồ Đề A Nan, giếng nước, phòng Đức Phật ngủ và nơi ngồi thiền của Phật vẫn còn đây. Có lẽ vì ở đây cảnh trí thanh nhã và cũng chính vì lòng tin vào chánh pháp của Trưởng Giả quá thâm hậu nên Phật và chư Tăng đã ở nước Xá Vệ này đến 25 mùa hạ trong 45 năm trụ thế của Ngài sau đó đã thành đạo. Như vậy hơn một nửa phần hóa độ của đời Ngài được thể hiện nơi đây. So ra với nước Ma Kiệt Đà hay Vương Xá Thành nơi có vua Tần Bà Xa La cũng tính tâm với Phật pháp nhiều lắm chứ; nhưng Phật ở Tịnh xá Trúc Lâm ít hơn là Kỳ Viên Tịnh xá. Có lẽ cũng do tín tâm của Trưởng Giả Cấp Cô Độc mà nên chăng?

Ở Vương Xá Thành còn có Đề Bà Đạt Đa nữa. Dĩ nhiên, không phải vì Đề Bà Đạt Đa mà Đức Phật không

thích ở đây. Trong Kinh Pháp Hoa, Phật cũng đã nói trong phẩm Đề Bà Đạt Đa rằng: Chính Đề Bà Đạt Đa là thiện hữu trí thức của ta kia mà!

Về già Đức Phật cần nơi yên ổn hơn nên mới lên Linh Thứu Sơn; nhưng Đề Bà Đạt Đa vì muốn nắm quyền chưởng quản Giáo Hội và ép buộc Phật phải nhường lại vị trí ấy; nhưng Đức Phật đã khước từ và bảo rằng: Đạo ta không có trao truyền giáo chủ mà chỉ tâm truyền tâm thôi.

Kể ra cho cùng thời nào cũng có những bậc nhân vương hộ pháp hết. Khi Đạo Phật đến Tích Lan cũng đã được vua chúa đón tiếp và phát triển. Có lẽ vì chị ruột của Thái Tử Mahinda, con vua A Dục đã đi tu và nhân danh Công chúa nên lúc bấy giờ đã được nhiều hoàng thân quốc thích kính trọng chẳng?

Khi đến Trung Hoa, các vua chúa tại đây cũng đã xiển dương Đạo Phật một cách triệt để, nên Đạo Phật vào triều nhà Lý, nhà Đường vào thế kỷ thứ 6, thứ 7 đã trở nên cực thịnh.

Khi Đạo Phật đến Nhật Bản vào thế kỷ thứ 6, Thánh Đức Thái Tử (Shotoku Taisi) là một vị vua rất nhân từ, đã là một Phật tử thuần thành, một người hộ đạo nhiệt thành nên đã lấy Tam quy Ngũ giới áp dụng vào Hiến pháp của Nhật Bản và những điều căn bản ấy Nhật Bản vẫn giữ cho đến ngày nay.

Khi đến Việt Nam cũng vậy. Nếu triều nhà Đinh, Lê, Lý, Trần không có những nhà vua vừa là những Thiền Sư thì Việt Nam ta ắt không có 400 năm lịch sử hưng thịnh nhất (1010-1400). Hai triều đại Lý Trần này đã cống hiến

cho đất nước của chúng ta không biết bao nhiêu bậc nhân tài, nếu không nói từ Phật Giáo mà ra, nhờ Phật Giáo mà được. Rồi Hội Nghị Diên Hồng. Tinh thần ấy là tinh thần của những người Cư sĩ hộ đạo, hộ quốc chứ đâu có lạ gì. Nếu không có Phật Giáo, chắc chắn sẽ không có Hội Nghị Diên Hồng, mà Trần Quốc Tuấn sau này đỗ Tiến sĩ, có chân trong Hội Nghị ấy, sau khi thắng Mông Cổ xong, ông liền đi tu vì chán cảnh thế sự phù du mộng ảo, nên đã trở thành Thiền Sư Huyền Quang ở thế kỷ thứ 13 và có thơ rằng:

"Khó khăn thì chẳng ai nhìn

Đến khi đỗ Trạng tám nghìn nhân duyên"

Khi người Phật Tử đã hiểu đạo rồi thì công hầu khanh tướng đâu có đáng gì. Tất cả không bằng đạo được.

Rồi Nguyễn Trãi vừa là Quân sư của vua Lê Lợi, vừa là một Thiền Sư nên mới khuyên vua cách chặn dân trị nước rằng: Dân giống như nước, kè chặn dân trị nước cũng giống như kè lái thuyền. Chính nước đó sẽ chở thuyền đi đến nơi đến chốn, mà chính nước đó sẽ lật thuyền. Bệ hạ hãy khá xét phân".

Rồi gần đây Nguyễn Công Trứ, Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh v.v... là những nhà ái quốc và cũng là những Phật tử rất chân thành sống trong tinh thần của Đạo.

Có những người Phật tử như Bác sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám, cụ Mai Thọ Truyền v.v... là những Cư sĩ tiêu biểu nhất trong đầu thế kỷ thứ 20 này.

Rồi ngày nay ra hải ngoại cũng có không biết bao nhiêu Phật tử có tín tâm như thế. Nhưng đồng thời cũng vì cơ quốc biến nên gia mới vong, cửa nhà tan nát, nhiều người khi ở Việt Nam đâu có biết chùa chiền là gì, có biết

tượng Phật ra sao! Nhưng khi đến đất nước tự do rồi, muốn thể hiện cái tinh thần Phật tử truyền thống ấy nên cũng hào hào xây chùa, đúc tượng, tô chuông v.v... Việc làm mang ý nghĩa tốt; nhưng vì không hiểu rõ hết ý nghĩa của việc làm như Trưởng Giả Cấp Cô Độc đã làm trong thời Phật còn tại thế, nên ngày nay ở ngoại quốc tăng, tục là có quá nhiều vấn đề. Đó chẳng qua là vận nước. Ví dụ một chuyện đơn giản để hiểu như sau:

Có bà Phật tử ở Việt Nam đi chùa lâu năm nhưng không biết đánh mõ và chưa từng đánh chuông mõ bao giờ, khi ra ngoại quốc, chùa chiền được thành lập lên, thiếu người chủ lễ, bà ta làm chủ lễ và đánh chuông mõ; nhưng đã học ai đâu? Chỉ nghe, mà nghe thì chưa chắc là đã đúng. Nên mới đánh lộn xà ngẫu lên. Kẻ hiểu chuyện thì chê bà này múa rìu qua mắt thợ. Người không biết thì trầm trồ khen.

Ngày xưa, việc đưa tượng Phật ra khỏi Việt Nam không có dễ dàng như bây giờ; nên đã có nhiều người phát tâm đúc tượng Phật để thờ; nhưng người này thì chưa ăn chay ngày nào, chưa học đức ngày nào, chỉ có chút hoa tay thôi; nhưng tấm lòng tốt ấy cũng đáng quý. Thế nhưng khi lên tượng Phật, không có tướng hảo quang minh, quả là điều khiếm khuyết. Vì thế cho nên mới có cảnh trống đánh xuôi kèn thổi ngược là vậy.

Xem ra mọi tâm niệm đi phụng sự đạo chưa thuần nhất nên mới sinh ra cảnh trái tai nghịch ý như thế. Đó là chưa kể những người nhân danh Phật tử để lợi dụng đạo làm việc chính trị cho tổ chức của mình. Bây giờ Đạo nó giống như một món hàng bày ra giữa chợ Đời, ai muốn trả giá nào thì trả, trông nó mất giá trị quá, chẳng khác nào ngày xưa Tản Đà đã rao bán văn chương nơi hạ giới vậy.

Nhiều Hội đã thành lập được chùa, đón Thầy về. Vì Thầy đến sau; ít nhiều có mặc cảm là đã không làm chủ được tình hình; nên Hội và Thầy, giữa Cư sĩ và Tu sĩ có những điểm không tương đồng nhau. Thế là từ đó có sự tị hiềm nhau. Thầy ngờ vực đệ tử, đệ tử tìm cách để bêu xấu Thầy. Nhưng ai cũng không lấy ra được một bài học cho bản thân mình rằng: Mỗi người phải tự tu và tự sửa mới chứng được. Thầy thì trách Phật tử, Phật tử cứ trách Thầy. Ví dụ Thầy là một người bán hàng đi. Thầy đem ra rao hàng giữa chợ Đồi, chợ Đạo rằng món hàng này tốt, ai mua sẽ được thế này thế kia... nhưng ở đây không phải thế, quý Phật tử là những người đi mua hàng kia mà! Tự đến năn nỉ mời Thầy về chùa, chứ Thầy đâu có tự dưng xách gói đến đâu? Vậy thì khi mua hàng, người mua đã chọn mặt hàng, thích mặt hàng ấy rồi mới mua về nhà chứ? Khi về nhà mới phát hiện ra là món hàng đó giả. Lỗi ấy về ai?

Ở đây có thể quy vào hai nơi. Thứ nhất, là lỗi ở người mua hàng. Vì không có con mắt sành điệu nên thấy hàng giả, tưởng là hàng thật. Thứ hai, người bán hàng cũng phải chịu trách nhiệm về món hàng nữa chứ! Vì muốn bán được hàng cho nên đã sơn phết bề ngoài món hàng đó cho hào nhoáng lên, khiến khách hàng lầm. Vậy thì trách nhiệm thuộc về cả hai chứ không thể quy về một bên được.

Khi một Tổ chức, một Hội Đạo muốn vững phải căn cứ nơi hai điều:

Thứ nhất, trong cương vị Thầy, như là một lãnh đạo tinh thần của Hội, mình phải có đầy đủ tư cách và khả năng để hóa giải và độ sanh như Đức Phật đối với Trưởng Giả Cấp Cô Độc.

Thứ nhì, Phật Tử phải giữ cương vị của mình là một người hộ đạo nhiệt thành cốt làm sao phát huy Đạo pháp như vua A Dục, Trưởng Giả Cấp Cô Độc đã làm, trong tâm niệm hưng long Phật học chứ không nằm trong ý niệm "mượn Đạo tạo Đờ". Theo tôi nghĩ, khó khăn nào cũng có thể vượt qua được và cam go nào rồi cũng sẽ trôi qua. Đâu có gì mà khó giải quyết. Thầy hãy nhìn lại vị trí của mình. Người Phật Tử phải quay về với chính mình để tự hỏi mình là ai? Và mình muốn cái gì?

Nhiều khi ngồi lại tôi hay suy nghĩ. Tại sao ở Việt Nam những chuyện như thế ít xảy ra, còn ở ngoại quốc ngày nay nó thê thảm quá vậy? Tôi đoán chắc một điều và xin trả lời thế cho quý vị rằng: Ở đây chúng ta cái gì cũng đủ, nhiều khi chúng ta còn thừa thãi nữa. Chúng ta chỉ thiếu một điều thôi. Đó là thiếu tu. Thầy hay trò cũng vậy. Hãy cùng nỗ lực, tinh tấn trong việc tu hành đi, rồi việc gì cũng xong cả. Không ai trong cuộc đời này là toàn hảo, chỉ có người luôn tự sửa đổi, ấy mới là kẻ đáng quý thôi. Vì vậy nên Đức Phật có nói rằng: Ở đời có 2 hạng người đáng nói và đáng quý thôi. Đó là hạng người không bao giờ gây nên lỗi lầm và hạng người đã có lỗi lầm, nhưng biết sửa đổi! Ôi! Cao quý biết là dường bao!

Hạng thứ nhất chỉ có Phật, các vị Bồ Tát và các vị Thánh Nhơn mới được. Hạng thứ hai, ai cũng có thể làm được hết, nếu chúng ta có ý chí hướng thượng.

Để thể hiện tinh thần chung đó, qua các nhiệm kỳ chư Tăng và Phật Tử Chùa Quan Âm tại đây đã bầu cử và hòa nhập vào công việc, cốt sao cho Phật sự được viên thành. Ở đây xin đơn cử thành phần và cơ cấu tổ chức của Chùa Quan Âm trong nhiệm kỳ 1989-1991 như sau:

*** Lãnh đạo tinh thần** : Thượng Tọa Thích Minh Tâm
Thượng Tọa Thích Như Điển
Trụ trì chùa Quan Âm : Đại Đức Thích Minh Thông
Cố vấn Giáo hạnh GDPT/QA: Đại Đức Thích Thiện Huệ

*** Ban Trị Sự:**

Hội Trưởng : Đại Đức Thích Nhất Chơn
Phó HT Nội Vụ : Đh Diệu Nghĩa Tôn Nữ Tâm Giảng
Phó HT Ngoại Vụ : Đh Nguyên Thụ Phan Trọng Hàm
Tổng Thư Ký : Đh Thị Pháp Huỳnh Phước Bằng
Phó Tổng Thư Ký : Đh Quảng Thịnh Trần Hữu Long
Thủ Quỹ : Đh Diệu Tôn Lê Thị Khả
Phó Thủ Quỹ : Đh Nguyên Châu Nguyễn Thị Tuất
Trưởng Ban Hoằng Pháp: Đại Đức Thích Minh Thông
Phụ Tá TB Hoằng Pháp : Đh Nguyên Minh Ngô Văn Hoa
Trưởng Ban Hộ Niệm : Đh Tâm Khương Ng. Hiệp Hảo
Hương Đăng : Đh Quảng Minh Huỳnh Ngọc Anh
Am Thanh Tịnh : Đh Phúc Thành Ngô Thế Chú
Đh Nguyễn Văn Lục
Sổ sách Hương Linh : Đh Thiện Tâm Trần Văn Sử
Đh Nhựt Hồng Trần Văn Nhung
Trưởng Ban Tài Chánh : Đh Phước Hòa Trần Văn Đức
Trưởng Ban Trai Soạn : Đh Nguyên Tín Lê Thị Lan
Phụ Tá TB Trai Soạn : Đh Diệu Lợi Đinh Xuân Thảo
Gia Trưởng GDPT Quan Âm: Đh Diệu Tôn Lê Thị Khả
Ban Văn Hóa : Đh Quảng Duyên Trương V. Hoàn
Ban Báo Chí : Đh Thị Nguyệt Huỳnh Ngọc Trọng
Ban Xã Hội : Từ Thanh Liên Ng. Thị Hương
Ban Tiếp Tân : Đh Diệu Huệ Ngô Kim Lan
Ban Cố Vấn : Ô.Bà Nguyễn Bình Tuyên
Ô.Bà Nguyễn Hữu Cư
Ô.Bà Trần Văn Xương
Ô.Bà Lê Huy Nhâm

Ô.Bà Lê Văn Thu
Ô.Bà Lâm Tô Bông
Ô.Bà Nguyễn Quang Di
Bà Hồng Hoa
Bà Phan Trọng Hàm

(Trích Đặc San Quan Âm số 1 tháng 2 năm 1990)

Ngoài ra Ban Trai Soạn của nhiệm kỳ 89-91 cũng được chia ra làm 6 Toán. Nghĩa là 1 tháng rưỡi mới trở lại phần mình.

Trưởng Ban : Đh Nguyễn Tín (Đh Minh)
Phụ Tá : Đh Diệu Lợi
Toán 1 : Đh Diệu Lợi
Toán 2 : Đh Nguyễn Tâm
Đh Võ Thị Hoa
Toán 3 : Đh Từ Ngọc Duyên
Đh Từ Mai Châu
Đh Diệu Hằng
Đh Diệu Hạnh
Đh Diệu Hoa
Toán 4 : Đh Diệu Lý
Toán 5 : Đh Diệu Tôn
GDPT Quan Âm
Toán 6 : Đh Diệu Đạt
Đh Nguyễn Hà
Đh Chơn Như
Đh Nguyễn Tín (Đh Trinh)

Theo tôi thấy và qua kinh nghiệm của mình, chưa có một Ban Trị Sự và Ban Trai Soạn nào trên thế giới này mà hùng hậu như thế cả. Điều ấy chỉ có thể thấy ở tại Chùa Quan Âm này. Đây không phải là một danh sách bầu sông lên cho có chức, có vị, mà hầu hết mọi người, hầu như tôi

đều biết mặt và qua nhiều năm kinh nghiệm làm việc, tất cả đều có thực lực và thực tâm vì Đạo. Và có lẽ đây cũng là nhiệm kỳ đẹp đẽ nhất trong tất cả các nhiệm kỳ và cũng có lẽ là nhiệm kỳ thành công hết thảy mọi công việc.

Tôi không hiểu nguyên nhân tại sao Thầy phải ra đi và Phật Tử lại xao xuyến? Tôi đã được trả lời hết câu hỏi này rồi; nhưng chờ thời gian sẽ trả lời thêm nữa, tôi viết tiếp vào đây cũng không muộn. Vì cái gì sự thật phải trả về cho sự thật. Ví dụ như sóng phải trả về cho bản thể của nước. Sở dĩ có sóng chỉ vì bị gió thổi mà thôi.

Nếu vậy, chúng ta cũng có thể kết luận được rằng: Vì có duyên nên Phật Tử Quan Âm đã đón được Thầy Minh Thông về đây cuối năm 88 và vì hết duyên nên Thầy mới ra đi vào đầu năm 1994. Trong suốt thời gian ấy, Thầy cũng đã làm được rất nhiều việc cho chùa. Xin tán thán công đức của Thầy. Ví dụ như việc xây hậu điện thờ Tổ, việc làm tượng Quan Âm lộ thiên, việc tráng nhựa chung quanh chùa. Dĩ nhiên công đức ấy có được là do các Đạo Hữu trong Ban Trị Sự thực hiện; nhưng cũng phải nhờ sự trợ lực của Thầy. Còn Thầy có những ý nghĩ gì khác thì xin Thầy cứ tự hỏi mình và tự trả lời vậy.

Còn Phật Tử, quý vị là những người lo hộ đạo và giữ đạo. Theo tôi thấy thì mục đích quá cao cả; nhưng phương tiện đi đến mục đích ấy nhiều lúc khác nhau và vì nghiệp duyên, túc phúc vẫn chưa đầy đủ nên thuyền Bát Nhã mới chông chênh và tôi mong rằng bên sau lùm mây của giông bão ấy đã có ánh sáng mặt trời chói rọi cho những người có thiện tâm và thiện chí như quý vị.

Thầy đi rồi, chùa cũng mang tiếng. Đồng thời Thầy Hội Trưởng cũng đã nhọc công không ít và đã lặn lội từ Pháp sang đây để giải quyết vấn đề.

Năm 1994 là năm gì nhỉ? Đó là năm Giáp Tuất. Đúng là thân phận của con chó, nên ai cũng vất vả. Thầy Minh Tâm và tôi cũng bồn chồn trong dạ, Thầy Nhất Chơn và Thầy Thiện Huệ thì lo lắng cho sự thịnh suy của Hội này. Quý Bác lớn tuổi trong Ban Sáng Lập ngày không ăn, đêm không ngủ. Quý Phật Tử thì nghi kỵ nhau, phân tán nhau. Kéo về bên này, lôi về bên nọ. Đúng là năm con chó; nhưng con chó này không biết nên đứng về bên nào? Khiến cho tính trung thành của nó bị tiêu tan đâu mất cũng chính vì cái tính chưa xả kỷ của con người. May mà có Long Thần Hộ Pháp che chở, có Già Lam Thánh Chúng hộ trì, nếu chẳng may con chó cắn bậy ai là không còn mang được tính từ bi của Đạo Phật nữa, sẽ làm cho những người bàng quan thiên hạ họ chê cười. Quả là có Phật độ.

Trong cơn sóng gió như vậy, Đại Đức Thích Viên Diệu lại một lần nữa trở về lại với Quan Âm qua sự cung thỉnh của Ban Trị Sự và Thượng Toạ Hội Trưởng. Thầy đã về đây nhận chức Trụ Trì Chùa Quan Âm vào tháng 4 năm 1994.

Xin tán thán công đức của Thầy Viên Diệu rất nhiều về từ tâm thiện ý của Thầy. Trong những cơn sóng gió như thế Thầy đều nai lưng ra gánh vác hết. Bao nhiêu tiếng thị phi từ mọi phía đều đổ về Thầy; nhưng trên đầu Thầy đã có Đức Phật và Long Thần Hộ Pháp che chở. Dưới Thầy đã có bao nhiêu Phật Tử hỗ trợ rồi. Xin Thầy an tâm để hoằng dương Phật Pháp.

Khi ra trận mạc rồi mới biết ai là người gan dạ và ai là kẻ sợ chết phải không Thầy? Người tu đâu có ai lánh nặng tìm nhẹ đâu? Mà 2 vai phải gánh vác hết mọi việc.

Bây giờ xin điểm sơ qua một vài nét đặc thù về những vị trong Ban Trị Sự cũng như trong Ban Cố Vấn của nhiệm kỳ 89-91 để một mặt tri ân những vị này đã bỏ công bỏ sức cho Chùa Quan Âm trong suốt thời gian qua.

Thầy Minh Tâm và chúng tôi thì quý vị đã biết rồi, khỏi cần đề cập đến.

Thầy Minh Thông tôi cũng đã đề cập đến những tánh tốt của Thầy ấy ở bên trên rồi.

Còn Thầy Thiện Huệ, Cố vấn Giáo hạnh cho Gia Đình Phật Tử Quan Âm thì có biệt tài kể chuyện, thu hút người nghe. Nhân vật nào trong sách vở nào Thầy cũng nhớ và có lối giảng thật lôi cuốn quần chúng.

Thầy Nhất Chơn là anh ruột của Thầy Thiện Huệ. Chắc Thầy đang tu mật hạnh? Có nhiều người thích cái hạnh của Thầy Nhất Chơn lắm. Nghĩ ra Thầy làm Hội Trưởng cho Hội Phật Giáo Quan Âm cũng rất xứng đáng, tuy Thầy ít thích về vấn đề hành chánh. Thầy và Thầy Thiện Huệ luôn gần nhau, ở chung phòng và hay chia xẻ nhau nhiều công việc Phật sự. Anh nói em nghe, em đề nghị anh chấp thuận. Có nhiều lần tôi nói với hai Thầy ấy rằng ước gì tôi và Thầy Bảo Lạc được như vậy. Có lẽ vì không hợp nhau nên ít khi nào tôi và Thầy Bảo Lạc nói chuyện với nhau được 1 tiếng đồng hồ. Chỉ có một lần duy nhất là chuyển hành hương sang Úc vào năm 94 vừa rồi, tôi có dịp thưa chuyện với Thầy Bảo Lạc được 5 hay 6 lần gì đó. Mỗi lần chừng 30

phút đến 1 tiếng về chuyện chùa chiền, hội hè, bạn hữu và về gia đình anh chị ở quê hương. Đã 32 năm rồi chúng tôi mới có cơ hội nói chuyện lâu như vậy. Nhiều khi tôi biết bổn phận làm em của mình; nhưng sao có nhiều việc không nhin được, nên cãi lại Thầy, thế là câu chuyện lại sang hàng. Còn Thầy Thiện Huệ và Thầy Nhất Chơn, tôi thấy hay hơn anh em tôi điều ấy.

Phó Hội Trưởng Nội Vụ là Đạo hữu Diệu Nghĩa Tôn Nữ Tâm Giảng. Đạo hữu là đệ tử của Thượng Tọa Minh Tâm. Mặc dầu xa xôi cách trở nhưng mỗi năm Âu Châu tổ chức khóa giáo lý, Đạo hữu đều có mặt. Đặc biệt là giọng tụng kinh và đọc sớ của Đạo hữu rất hay.

Phó Hội Trưởng Ngoại Vụ là Đạo hữu Nguyên Thụ Phan Trọng Hàm. Đạo hữu là một Luật sư nên rất thận trọng trong mọi công việc. Tư cách của Đạo hữu đã chinh phục được nhiều người trong khi Hội gặp khó khăn nhất.

Tổng Thư Ký là anh Thị Pháp Huỳnh Phước Bằng, anh là đệ tử quy y với tôi hồi năm 1980, anh hơn tôi 7 tuổi; nhưng cách đối xử anh rất quý tôi và ngược lại tôi cũng rất mến anh ở nhiều đức tính, cương trực, quả quyết và cũng đã hết lòng vì Đạo. Tuy có chút ít tánh nóng; nhưng vì đại sự chứ không phải vì mục đích riêng tư cho mình. Tôi cũng có tánh nóng như vậy, nhiều khi thấy vô lý, nhưng mọi chuyện rồi cũng nguôi ngoai đi.

Cũng do nhân duyên từ năm 1978 như tôi đã kể trên, nếu không gặp anh thuở đó, bây giờ Thầy Minh Tâm và tôi đã không có mặt ở Canada này.

Phó Tổng Thư Ký là anh Quảng Thịnh Trần Hữu Long. Anh đã quy y với Thầy Minh Tâm và là bạn của anh Bàn. Làm việc rất hăng say và là nhà giáo nên có lối viết chữ rất đẹp.

Thủ Quỹ là Đạo hữu Diệu Tôn Lê Thị Khả. Tánh tình Đạo hữu rất điềm đạm, rất được lòng mọi người. Suốt trong 15 năm khi tôi quen biết Chùa Quan Âm này Đạo hữu rất nhỏ nhẹ và từ tốn trong khi giao tế với mọi người.

Phó Thủ Quỹ là Đạo hữu Nguyên Châu Nguyễn Thị Tuất. Vị này khi nào gặp tôi cũng thường hay hỏi giáo lý, đặc biệt về Kinh Pháp Hoa và Thiền Định. Đạo hữu tu tại gia rất lâu năm. Bây giờ hình như gia đình đã dọn về Ottawa rồi. Về hoằng pháp chọn Đại Đức Thích Minh Thông lúc bấy giờ là phải. Vì Thầy ấy đương kim trụ trì mà. Thầy có lối ăn nói nhỏ nhẹ, làm cho nhiều người ưa thích.

Phụ tá là Đạo hữu Nguyên Minh Ngô Văn Hoa cũng là người thích nghiên cứu về giáo lý, thích sưu tầm về kinh điển. Đạo hữu có cách nói rất dịu dàng, dễ chinh phục người nghe. Hai ông bà, theo tôi thấy ít bị mịch lòng nhất tại đây. Có lẽ vì tính cách tế nhị ấy chăng?

Trưởng Ban Hộ Niệm là Đạo hữu Tâm Khương Nguyễn Hiệp Hào. Có thời gian cô đã đi tu và cô cũng là cháu ruột của Sư Bà Thích Nữ Như Thanh, tác giả cuốn Bát Nhã Cương Yếu, hiện trụ trì chùa Huê Lâm. Có lẽ nhờ túc duyên đó mà cả nhà đều biết đạo rất sớm.

Hương Đăng lo nhang khói trên chùa do Đạo hữu Quảng Minh Huỳnh Ngọc Anh. Đạo hữu là người đóng các tủ thờ trong chùa như có lần đã nhắc bên trên. Ngày nay

Đạo hữu không còn nữa, đã về với cõi Phật rồi; nhưng chắc tâm thức của Đạo hữu vẫn còn đâu đây để nhìn ngắm ngôi chùa xưa và bạn bè cũ?

Phụ trách Am Thanh Tịnh là Đạo hữu Phúc Thành Ngô Thế Chụ. Đạo hữu trực tính, hay đôn đốc công trường trong khi thợ thầy xây cất, vì hiểu rất nhiều về chuyện xây dựng. Bây giờ chùa xây dựng xong, Đạo hữu lo cho người quá cố, công đức đâu có gì bằng!

Đạo hữu Nguyễn Văn Lục phụ tá cho Đạo hữu Ngô Thế Chụ về việc này cũng xứng đáng vô cùng. Đạo hữu có người con du học tại Đức; nên tôi cũng quen biết Đạo hữu rất nhiều.

Phụ trách sổ sách Hương Linh là Đạo hữu Thiện Tâm Trần Thanh Sử. Đạo hữu này cũng đã quy y với tôi và xin được pháp danh như vậy. Có lẽ do tâm nguyện gì đây. Những năm trước khi tôi đến Canada, thường hay viếng thăm và hỏi đạo.

Đạo hữu Nhựt Hồng Trần Văn Nhung người nhỏ nhẹ. Tuy bệnh hoạn; nhưng rất kiên nhẫn trong công việc của mình, nhất là thứ tự của các Hương linh. Đạo hữu đã lo cho người quá cố như vậy, cũng là một công đức không nhỏ.

Trưởng Ban Tài Chánh là Đạo hữu Phước Hòa Trần Văn Đức. Bây giờ Đạo hữu cũng đã theo Phật rồi. Mới năm rồi (1994) tôi đã đến thăm Đạo hữu tại tư gia; nhưng năm nay (1995) có lẽ mồ mã của Đạo hữu đã xanh cỏ? Đạo hữu khi còn sống có kể cho tôi nghe về việc đi vận động xây chùa, cũng cam go lắm; nhưng cuối cùng rồi mọi việc cũng xong.

Trưởng Ban Trai Soạn là Đạo hữu Nguyên Tín Lê Thị Lan. Đạo hữu nói ít nhưng làm nhiều và rất được lòng mọi người; nên mới bầu lên giữ chức vụ này. Vì công việc trai soạn nó không đơn thuần chút nào hết.

Phụ Tá là Đạo hữu Diệu Lợi Đinh Xuân Thảo. Đạo hữu cũng trực tính; nhưng rất hăng say trong công việc của mình. Ai nhờ gì thuộc công việc chung là làm ngay không từ chối, nhất là việc chùa.

Gia Trưởng Gia Đình Phật Tử là Đạo hữu Diệu Tôn. Vì đặc tính của Đạo hữu như đã nêu trên, nên từ trẻ để gia đều mến mộ Đạo hữu.

Trưởng Ban Văn Hóa là anh Quảng Duyên Trương Văn Hoàn. Anh là anh ruột của Trương Trí Vũ. Cả hai anh em đều ăn nói rất linh hoạt; nên anh Hoàn được bầu làm Hiệu Trưởng Trường Việt Ngữ Quan Âm là đúng với chức vụ của mình rồi.

Trưởng Ban Báo Chí là anh Thị Nguyệt Huỳnh Ngọc Trọng. Cũng đã quy y với tôi nên đã có pháp danh bắt đầu bằng chữ Thị. Trong 100 đệ tử đầu của tôi đều bắt đầu như vậy, sau đó mới cho bằng Thiện. Cũng chỉ trong 100 người thôi đã đặt pháp danh trùng rồi. Thanh Hải, tôi cũng đã cho là Thị Nguyệt khi quy y với tôi năm 1979 tại Đức, bây giờ đã thành "Vô Thượng Sư" rồi. Trọng có cách làm việc quá cẩn thận nên có tên là Trọng cũng đúng. Rất nhiệt tình với tuổi trẻ, nên đã bao nhiêu năm là Huỳnh Trưởng của Gia Đình Phật Tử Quan Âm.

Trưởng Ban Xã Hội là Đạo hữu Từ Thanh Liên Nguyễn Thị Hương, một vị lão niên dẫn thân và hăng say hoạt động ở nhiều lãnh vực khác nữa như hộ niệm, trai soạn.

Tiếp Tân là Đạo hữu Diệu Huệ Ngô Kim Lan. Với giọng nói trong sáng và lanh lẹ, làm chức vụ tiếp tân là xứng hợp quá rồi.

Trên đây là Ban Trị Sự và các Trưởng Ban. Bây giờ xin điểm sơ qua Ban Cố Vấn.

Cụ ông Nguyễn Bình Tuyên khi còn khỏe đã làm Hội Trưởng nhiều nhiệm kỳ. Cụ là nhà báo, nhà nho nên rất trọng chữ tín. Bây giờ Cụ đã ra đi rồi; nhưng công đức của Cụ đối với Hội và Chùa Quan Âm không bao giờ mất đi cả. Cụ Bà là người rất hiền từ mẫu mực, ít nói. Nhưng cũng nhờ Cụ Bà mà Cụ Ông đã rảnh rang được để lo việc Đạo.

Ông Bà Nguyễn Hữu Cư bây giờ đã ở Mỹ. Nhưng những năm trước mỗi lần Thầy Minh Tâm hoặc tôi sang, khi rước cũng như khi đưa cũng không thiếu mặt những vị này. Tuy tuổi đã lớn nhưng rất ưu tư lo lắng cho Chùa và Hội.

Ông Bà Trần Văn Xương tôi có tiếp xúc mấy lần, thấy Ông Bà rất phúc hậu và có công rất lớn trong việc xây dựng ngôi Chùa Quan Âm tại đây.

Ông Bà Lê Huy Nhâm, tuy đã lớn tuổi nhưng rất minh mẫn. Lập trường vững vàng trong mọi hoàn cảnh. Có thể gọi là một Gia Cát Lượng cho Chùa Quan Âm chăng?

Ông Lê Văn Thu tức Đạo hữu Tâm Hiện, lúc nào cũng có đường lối và lập trường rõ ràng, không bao giờ chao đảo, dầu cho ai đó có thuyết phục cách nào đi chăng nữa.

Ông Bà Lâm Tô Bông cũng là người trí thức và rất nhân hậu. Bây giờ thì ông không còn nữa. Bà vẫn tiếp tục đi chùa và hoạt động Phật sự rất đều đặn.

Ông Bà Nguyễn Quang Di là Kỹ sư Công chánh, là nhà giáo và rất mô phạm, trực tính, cũng đã đóng góp rất nhiều công quả cho ngôi Chùa Quan Âm này.

Bà Hồng Hoa, như tôi đã đề cập bên trên nhưng cũng phải thành thật mà nói rằng niềm tin của Bà dựa trên khoa học và hay lo lắng cho chùa nhiều khi quên ăn bỏ ngủ.

Bà Phan Trọng Hàm đúng là một người con cháu chốn Cổ Đô. Ăn nói nhỏ nhẹ và mạch lạc. Bà cùng Ông đã tận tụy cho Chùa Quan Âm này kể từ khi thành lập cho đến nay.

Hầu hết tôi chỉ khen chứ không chê, vì tập thấy tờ giấy trắng nhiều hơn là thấy chấm mực đen, để tâm mình đỡ bận bịu với chuyện thị phi nhân nghĩa của cuộc đời.

Dĩ nhiên ngoài những vị trên còn rất nhiều vị nữa giỏi dang, đảm đang lo cho Chùa cho Hội hoặc trực tiếp hoặc gián tiếp; nhưng vì tôi không có cơ hội tiếp xúc nhiều, nên đã không có lời ca ngợi ở đây. Kính mong quy vị hoan hỷ cho.

Ví dụ như một số quý vị trong Ban Trị Sự của nhiệm kỳ 91-93 được bầu trong kỳ Đại Hội Đồng ngày 2.11.1991 chẳng hạn.

Đạo hữu Trường Căn Tôn Thất Lưu trong tư cách Phó Hội Trưởng Nội Vụ, Đạo hữu Phó Tổng Thư Ký Minh Xuân Vũ Đình Phùng, chẳng hạn là những vị tôi chưa có dịp tiếp xúc nhiều.

Nhiệm kỳ 93-95 được Đại Hội Đồng ngày 13.11.1993 bầu ra Ban Trị Sự mới, thành phần nhân sự như năm 91-93 lưu nhiệm; nhưng chỉ hoạt động từ ngày 13.11.1993 đến ngày 20.2.1994 mà thôi. Lúc bấy giờ vì sóng gió bão bùng đã vây phủ Chùa Quan Âm, Thầy Minh Thông đã ra đi và 5 vị trong Ban Trị Sự từ chức. Đó là: Đh Trường Căn Tôn Thất Lưu, Đh Quảng Thịnh Trần Hữu Long, Đh Minh Xuân Vũ Đình Phùng, Đh Diệu Huệ Ngô Kim Lan và Đh Chơn Lạc Nguyễn Thị Trúc Hương.

Chỉ còn lại Thượng Tọa Hội Trưởng và Đh Phó Hội Trưởng Ngoại Vụ Thị Pháp Huỳnh Phước Bằng. Từ ngày 20.02.1994 đến nay nhân danh Quyền Hội Trưởng và theo tinh thần Nội Quy của Hội cũng như luật pháp tại Canada cho phép, Thượng Tọa Hội Trưởng đã mời những vị sau đây ra tiếp tục đảm nhận những chức vụ của Hội.

Hội Trưởng là Thượng Tọa Thích Nhất Chơn. Có lẽ đây cũng là thời kỳ đau đầu nhất của Thầy ấy.

Phó Trưởng Ban Ngoại Vụ là Đạo Hữu Thị Pháp Huỳnh Phước Bằng. Người cứng rắn và có nhiều hy sinh cho việc chung như đã đề cập ở trên.

Phó Hội Trưởng Nội Vụ là Đạo hữu Đồng Duyên Trương Đình Phước. Đạo hữu ăn nói rất lưu loát, hoạt bát và rất có tâm lo cho Đạo.

Tổng Thư Ký là đạo hữu Thị Nguyễn Huỳnh Ngọc Trọng, như đã có lần đề cập bên trên.

Phó Tổng Thư Ký là Đạo hữu Giải Không Nguyễn Ngọc Tuấn, một ông thầy giáo, tánh tình rất điềm tĩnh và tận tâm với Đạo.

Thủ Quỹ là Đạo hữu Nguyên Giác Nguyễn Xuyên Quy. Đạo hữu rất siêng năng học hỏi giáo lý và tụng niệm. Rất cần trọng trong việc thủ quỹ của chùa.

Phó Thủ Quỹ là Đạo hữu Liên Hương Phạm Xuân Linh Sương, một người trẻ; nhưng rất có tâm với Đạo.

Nhìn chung thành phần Ban Chấp Hành kỳ này chỉ có 3 vị trên 50 tuổi, còn bao nhiêu là trên 40 tuổi. Tuổi "tri thiên mệnh" và tuổi "phi bất hoặc" là những tuổi đẹp nhất trong giai đoạn ra hành xử của cuộc đời rồi.

Đó là việc Ban Trị Sự, Hội, Thầy và Chùa; nhưng tại chùa hiện nay vẫn chưa có Thầy thường trú, ngoại trừ Thầy Tịnh Quang, đệ tử Thầy Minh Thông đã ở đây từ năm 94 đến tháng 6 năm 95; nhưng bây giờ thì Thầy ấy cũng đã đi Đài Loan rồi. Vì vậy Ban Trị Sự, Thầy trụ trì đã mời Thầy Thường Phước về làm Tri Sự của Chùa Quan Âm này. Thầy chưa chính thức về đây; nên chưa biết công việc Phật sự trong thời gian tới sẽ ra sao?

Chùa thì rộng thênh thang, đi hết tầng trên, xuống tầng dưới, hết phòng nọ qua phòng kia; nhưng nếu chỉ có một Thầy ở thì thấy nó lạnh lẽo lắm. Bản chất của người tu là ở một mình rồi. Nhưng ông bà mình thường hay nói: "ăn cơm có canh, tu hành có bạn" mà. Ở đây ít nhất phải là 2 Thầy, 2 Chú và một vài Bác công quả mới làm hết nổi mọi công việc của chùa.

Nhiều khi đi qua bàn linh thấy cả ngàn người chết, tôi thấy mình như có thêm người phù trợ; nhưng âm dương

cách trở quá. Quả là khó nói vô cùng. Tôi chẳng sợ gì; nhưng nhìn khung cảnh chết chóc sao mà nó thê lương quá.

Chùa này cũng phải cảm ơn những người chết này. Nếu không nhờ những người chết này thì chùa sẽ sống không nổi. Có nghĩa là người sống cũng phải nhờ kẻ chết và kẻ chết cũng phải nhờ người sống vậy. Đó là lý duyên sanh mà.

Mỗi buổi sáng thức dậy tụng kinh và ngồi thiền có một hai người nơi chánh điện, tôi thấy trống vắng quá. Chỉ nghe tiếng chuông tiếng mõ dội lại mà thôi. Một khung cảnh thật thanh tịnh, nhưng quá vắng vẻ cho một cảnh chùa to lớn như thế.

Nhiều lúc tôi đi quanh chùa hết vòng này tới vòng nọ, lúc nhìn lên mái chùa, lúc nhìn tượng Quan Âm, thấy mái chùa rất đẹp, tượng Quan Âm rất Việt Nam nhưng sao lòng mình cứ chùng xuống, không biết vì lý do gì. Không khí ở đây cũng trong lành lắm chứ. Con người ở đây cũng lịch thiệp lắm chứ! Chúng ta thiếu cái gì nhỉ? Có lẽ câu trả lời phải tự mỗi Phật Tử suy nghiệm rồi trả lời giùm cho.

Đi đến đâu tôi cũng nghe Phật Tử trách Thầy và ngược lại đi đến đâu tôi cũng nghe quý Thầy trách móc quý Phật Tử. Ví dụ như cái nhà đang dơ, phải có một người hy sinh đứng ra quét trước chứ! Nếu ai cũng chờ người kia quét trước cho sạch sẽ rồi mình vào ngồi thì tỏ ra thiếu tinh thần trách nhiệm nhiều quá. Cái tinh thần trách nhiệm ấy không ai giao cho mình được mà tự mình phải mang vào cho mình và tự mình phải hiểu rõ bổn phận của mình mới được.

Đời sống của người Cư sĩ ở ngoại quốc này thì bận rộn lắm. Đi làm quần quật suốt ngày, suốt tuần. Chỉ có 2 ngày cuối tuần là rảnh rỗi để lo việc chùa, việc nhà thôi. Nếu quý Thầy thông cảm cho Phật Tử những điều đó và phải hiểu rõ rằng tất cả mọi sự đóng góp của họ đều do tấm lòng tự nguyện của họ thì cũng không nên đòi hỏi ở họ gì hơn nữa.

Ngược lại, khi quý Phật Tử nhìn quý Thầy cũng không nên đòi hỏi quý Thầy nhiều, quá khả năng của quý Thầy. Ví dụ như một người không có khả năng về ngoại ngữ thì không thể bắt buộc họ chỉ học ngoại ngữ. Một Thầy không quen làm việc với các Hội Đoàn thì không nhất thiết bắt buộc Thầy ấy liên lạc với Hội Đoàn.

Khi quý Thầy có lỗi, việc ấy có chư Tăng và chính quý Thầy ấy có trách nhiệm với chính mình. Phật Tử cũng không nên xì xào tiếng nhỏ tiếng to làm cho Thầy không vui. Thầy chỉ tu và học làm hạnh Thánh, chứ Thầy chưa phải là Thánh nên Thầy vẫn còn lỗi lầm như thường. Nếu quý Phật Tử xem và bắt buộc quý Thầy như một vị Thánh thì không có Thầy nào dám ra đương đầu với các công việc Phật sự cả.

Giờ đây sóng gió tại Chùa Quan Âm cũng tạm yên rồi, tôi mong rằng từ đây về sau những thị phi nhơn nghĩa, chính chư Tăng và quý Phật Tử chúng ta phải rút ra một bài học và tự học cho thuộc lòng để không còn vấp phải những gì đã xảy ra trong quá khứ nữa.

Mong rằng mọi việc sẽ được thành tựu như ước nguyện để ngôi Chùa Quan Âm tại đây còn hiện diện mãi trong lòng người con Phật tại quê hương giá buốt này.

Chương 8

Gia Đình Phật Tử Quan Âm và lớp học Việt ngữ

Trên thế giới ngày nay có nhiều tổ chức để cho thanh niên sinh hoạt. Đó là Hướng Đạo và các tổ chức thiện nguyện khác. Ví dụ như Hồng Thập Tự, Caritas v.v...

Người thanh niên rất năng động, do đó họ cần có những nơi chốn thích hợp để gia nhập vào. Ở Đức ngày nay nếu thanh niên nào không muốn đi lính làm nghĩa vụ quân sự thì có thể gia nhập vào một đoàn thể thiện nguyện có tính cách tôn giáo, cũng được xem như đã thi hành nghĩa vụ công dân của mình cho đất nước.

Hướng Đạo là một tổ chức thanh niên ngày nay có mặt khắp nơi trên thế giới và tổ chức này cũng đã thu hút được rất nhiều thành phần trẻ.

Riêng Gia Đình Phật Tử, như bên trên đã trình bày, chỉ có ở Việt Nam, còn khắp nơi trên thế giới không có tổ chức thanh niên nào giống hình thức này. Có lẽ lúc đương thời Bác sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám vừa theo Tây học và muốn ứng dụng cái học ấy vào Đạo Phật và nhất là cho những thanh niên sinh ra giữa thời buổi loạn ly ấy (39-45) một phong trào giáo dục lành mạnh nên đã rút tĩa ra những

tính cách đặc thù của Hướng Đạo để tự tạo cho Việt Nam mình có một sinh hoạt đặc thù cho thanh niên chăng?

Điều ấy cũng tốt thôi, vì lẽ chính Đức Phật ngày xưa cũng không phải là người đã phát minh ra Thiền học, mà Ngài đã học nơi các Thầy Bà La Môn, sau đó Ngài thực tập Thiền định và triển khai phương pháp này.

Người Nhật ngày nay cũng thế. Bao nhiêu phát minh của thế giới họ đều biết hết; nhưng họ không rập khuôn theo những sự sáng chế này, mà họ đã biến thành cái phát minh riêng của họ.

Đạo Phật đến từ Ấn Độ, vào Việt Nam, Trung Hoa và Nhật Bản, Đại Hàn; nhưng khi Phật Giáo từ Trung Hoa được truyền sang Nhật Bản, họ đã biến Đạo Phật thành Đạo của họ. Thiền của Phật Giáo trở thành Thiền của Nhật Bản và các phương diện khác như Hoa Đạo, Trà Đạo, Thơ Đạo, Kiếm Đạo, Nhu Đạo cũng thế, tất cả biến dạng từ Thiền học. Kể từ đó, họ truyền Thiền sang Âu Mỹ. Bây giờ có nhiều người Âu Mỹ học Phật khi nghe đến chữ Zen bằng tiếng Nhật cứ nghĩ nó là một tông phái riêng của Phật Giáo. Chữ Zen có nghĩa là Thiền theo phát âm lối Nhật mà thôi, cũng như chữ Ch'an theo Hoa ngữ, chữ Dhyana theo Phạn ngữ, chữ Thiền theo Việt ngữ và chữ Meditation theo các tiếng Âu Mỹ. Họ đã làm cho người theo học thâm nhập vào, như hơi thở ra vào của họ, nên ngày nay nhiều người Phật Tử Âu Mỹ rất tận tâm với niềm tin của họ, theo các môn phái mà họ đã học được.

Theo sách vở về lịch sử của Gia Đình Phật Tử Việt Nam đã được thành lập cách đây chừng 50 năm thôi; nhưng nó đã đi vào hang cùng ngõ hẻm của xã hội chúng

ta, nhất là từ miền Trung trở vào miền Nam. Nếu năm 1954 Việt Nam không bị chia đôi đất nước thì ảnh hưởng của tổ chức trẻ này cũng sẽ đi vào lòng của thanh niên miền Bắc lúc bấy giờ.

Đầu tiên chỉ là sinh hoạt của các em Đồng Ấu để rước kiệu nhân lễ Phật Đản Sanh khi còn vua Bảo Đại tại vị, sau biến thành Phật Hóa Phổ và cuối cùng thành Gia Đình Phật Tử. Chữ Phật Hóa Phổ có nghĩa rằng phổ biến Phật Pháp hóa vào trong mọi tầng lớp Phật Tử. Như vậy nó không nhất thiết chỉ ở người thanh niên; nên sau đó được đổi thành Gia Đình Phật Tử. Chữ Gia Đình nó có nghĩa anh em thân thuộc, nhưng khi dịch ra tiếng ngoại quốc không làm sao có thể diễn tả cho họ hiểu được. Bắt buộc phải mở ngoặc thêm và cho họ biết rằng: Đây là một tổ chức Thanh Niên của Đạo Phật.

Các anh chị em vào đoàn đi sinh hoạt vào ngày Rằm, Mồng Một hay các lễ lớn của Giáo Hội, của Chùa tổ chức. Họ cũng có cấp bậc, hát những bài hát đạo. Phần chuyên môn không khác gì bên Hướng Đạo mấy. Nghĩa là có học cứu thương, trò chơi lớn, học gút, morse v.v... Gia Đình Phật Tử Việt Nam khác Hướng Đạo ở màu áo và lý tưởng. Ngoài ra không có gì khác hết. Ngay cách mặc áo và đội mũ của Gia Đình Phật Tử Việt Nam, chỉ là một biến thể của Hướng Đạo mà thôi. Lý tưởng của Hướng Đạo là phụng sự cho người trẻ; nhưng lý tưởng của Gia Đình Phật Tử là phụng sự cho niềm tin và Đạo giáo của mình. Vì thế, ngoài những sinh hoạt chuyên môn, Gia Đình Phật Tử còn học hỏi giáo lý từ Sơ Thiện đến Hướng Thiện, Trung Thiện và Chánh Thiện nữa.

Có nhiều Đại Tăng của Việt Nam cũng đã xuất thân từ Gia Đình Phật Tử Việt Nam như Hòa Thượng Thích Minh Châu, cựu Viện Trưởng Viện Đại Học Vạn Hạnh chẳng hạn và những vị Tăng tuổi dưới 60 cũng có rất nhiều vị xuất thân từ Gia Đình Phật Tử. Chính Gia Đình Phật Tử là một tổ chức đã cống hiến cho Giáo Hội những bậc chân Tăng và những nhân tài cho Phật Giáo.

Các em đi sinh hoạt hằng tuần hoặc hằng nửa tháng một lần và chính trong thời gian sinh hoạt đó, Đạo Phật đã cảm hóa các em thành người tốt. Hay nói cách khác, chính nhờ sinh hoạt của Gia Đình Phật Tử mà các em đến với Đạo Phật một cách dễ dàng.

Các em còn trẻ, năng động, do đó các em không thể ngồi hoặc quỳ hằng giờ nơi Phật điện để nghe quý Thầy giảng hoặc tụng kinh như những người lớn được, nên quý em cần ca hát múa và các sinh hoạt thanh niên khác. Phải năng động và gây cho các em một cảm giác ưa thích tổ chức, ưa thích màu lam v.v... thì các em mới có thể gần gũi Đạo Phật được. Đây chỉ thuộc về phần tâm lý học và tâm lý quần chúng mà thôi.

Ngay cả cá nhân tôi cũng thế, phải thành thật mà nói, nếu không có Gia Đình Phật Tử thì tôi khó gần gũi với Đạo Phật và cũng khó trở thành một Tăng sĩ như ngày hôm nay, vì những lý do như đã nêu trên mà tôi tin rằng quý Thầy, quý Cô khác cũng có lý do tương tự như vậy.

Gia Đình Phật Tử là một tổ chức ngoại vi của Giáo Hội. Sau năm 1975 ở trong nước không được sinh hoạt đều đặn như xưa; nhưng các anh chị Trưởng cố gắng duy trì sự liên hệ với các đoàn sinh, rồi từ đó một số các đoàn sinh đi tỵ

nạn đến các đảo và định cư đến các nước Âu Mỹ. Họ thành lập trở lại được những Gia Đình Phật Tử?

Những sinh hoạt khởi sắc và có ý nghĩa nhất có lẽ là thời gian còn ở trong các trại tỵ nạn tại Đông Nam Á Châu. Vì lẽ nơi đó có nhiều thì giờ hơn. Có nhiều nơi các anh em sinh hoạt hằng ngày tại chùa, không khí thật tương bừng vui nhộn. Hình ảnh ấy khó bắt gặp ở ngoại quốc này vì vấn đề công ăn việc làm, vì vấn đề địa lý v.v...

Một ví dụ cụ thể để nhìn lui lại quá khứ và để thông cảm với hiện tại cũng như tương lai cho những người trẻ ở đây. Có nhiều người qua trại tỵ nạn có thì giờ rảnh nên hầu như mỗi ngày hoặc mỗi tuần đều viết thư gửi thăm bạn bè khắp nơi. Họ cứ trông thư ở ngoại quốc gửi đến và chờ hoài không thấy, họ sinh bực, bảo rằng tại sao không trả lời và mỗi lần viết có mấy chữ và mấy tháng mới nhận được một lần thư? Họ đâu có biết là ai cũng phải bận rộn đến công ăn việc làm ở hăng xưởng. Chỉ khi họ đến đây rồi họ mới thông cảm và hiểu cho điều đó là đúng. Thời giờ ở đây hạn hẹp lắm và quý như vàng bạc. Tuy vậy lý tưởng áo lam mà các anh chị Trưởng cũng như các đoàn sinh đã phát nguyện dưới Phật đài các anh em không thể nào quên được, nên đã tụ hội lại với nhau và thành lập Gia Đình Phật Tử. Trong đó trường hợp của Gia Đình Phật Tử Quan Âm là điển hình.

"Gia Đình Phật Tử Quan Âm được thành lập và tiếp theo đó các khóa huấn luyện Đoàn Trưởng và nghi lễ, giáo lý và sinh hoạt. Các Đoàn Thanh, Thiếu và Oanh Vũ sinh hoạt hằng tuần tại trụ sở Hội Phật Giáo Quan Âm.

Mỗi sáng chủ nhật, từ 10 giờ đến 11 giờ, Gia Đình Phật Tử Quan Âm làm lễ ở chánh điện; sau phần tụng kinh Sám Hối; Ban Huynh Trưởng cùng các Đoàn ôn lại các điều luật của các ngành và kiểm soát lại sự áp dụng các điều luật ấy. Chấm dứt phần nghi lễ là bài Trầm Hương Đốt được toàn thể Gia Đình hát lên ca ngợi chân lý nhiệm màu của Đấng Từ phụ, đồng thời nguyện cùng nhau trau dồi trí tuệ, tinh tấn tu học.

Sau phần nghi lễ, Ban Cố Vấn Giáo Hạnh, các giảng viên giáo lý, nghi lễ đã giảng giải cho các Đoàn Sinh thực tập các căn bản vừa kể trên...

Hứng thú nhiều cho các em là phần sinh hoạt tập thể. Những bài hát sinh hoạt, những trò chơi tập thể, đã làm cho các em vui tươi hơn, gần gũi nhau hơn, cho đến khi kết dây thân ái, các em còn thấy luyến tiếc sao giờ vui qua mau.

Chen vào giữa phần sinh hoạt là bữa cơm chay đầy bổ dưỡng do các Bác trong Ban Trai Soạn của Hội cung cấp. Buổi sinh hoạt hằng tuần chấm dứt vào lúc 14 giờ cùng ngày.

Một số anh chị em vì công ăn việc làm phải đi xa, một số vì bận học hành, nên chỉ đến với Đoàn trong các dịp bất thường hoặc trong các Đại Lễ, hoặc khi rảnh rang giữa hai khóa học... đó cũng là điều quá quý báu cho Gia Đình. Tuy nhiên Gia Đình cũng mong mỗi quý anh chị cố gắng dàn xếp công việc để đến với Đoàn càng nhiều càng hay, để cho Gia Đình được rộng lớn hơn". (trích trang 31-32 Đặc San Quan Âm số 6 xuất bản tháng 11.84).

Ngoài ra Gia Đình Phật Tử Quan Âm còn tham gia chương trình văn nghệ, cắm trại, báo chí v.v...

Đây là những sinh hoạt rất lành mạnh vào mỗi cuối tuần từ sáng đến chiều. Gia Đình Phật Tử Việt Nam có chia ra làm 3 ngành. Ngành Oanh Vũ tuổi từ 6 đến 13. Ngành Thiếu tuổi từ 14 đến 18. Ngành Thanh tuổi từ 19 trở lên. Có nhiều Chị Trưởng sinh hoạt các Gia Đình Phật Tử Việt Nam tại ngoại quốc ngày nay đã đến tuổi bạc đầu; nhưng vì lý tưởng chiếc áo lam vẫn còn đeo đuổi.

Châm ngôn của Gia Đình Phật Tử là Bi, Trí, Dũng. Ba đức tính này không thể thiếu một. Nếu có lòng từ mà không có trí tuệ thì tình thương yêu ấy rất mù quáng. Nếu có trí tuệ mà thiếu can đảm để quyết định một vấn đề gì thì mục đích sẽ không bao giờ đạt được.

Ba điều luật của các em Oanh Vũ cũng rất dễ thương là:

- 1) Em tưởng nhớ đến Phật
- 2) Em kính mến cha mẹ và thuận thảo với các anh chị em.
- 3) Em thương người và vật.

Phật là một bậc Đại Giác Ngộ. Huấn luyện cho các em nhớ nghĩ về một bậc toàn giác như thế sẽ huân tập trong tâm khảm của các em một ý chí hướng thượng.

Dạy cho các em kính mến cha mẹ để giữ đạo làm người. Hy sinh cho anh chị, bạn bè, hòa thuận tin yêu lẫn nhau là đức tính rất tốt của những người đang sống chung trong một tập thể.

Đứa bé không những chỉ có tình thương đối với loài người mà với tất cả loài vật nữa. Tình thương phải thể hiện đồng đều ở mọi nơi và mọi hoàn cảnh.

Tuổi nhỏ các em đã được huấn luyện như thế rồi, khi lên đến tuổi thanh niên các em để chấp nhận và thực hành 5 điều luật của Gia Đình Phật Tử hơn.

- 1) Phật Tử quy y Phật, Pháp, Tăng và giữ giới đã phát nguyện.
- 2) Phật Tử mở rộng lòng thương và tôn trọng sự sống.
- 3) Phật Tử trau dồi trí tuệ và tôn trọng sự thật.
- 4) Phật Tử trong sạch từ thể chất đến tinh thần, từ lời nói đến việc làm.
- 5) Phật Tử sống hỷ xả để dừng tiến trên đường đạo.

Người Phật Tử đã đến với Đạo Phật rồi, đã phát nguyện trước Tam Bảo nhận lãnh các giới pháp thì phải tự mình thực hiện những quy giới đó.

Người Phật Tử phải tập ăn chay để cho lòng từ bi được tăng trưởng. Vì mọi sinh vật trên quả đất này, chúng đều cần sự sống và tự bảo vệ sự sống của chúng; nên chúng ta cần phải tôn trọng sự sống là vậy.

Người Phật Tử phải thành thật với chính mình, năng thực tập thiền định để trí tuệ được phát sanh. Chỉ có trí tuệ mới là sự nghiệp căn bản của người giác ngộ.

Muốn cho người khác tin tưởng mình, là Phật Tử phải có đời sống đứng đắn với mọi giới, không những thân thể

mà ngay cả tâm thức nữa. Nghĩa là lời nói và hành động phải đi đôi với nhau.

Cuối cùng là phải tinh tấn, biết hy sinh xả kỷ để bảo tồn và phát huy đạo pháp.

Xem ra mục đích của Gia Đình Phật Tử quá cao đẹp. Các anh chị em ở tuổi từ 6 trở đi đã có thể gia nhập vào tổ chức này rồi.

Mới đó mà đã hơn 10 năm Gia Đình Phật Tử Quan Âm đã được thành lập rồi. Đầu tiên các anh chị em sinh hoạt trong hoàn cảnh chật hẹp lắm, nơi chùa cũ hoặc nơi chùa mới; nhưng cơ sở chưa hoàn thành (1984) nên Gia Đình Phật Tử Quan Âm cứ phải thay đổi giờ giấc và nơi chốn để hợp với thời khóa biểu và nhu cầu của chùa.

Nếu tôi nhớ không lầm trong những ngày đầu tiên ấy (1984), qua lời mời của Phật Tử Thị Nguyệt Huỳnh Ngọc Trọng, Huỳnh Trường của Gia Đình Phật Tử Quan Âm lúc bấy giờ cũng như Huỳnh Trường Cường, tôi đã tham gia lễ ra mắt Gia Đình Phật Tử hoặc một lần nào đó trong câu chuyện dưới cờ. Tôi cũng đã nhắc đến tầm vóc quan trọng của Gia Đình Phật Tử, về tuổi thơ của tôi đã liên hệ đến tổ chức này.

Về sau Thầy Thiện Huệ làm Cố Vấn Giáo Hạnh cho Gia Đình Phật Tử Quan Âm thì các anh em vui hơn nhiều. Vì lễ Thầy ấy kể chuyện rất hay và tuổi trẻ thì bao giờ cũng thích tò mò cũng như phiêu lưu vào những mẩu chuyện có tính cách thần thoại hay luân lý, đạo đức ấy.

Việc huấn dục thế hệ trẻ rất quan trọng cho nên có một bậc danh nhân nào đó nói: “Nếu một Y sĩ không may, lỡ tay, chỉ làm chết một đời người. Một nhà giáo không may sẽ làm hư đi một thế hệ”. Mỗi thế hệ, ta có thể cho là 20 năm đi. Vậy, nếu giáo dục sai, sẽ làm băng hoại một thế hệ và thế hệ đó sẽ liên hệ với thế hệ sau nữa. Nguy hiểm vô cùng.

Cũng vì ý thức việc giáo dục con em quan trọng như thế, nên một trong những công tác hàng đầu của Gia Đình Phật Tử Quan Âm lúc bấy giờ là lớp Việt Ngữ Quan Âm. Các anh chị Trưởng trong Gia Đình Phật Tử, các nhà giáo đã nhiều năm kinh nghiệm ở Việt Nam nghĩ rằng con em mình ở đây phải hội nhập vào đời sống mới, văn minh mới; nhưng đồng thời con em mình cũng không được phép quên quê hương và truyền thống của cha, ông mình, nên đã cặm cụi trong hững ngày nghỉ hè dạy dỗ các em tuổi nhỏ, học và hiểu tiếng mẹ đẻ.

Trong những năm đầu mới mở vào 1984 học sinh đông lắm. Có khi gần cả 200 em. Các em ấy bây giờ chắc đã vào Đại Học rồi. Chỗ ngồi không có đủ, trưa mùa hè thì nực nội, Thầy, Cô giáo và cả học trò phải chịu đựng dưới cái nắng chói chang để đánh vần từng chữ i, tờ...

Một điều rất cảm động là trước đây có những em đã học lớp Việt Ngữ Quan Âm và bây giờ chính các em đã trở lại Chùa Quan Âm để chăm lo các lớp Việt Ngữ này kế tục. Quả thật là đáng khích lệ cho tinh thần này. Viết đến đây tôi nhớ lại 23 năm về trước, khi lớp học của Sinh viên chúng tôi vừa khai giảng của năm thứ nhất về Phân khoa Giáo dục học. Trong đó đa số là Sinh viên Nhật. Một ông Giáo Thọ già, đầu tóc bạc phơ lên gần bảng đen và trịnh

trọng viết 2 chữ giáo dục bằng chữ Hán lên đó, mà đọc theo âm tiếng Nhật là "Kyoiku". Đoạn ông ta đưa mắt nhìn khắp phòng rồi hỏi rằng: Các anh em chọn ngành giáo dục để học. Vậy các anh biết giáo dục là gì không? Một câu hỏi bất ngờ chẳng ai trả lời được. Điều đó cũng đúng thôi. Vì đã chọn ngành là học, học hỏi học hỏi cho ra trường rồi đi làm việc thế thôi. Sau đó chỉ còn biết bốn phận đối với việc làm của mình, chứ biết gì nữa. Cũng như thường ngày ta vẫn ăn cơm. Đột nhiên có người nào đó bảo ta phải định nghĩa cơm là gì? Thế nào ta cũng phải khựng lại.

Ông Thầy giáo mỉm cười và giảng tiếp. Giáo có nghĩa là dạy dỗ, chỉ vẽ và Dục có nghĩa là mong thành, muốn đến. Chỉ đơn giản vậy thôi mà ai cũng chẳng dám trả lời. Vậy giáo dục có nghĩa là người dạy có mục đích chỉ vẽ tận tình cho người học và mong rằng sự học hỏi đó được thành tựu gọi là giáo dục. Giáo dục không phải là Sư Phạm. Nhiều người hiểu lầm điều này. Sư Phạm để đào tạo những con người ra làm Thầy. Còn Giáo Dục là chỉ vẽ cho người khác thành đạt một mục tiêu nào đó. Xem vậy thì Gia Đình Phật Tử Quan Âm và lớp học Việt Ngữ Quan Âm hợp với chương trình giáo dục hơn là chương trình sư phạm.

Tiếng Việt ngày nay đã có mặt khắp năm châu. Thế hệ trước đi qua có nhiều liên hệ với quê mẹ nên vẫn còn giữ được nguyên vẹn. Nhưng những thế hệ sinh ra tại ngoại quốc, vì lý do gia đình hay hoàn cảnh xã hội, tiếng Việt dần là tiếng mẹ đẻ, cũng bị biến dạng rất nhiều. Có nhiều nước đông người Việt Nam sinh sống như ở Hoa Kỳ, Úc v.v... Bộ Giáo Dục sở tại họ có tổ chức một cơ cấu thi cử môn tiếng Việt cho các học sinh Việt Nam học và thi như là một ngôn ngữ phụ. Điều ấy rất hay. Vì con cái của chúng

ta, thế hệ đi sau vẫn có thể liên hệ trực tiếp qua ngôn ngữ mẹ đẻ, mặc dầu chúng ta đang sống tại xứ người.

Nhưng các nước ít có cư dân Việt Nam, thì việc học và thi tiếng Việt tại học đường quả là khó, trong khi đó có vài bậc cha mẹ muốn cho con mình mau giỏi ngoại ngữ, nên ở nhà cũng không thiết cho con mình nói và học tiếng Việt, nên dễ bị đồng hóa với người địa phương hơn. Đó mới chỉ một thế hệ thôi. Rồi những thế hệ sau nữa ai mà biết đến được. Tôi xin nêu ở đây một số trường hợp cụ thể để chúng ta suy ngẫm.

Cách đây khoảng 17 năm, lúc bấy giờ tôi mới đến Âu Châu, có lần tôi ghé thăm Thụy Sĩ và thăm một gia đình người Việt Nam có chồng Thụy Sĩ nơi đây. Thuở ấy họ có 2 cô con gái tuổi độ 15 ra chào tôi bằng tiếng Việt giọng Huế, trong khi mắt nâu, tóc vàng và mũi cao. Tôi hơi ngạc nhiên và hỏi vị nữ Phật Tử ấy rằng: Tại sao các cháu lai và nói tiếng Việt hay quá vậy? Vị nữ Phật Tử ấy trả lời rằng: Bạch Thầy, con nó phải nói tiếng mẹ đẻ chứ! Câu trả lời thật hay và nếu có dịp, tôi hay đem câu chuyện này để kể cho những gia đình Việt Nam chỉ muốn cho con em mình nói tiếng ngoại quốc.

Một câu chuyện khác cũng liên quan đến tiếng Việt. Có một người Việt Nam sinh ra tại xứ Pháp. Anh ta rất hãnh diện về ngôn ngữ anh đang sử dụng là Pháp văn và lúc nào anh ta cũng nghĩ rằng mình là một người Pháp chính hiệu, trong khi da anh ta vẫn còn vàng, tóc anh vẫn đen và mũi anh vẫn xẹp. Một hôm nọ anh ra đường không may bị trúng gió, anh nằm sóng soài ra như thế mà chẳng có một đồng hương Pháp nào đỡ ngời dậy cả. Sau hơn 1 tiếng đồng hồ anh tỉnh dậy, còn đang mơ màng, anh lại nghe

văng vẳng bên tai mình rằng: "Tại sao ông Chinois này lại nằm đây?". Lúc bấy giờ anh ta sức tỉnh lại tóc mình vẫn còn đen, mà hể người Pháp thấy người nào tóc đen thì gọi là người Hoa chứ cũng không gọi là người Việt. Anh ta tự nhủ với mình rằng: Thế mà lâu nay mình vẫn nghĩ mình là người Pháp chánh hiệu. Kể từ đó anh hay đến chùa để làm quen với mấy người Việt Nam và học tiếng Việt Nam để trở về nguồn gốc Việt.

Đây là câu chuyện thứ 3 cũng có liên quan đến tiếng Việt và câu chuyện này xảy ra tại Pháp. Có một người Úc đi du lịch sang Pháp. Ông ta chỉ biết nói tiếng Anh và ngoài tiếng Anh ra ông ta còn nói được tiếng Việt chứ không nói được tiếng Pháp. Một khuya nọ ông bỗng bị đau ruột dư, xe cứu cấp chở vào nhà thương. Lúc bấy giờ chỉ còn Y tá, mà Y tá Pháp thì ít người nói được tiếng Anh. Trong khi ông ta cố diễn tả cho họ hiểu rằng là ông ta đang đau ở đâu và đau cái gì, nhưng chẳng ai hiểu cả, vì một bên nói tiếng Anh và một bên thì nói tiếng Pháp. Đến khi chở vào bên trong thì cơn đau đã làm cho ông ta ngất xỉu, ông ta ôm bụng và la lên bằng tiếng Việt rằng: Đau quá có ai cứu tôi không? May quá đứng gần đó có một cô Y tá Việt Nam trả lời tiếng Việt với ông, thế là ông đã có người thông dịch, thoát chết. Câu chuyện này có thể kết luận rằng: Nhờ tiếng Việt mà thoát chết.

Đây là câu chuyện thứ 4. Câu chuyện này xảy ra ở Đức. Có một cậu thanh niên hình hài gần giống như Thổ Nhĩ Kỳ, tóc tai cũng thế và ngôn ngữ cũng vậy. Nhưng gốc gác của cậu là người Việt Nam.

Khi cậu 2 tuổi, một gia đình Thổ Nhĩ Kỳ đến Việt Nam thăm và xin cậu về làm con nuôi từ một Cô Nhi Viện. Cậu

lớn lên và giáo dục tại Thổ Nhĩ Kỳ. Học kinh Koran của Hồi Giáo. Khi cha mẹ cậu qua sinh sống tại Đức thì mang cậu theo. Đến đây, cậu thấy nhiều người Việt Nam, cậu muốn làm quen nhưng cậu không nói được tiếng Việt mà cậu chỉ nói bằng tiếng Anh và tiếng Đức. Dĩ nhiên là tiếng Thổ cậu rất rành; nhưng người Việt Nam mình mấy ai biết? Cậu biết rằng cậu sinh ra tại Việt Nam, vì khai sinh của cậu như vậy và cậu cũng có tên Việt Nam nữa. Bây giờ cậu đã 26 tuổi rồi, là một Sinh viên Đại Học tại Đức, cậu cố gắng tìm lại cội nguồn của mình, đầu tiên là học tiếng Việt và đến chùa làm quen với mấy người Việt. Sau khi cậu nói được một ít tiếng Việt Nam, cậu đã làm một chuyến phiêu lưu từ Bắc và Nam Việt Nam cốt tìm cho được cha mẹ đã sinh ra cậu và điều quan trọng hơn là tìm về nguồn gốc cũng như phong tục của dân tộc và đất đai đã sinh ra cậu.

Đi đến đâu cậu cũng được tiếp đón niềm nở và nhân cơ hội đó cậu quay hết tất cả các cảnh sinh hoạt của Việt Nam mình, ví dụ như nôi bánh chưng nấu vào đêm 30 Tết như thế nào? Cách cúng Giao Thừa và tế lễ ở Đình, Chùa vào ngày Mồng Một Tết ra sao? Cậu cũng đã cố công đến tận Miền Tây quay cảnh sinh hoạt của dân chúng nơi đây và đặc biệt là cách nuôi cá tra ở vùng này. Cậu cũng đã quay thật tỉ mỉ các cầu tiêu cổ điển lúc ngồi chồm hổm ra sao để về chiêm nghiệm và giới thiệu với các bạn bè cậu. Đây không phải là vấn đề bêu xấu; nhưng tánh hiếu kỳ và muốn hiểu biết hết mọi ngọn ngành của Dân Tộc Việt nên cậu đã làm vậy.

Sau khi đi chuyến này về lại Đức, gặp tôi ở chùa và tôi có hỏi rằng:

- Thế nào? Có tìm lại được ba mẹ không?

- Thừa không! Con có đến nơi con sinh ra nhưng hỏi ai cũng không biết gì cả (nói bằng tiếng Việt).

- Việt Nam như thế nào?

- Con thích lắm. Vì đó là quê hương của con mà.

- Vậy mà lâu nay Thầy tưởng quê hương và cha mẹ của cậu ở Thổ Nhĩ Kỳ kia mà?

- Thừa không! Con là người Việt Nam và từ nay con không theo Hồi Giáo nữa mà con sẽ theo Đạo Phật. Một điều làm cho Thầy ngạc nhiên nữa là con sẽ lấy vợ Việt Nam. Sang năm con sẽ đi Việt Nam nữa.

Câu chuyện trên đây là một câu chuyện có thật trăm phần trăm và riêng tôi thì rất vui với việc này. Để chứng minh cho câu nói của ông bà mình đúng với câu "lá rụng về cội" thì đây là một dẫn chứng hùng hồn nhất.

Vì vậy con cái của quý vị ngày nay ở ngoại quốc có nói tiếng gì quý vị cũng đừng lo, có ngày rồi nó sẽ tìm tiếng Việt và tập quán Việt để học hỏi. Nếu chúng không muốn thế, thì sau này về Việt Nam đi thăm viếng hay làm việc tại đó không lẽ phải có một thông dịch viên tóc đen khác dịch lại cho chúng nghe. Theo tôi nghĩ chúng sẽ không hãnh diện về vấn đề này mà còn mắc cỡ nữa là khác.

Có nhiều gia đình Việt Nam ngày nay phân tán khắp nơi trên thế giới, ở Anh, Pháp, Đức, Đan Mạch, Na Uy, Thụy Điển, Hòa Lan v.v... ở đâu thì trẻ em Việt Nam phải học tiếng ở đó rồi. Nhưng nếu cha mẹ chúng không dạy cho chúng tiếng Việt Nam để nói, khi gặp ông bà nội ngoại, một lô con cháu ấy nói xí lô, xí là cái gì ông bà đâu có hiểu. Còn chúng nó nói tiếng gì với nhau? Có thể lấy tiếng Anh làm chuyển ngữ? Nhưng như thế cha mẹ, ông bà có đau lòng không?

Đây là câu chuyện thứ 5 xảy ra tại Nga. Tôi không phải là nhà ngôn ngữ học nhưng cũng có thể xử dụng được một ít, nghe cũng như hiểu khi đi đường hay đi bưu điện v.v... nhưng đó là ở Âu, Á, Mỹ, Úc hoặc Phi Châu kia. Còn qua Nga Sô, một nửa Á, giữa Âu, nói một ngôn ngữ khó hơn tiếng Đức, tôi đã chẳng nói được một câu, một tiếng nào ở xứ bằng giá này cả. Đến đây, nếu ai đó giỏi tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Đức cũng đành chịu thua. Ở đây chỉ có thể xử dụng 2 ngôn ngữ thôi. Đó là tiếng Nga hai là tiếng Việt.

Nhiều người Nga nói tiếng Việt rất rành. Ví dụ bà Irina lo đài tiếng nói Mạc Tư Khoa trước đây. Bà ta nói về chính trị xã hội v.v... Còn bà Irna đã quy y với tôi, tôi cho pháp danh là Thiện Xuân là Chủ Tịch Hội Phật Giáo Thảo Đường tại Nga và Giáo sư về Việt ngữ tại Đại Học Ngoại Giao Nga. Bà này rất rành về Phật học. Nói chuyện toàn bằng danh từ Phật Giáo. Cũng còn nhiều người Nga nói rành tiếng Việt Nam nữa.

Trong khi người Nga nói tiếng Việt rành rẽ như vậy thì người Việt mình nói tiếng Việt lại ngọng nghịu. Ví dụ có một đứa bé Việt Nam sinh ra tại Nga, nó kêu muối vừng là vừng muối. Trong khi bà Nga dạy cho nó phải nói là muối vừng mới đúng. Nó cãi lại: Thừa bà, vừng muối cũng làm bằng vừng và muối và muối vừng cũng muối với vừng, đâu có khác gì nhau. Đây là danh từ. Còn động từ thì mấy trẻ em Việt Nam sinh ra ở ngoại quốc nó nói ngược hết. Ví dụ con kiến cắn thì nó bảo là con cắn kiến. Đó là thông lệ lỗi nói của người Đức mà! Có nhiều đứa bé nó nói cái đèn nó té trên bàn xuống. Mẹ nó đang đi giặt (hoặc rửa) gạo để nấu

cơm. Cách nói này bị lai căng lắm rồi. Còn các bà Nga này nói chuyện không vấp một tiếng. Thật là hay đáo để.

Đây là câu chuyện thứ 6 cũng có thể là chuyện cuối cùng của phần tiếng Việt này. Khi tôi đến Canada lần này có một ông Canadien đi đón có tên là ông Guy. Hình như vậy? Mới nhìn ông, biết ông là một người lai; nhưng không biết lai chủng tộc nào của Á Châu. Sau này mới biết ông nội ông người Pháp, ba ông người Pháp và mẹ ông người Việt. Ông sinh trưởng ở Biên Hòa nhưng xa nước từ năm 1953. Từ đó đến nay ông sống ở Canada và không biết nước Việt Nam là gì nữa.

Bỗng nhiên ông đến Chùa Quan Âm và tìm hiểu về nguồn gốc, ngôn ngữ mẹ đẻ của ông. Tôi cũng đã tiếp xúc với ông mấy lần. Thấy ông nói giọng tiếng Việt còn cứng lắm. Nhiều lúc tôi thử nói tiếng Anh với ông để cho câu chuyện được thông suốt, nhưng ông đã cố gắng nói tiếng Việt với tôi trong mọi câu chuyện đàm thoại. Nhiệm vụ của ông ở tại Chùa Quan Âm là lo hương đèn mỗi khi có lễ.

Khi tôi ở đây, ông có đến chùa cùng lễ Kinh Đại Bát Niết Bàn. Ông có đưa cái lưng của ông cho tôi coi là ông dán thuốc dán đây ra đó; nhưng ông cố gắng lạy Phật để học thêm tiếng Việt Nam. Rồi một hôm ông đến bên tôi kể tai nói nhỏ rằng: Thưa Thầy! Mai tôi về Việt Nam. Tôi nghe câu này cũng xúc động thật. Một người con xa xứ đã hơn 40 năm, mà là một người con lai nhiều đời nữa lại dùng chữ "về", cảm động lắm chứ. Nếu một người ngoại quốc khác, họ sẽ nói rằng tôi đi Việt Nam, tôi thăm viếng Việt Nam hay tôi đi du lịch Việt Nam. Còn ở đây dùng chữ "về". Đúng là ông ta muốn tìm hiểu về cội nguồn.

Ông ta nói rằng, ông ta muốn tìm hiểu về đời sống, văn hóa, phong tục của người Việt Nam để về già ông sẽ theo phong tục này. Vì nơi ấy có cái gì gần gũi gần bó như tiếng mẹ đẻ của ông nên ông đã học tiếng Việt là lý do vậy.

Tôi vẫn có nhiều ví dụ khác nữa; nhưng tựu chung cũng chỉ quanh quẩn mấy chuyện bảo tồn tiếng Việt mà thôi. Ngày xưa học giả Nguyễn Văn Vĩnh đã nói truyện Kiều còn là tiếng Việt còn, mà tiếng Việt còn là hồn dân tộc vẫn còn. Điều ấy hẳn đúng. Người Pháp có câu: "Les yeux sont les fenêtres de l'âme". Con mắt là cửa sổ của tâm hồn. Bây giờ tôi xin sửa lại là "la langue est la fenêtre du coeur" có thể được chăng? Ngôn ngữ bây giờ quan trọng lắm. Ngôn ngữ sẽ chuyên chở tất cả mọi vấn đề của cuộc sống hằng ngày.

Tiếng Việt là một loại tiếng có phát âm hay, có nhiều thanh hơn tiếng Trung Hoa và có văn phạm dễ hơn bất cứ ngôn ngữ nào trên thế giới, tại sao làm cha làm mẹ lại quên đi lợi điểm này mà cho con em mình chỉ đi học tiếng Nga, tiếng Mỹ, tiếng Tàu, tiếng Nhật?

Bên Chùa Quan Âm này có một hăng dệt vải của người Ấn Độ. Khi nhìn họ, biết họ đã lai giống ít nhất là hai ba đời rồi; nhưng mỗi khi họ đi ngang qua Chùa Quan Âm này, tôi đều nghe họ nói tiếng Ấn Độ và xưởng dệt vải này cũng đủ để nói lên cho ta biết rằng họ cũng là những người không muốn quên đi nguồn gốc của cha ông mình.

Ngôi Chùa Quan Âm, nơi đã dưỡng nuôi bao nhiêu tâm hồn người con Việt Nam chắc chắn sẽ là một mái ấm muôn đời để che chở cho hồn ta khi còn lạc lõng nơi xứ người và hồn dân tộc, mặc dầu quê hương đối với chúng ta còn ngàn trùng xa cách.

Chương 9

Kết luận

Có nhiều người hỏi tôi rằng: Khi Thầy đọc một quyển sách Thầy đọc cái gì trước? Tôi xin trả lời rằng: Đầu tiên tôi xem tiêu đề sách. Sau đó xem hình bìa trước bìa sau. Kế đó lật vào trong sách, nếu sách có hình, sẽ xem những hình màu trước, hình trắng đen sau. Tiếp theo là xem mục lục, lời nói đầu và lời cuối sách. Đó là cách xem sách của tôi, còn quý vị có lẽ khác?

Có thể có người không xem tổng quát mà xem từng phần trước. Nhưng cũng có thể người ta xem cách in ấn có đẹp mắt không, trước khi họ đọc quyển sách ấy. Cũng giống như ăn cơm vậy thôi. Có người dùng soupe, canh trước khi ăn. Có người dùng vào giữa bữa ăn và có kẻ thì dùng sau cùng.

Tuy nhiên, nơi mục lục sẽ là nơi hội tụ tất cả những gì mà sách muốn giới thiệu đến với các độc giả. Kể đến là lời nói đầu hoặc lời vào sách. Nơi đó có thể, người đọc sách sẽ đọc được một số điểm chính, nội dung của cốt truyện chẳng hạn, điều mà tác giả muốn gửi gắm đến người đọc.

Kết luận xem trước sau là tùy người; nhưng đa phần ít thích xem kết luận trước. Vì như thế câu chuyện sẽ bớt hấp dẫn đi.

Đọc sách tức là đọc cái tinh hoa của người viết sách. Không phải tự nhiên người ta làm được một bài thơ hay, hoặc viết được một quyển sách có giá trị, mà người ta phải hướng dẫn trí óc của mình phải khơi dậy tất cả những gì hay ho nhất, giá trị nhất của nội tâm mới có thể đem tâm trạng trải lên giấy trắng mực đen được. Cũng có nhiều người phải tốn hết bao nhiêu thuốc lá, bao nhiêu ly cà-phê, ly trà mới viết được. Do đó, đọc một tác phẩm là đọc cái tinh túy đó. Do vậy không nên bỏ qua một cơ hội nào khi thấy một tác phẩm ở gần mình, hãy vớ lấy mà đọc, dầu cho tác phẩm ấy có dở đi chăng nữa, nó cũng là hội tụ tất cả những điểm cao đẹp nhất trong tâm hồn của người viết.

Trong cuộc sống, chúng ta có thể chia ra làm hai lãnh vực là vật chất và tinh thần. Về vật chất như ăn, uống, mặc, thuốc thang v.v... Về phương diện này chúng ta tự cung phụng cho mình thật là đầy đủ ví dụ như phải đủ 2 hoặc 3 bữa ăn trong ngày, nhiều khi đến 4 hay 5 lần nữa là khác. Ngủ cũng thế, chúng ta chiều chuộng con mắt và tẩm thân của mình lắm. Trong khi đó món ăn tinh thần là một nhu cầu tâm linh thì người ta quên đi hơi nhiều. Nếu ai đó bỏ tiền ăn vật để mua sách đọc, quả là người biết thưởng thức sách vở. Người ta có thể bỏ một số tiền thật lớn để mua những đồ trang sức bề ngoài thân thể; nhưng ít có người chịu làm như thế cho trí thức của mình. Vì vậy, học hỏi, sách vở, tu học, tâm linh v.v... khi nào chúng ta nâng lên ngang hàng với món ăn vật chất thì cuộc sống của chúng ta thăng hoa rất nhiều.

Sau khi quý vị đọc tác phẩm này, chắc hẳn có người sẽ chê, cũng có người khen, cũng có người tò mò xem thử cho biết Chùa Quan Âm đã xảy ra chuyện gì chẳng hạn?

Nhưng mục đích của tôi khi viết tác phẩm này để làm gì? Đây là câu trả lời xin hầu quý vị.

Thông thường, những kẻ đến sau hay tìm tòi truy cứu việc của người đi trước; nên tôi đã viết quyển sách này theo sự yêu cầu, như phần Lời Nói Đầu đã trình bày, như là một chứng liệu lịch sử.

Viết sách này không phải để bêu xấu hay khen tặng tâng bốc ai, mà viết để ghi lại một sự kiện, một hình ảnh đã xảy ra; nếu để thời gian trôi qua sẽ chôn vùi vào dĩ vãng, không thể nào tìm tòi lại được.

Trong khi viết tôi chêm vào một số quan niệm của tôi tùy theo từng câu chuyện, không ngoài mục đích là mang đạo vào đời. Nếu không may chạm vào tự ái của vị nào đó thì xem như đó là chuyện không thực vậy.

Chắc chắn trong sách này đề cập không đủ một số sự kiện và nhân vật tiêu biểu; nhưng lỗi ấy vì sự hiểu biết hạn hẹp của tôi, chứ không phải vì những lý do khác.

Khi viết tác phẩm này tôi có ý là chỉ để tên Hội và Chùa Quan Âm xuất bản thôi; nhưng như thế không ổn, vì chính tôi phải chịu trách nhiệm về những gì của mình đã viết ra. Vì vậy tên "Thích Như Điển" ở đầu bìa sách chỉ là một việc làm thông thường mà thôi. Kính mong quý vị thông cảm cho.

Tôi viết sách này cũng để tạ ơn Tam Bảo đã cho tôi một sức khỏe dồi dào và một năng lực sáng tác không ngừng nghỉ. Mỗi ngày tôi viết 5 tiếng đồng hồ. Sách này bắt đầu viết vào sáng ngày 3 tháng 7 và hôm nay là ngày 6

tháng 7 năm 1995 đã xong rồi. Như vậy với 200 trang viết tay chỉ cần trong 4 ngày để viết. Cũng vì viết nhanh và vội vàng như thế nên chắc chắn còn có những lỗi lầm, khi xem sách kính mong quý vị hiểu và dung thứ cho.

Nhiều lúc ý tưởng nó phát sinh quá nhanh, trong khi cái tay tôi mới quá viết không kịp, do vậy tôi có nhờ anh Bằng là mua cho tôi những cây viết nào mà để xuống giấy là ra mực liền để tôi kéo lê tư tưởng mình theo ngòi bút và khỏi phải cần đề xuống giấy, tốn thì giờ và mỏi tay lắm.

Chỉ trong vòng 10 ngày thôi, tôi đã hoàn thành 2 tác phẩm. Tác phẩm "Vụ án của một nhà tu" 300 trang viết tay, viết trong 6 ngày và tác phẩm này 200 trang viết tay, viết trong 4 ngày. Đây có thể là thời gian đẹp nhất trong cuộc đời sáng tác của mình. Như vậy mỗi ngày trung bình tôi viết được 50 trang trong vòng 5 tiếng đồng hồ. Hai tác phẩm này tổng cộng 50 tiếng đồng hồ.

Sở dĩ việc làm này có được là nhờ quý cụ, quý bác, quý anh chị trong Chùa Quan Âm đã thay phiên nhau liên tục trong thời gian tôi ở đây. Người lo thức ăn cho tôi buổi sáng, có Bác, có Cụ lo cho tôi bữa trưa, có anh, có chị lo cho buổi chiều. Thật là đầy đủ. Nếu không có được những vị hộ đạo như thế, chắc chắn tôi phải vất vả suốt ngày những công việc bình thường ấy; tốn rất nhiều thì giờ, để không còn có thể viết một trang sách nào cả.

Buổi tối quý anh em lại chia nhau để ở lại chùa nhằm hỗ trợ cho tôi trong một số công tác Phật sự khác như khâu băng, trả lời điện thoại, telefax v.v...

Cứ mỗi ngày tôi thức dậy vào lúc 5 giờ 45. Sau đó đánh răng súc miệng, tập thể dục 5 – 10 phút. Đúng 6 giờ có mặt nơi chánh điện để tọa thiền và trì tụng thần chú Thủ Lăng Nghiêm. Đây là một thần chú rất linh nghiệm trong cuộc sống tu hành của tôi, nên tôi không dám sơ hở. Từ 7 đến 8 giờ tôi viết sách. Đúng 8 giờ xuống hội trường đã có bữa ăn sáng quý anh đã dọn sẵn rồi. Tôi ngồi dùng chung với quý vị này, nói chuyện và đi dạo quanh chùa cho đến 9 giờ. Từ 9 giờ viết đến 10 giờ. Nghỉ 30 phút. Từ 10 giờ rưỡi viết đến 11 giờ rưỡi. Đến 12 giờ xuống dùng trưa. Đáng lý ra tôi phải đi quá đường và kinh hành như một nghi lễ thường lệ của an cư kiết hạ; nhưng chùa vắng người quá nên chỉ giản đơn thôi.

Sau khi dùng trưa tôi nghỉ cho đến 2 giờ. 2 giờ 30 viết đến 3 giờ 30. Sau đó, đi dạo chung quanh vườn chùa một lần nữa và 4 giờ 30 viết đến 5 giờ 30. Cứ mỗi ngày đều đặn 5 tiếng đồng hồ như thế. Đến 6 giờ dùng cháo và sau giờ này thỉnh thoảng có một số Phật Tử đến thăm viếng và hỏi đạo, nên tôi đã tiếp quý Phật Tử cho đến 7 giờ 30 tối.

Tiếp theo là lễ Kinh Đại Bát Niết Bàn. Thông thường mỗi tối như vậy lay 1 tiếng đồng hồ, đến 8 giờ 30 thì xong. Nếu lay nhanh, chừng 240 lay. Lay chậm chừng 210 lay. Mỗi đêm như thế có chừng 20 vị đến lay. Tôi thấy có nhiều vị lớn tuổi nhưng vẫn đến chùa để tham gia pháp hội này. Hỏi ra mới biết là, quý vị này thấy tôi bỏ công sức từ xa mấy chục ngàn cây số đến đây, nên họ đã đến để cùng lay. Đặc biệt có hai bé Hải, Hồng đã đi chùa từ khi còn trong bụng mẹ, nay đã 14 và 11 tuổi cũng theo bà nội và ba má đi chùa lay Phật hằng ngày. Hồng nhỏ nhất, có bốn phận đếm cho tôi mỗi đêm đã lay được bao nhiêu. Té ra khi tôi

đến chùa này từ người lớn đến em bé đều có việc làm, chẳng ai thất nghiệp cả.

Tại sao phải lay nhiều thế? Nguyên trước đây tôi có chủ trì một khóa Thọ Bát Quan Trai cho quý Phật Tử Chùa Quan Âm tại đây, tôi có cho lay Ngũ Bách Danh, tức 500 tên khác nhau của Đức Quan Thế Âm Bồ Tát. Vì tôi thấy rằng có nhiều vị lớn tuổi đi chùa muốn lay Phật một lay nhưng cũng không xong. Bây giờ mình còn trẻ hãy tinh tấn lên, nên phát nguyện lay tiếp tục. Cứ mỗi lay nên nghĩ rằng sẽ tiêu trừ một tội lỗi thì tâm ta sẽ an tịnh lạ thường.

Về Chùa Viên Giác tôi cho lay Tam Thiên Phật Danh, nghĩa là 3.000 lay. Quá khứ Trang Nghiêm Kiếp 1.000 vị Phật. Hiện tại Hiền Kiếp 1.000 vị Phật và vị lai Tinh Tú Kiếp 1.000 vị Phật. Sau khi lễ Tam Thiên xong, tôi phát nguyện lay Vạn Phật. Khi quý vị nghe vậy tưởng chừng chỉ có 10.000 lay; nhưng thật ra là 11.100 lay. Lay xong Vạn Phật tôi phát nguyện lay Kinh Pháp Hoa mỗi chữ mỗi lay. Phải lay trong vòng 5 năm rưỡi. Nghĩa là mỗi năm có 3 tháng an cư kiết hạ, tôi và Tăng chúng mỗi tối đều hành trì pháp môn này. Trong kinh cũng nói tổng quát là có hơn 60.000 lời; nhưng trên thực tế thì có tổng cộng là 75.002 lời.

Sau khi lay xong Kinh Pháp Hoa, tôi phát nguyện lay Kinh Đại Bát Niết Bàn cũng mỗi chữ mỗi lay. Kinh này có lẽ sẽ gặp 3 hoặc 4 lần Kinh Pháp Hoa vậy. Nghĩa là phải tốn ít nhất 15 đến 20 năm nữa mới xong. Năm nay mới là năm bắt đầu.

Sau 21 giờ là giờ chỉ tịnh của tôi. Mỗi ngày như thế mà tiếp diễn và công việc lay này từ thứ 2 đến thứ 5. Đến

chiều thứ 6 các giới tử vân tập về chùa để thọ Bát Quan Trai và khóa giáo lý được lồng chung vào với nhau.

19:00 thứ 6 truyền giới Bát Quan Trai. 20 đến 22 giờ tọa thiền và niệm Phật. 22 giờ trở đi chỉ tịnh. 6 giờ sáng hôm sau (thứ 7) tất cả các giới tử dậy để ngồi thiền và tụng thần chú Thủ Lăng Nghiêm đến 7 giờ. 8 giờ dùng điểm tâm. Từ 9 đến 11 giờ là giờ của các giới tử học bài. Còn tôi lo làm lễ Quy Y Tam Bảo. Đến 11 giờ trưa là giờ Quá Đường (ăn cơm trưa theo nghi lễ) và sau đó là kinh hành niệm Phật. Đoạn nghỉ trưa đến 14 giờ chiều. Từ 14 đến 16 giờ là giờ trà đạo theo Nhật Bản. Lần đầu tiên ở đây thực hành trà đạo trong chánh niệm; nên có nhiều người rất thích thú. Trong giờ này có thể vấn đạo hoặc hỏi những người đồng tu với mình một câu chuyện. Không khí rất cởi mở và vui tươi. Đến 17 giờ là giờ công phu chiều. 18 giờ ăn tối và 19 giờ dò bài đã học cũng như xả giới.

Một ngày 24 tiếng đồng hồ, nó trôi qua nhanh lắm. Nếu chúng ta biết sử dụng thời giờ thì mình sẽ làm được vô số công chuyện. Nếu không, chúng ta sẽ bỏ lỡ đi không biết bao nhiêu là cơ hội.

Sáng ngày chủ nhật là một buổi lễ Phật công cộng cầu an cầu siêu sau đó tôi thuyết giảng cho đại chúng nghe. Đến 12 giờ 30 cúng vong và 13 giờ dùng trưa. Chương trình 4 tuần lễ tôi ở Canada đều thực hiện đúng như thế và tôi cố tập cho ai nấy đều đúng giờ. Một hôm tôi kể một câu chuyện, mà câu chuyện này ai là Sinh viên học sinh Nhật cũng như ngoại quốc đều biết hết. Đó là câu chuyện "Con chó trung thành với chủ".

Có một ông Thầy giáo nuôi một con chó. Mỗi ngày ông đi từ nhà ra nhà gare để đi dạy học, con chó này đưa ông ra tới nhà gare, sau đó nó đi về. Đến chiều, con chó canh đúng giờ ông Thầy giáo đi dạy học về, chó kia lại ra gare để đón chủ. Đặc biệt là rất đúng giờ.

Đến khi chủ nó mất đi, ngày hai buổi con chó vẫn đi ra gare và vẫn về cho đến khi con chó chết. Người đương thời mến tánh trung thành của con chó nên đã cho lập một đền thờ.

Về sau người Nhật làm một tượng đồng tại nhà gare Shibuya gần gare Shinjuku ở Tokyo để thờ con chó. Và bây giờ bất cứ ai, già trẻ lớn bé hẹn hò nhau đều hẹn ở chỗ này. Đây là một câu chuyện có thật và tượng đồng con chó ấy ngày nay vẫn còn tại Tokyo.

Nếu quý vị có dịp đi Tokyo cũng nên đến chỗ này sẽ thấy rất nhiều người đứng chờ đợi nhau.

Có lẽ nhờ bài học này mà người Nhật chưa bao giờ trễ nãi. Nhiều lắm 3 phút mà thôi. Còn Việt Nam mình? Xin quý vị tự hỏi lại mình và tìm hiểu nguyên nhân tại sao để chữa căn bệnh ấy?

Cũng trong thời gian tôi ở đây, Sư Khánh Hỷ từ Mỹ qua thăm Canada, qua sự giới thiệu của Sư Bác Tâm Minh, Chùa Quan Âm đã hân hạnh đón nhận được một viên ngọc Xá Lợi Phật.

Vào một ngày chủ nhật cuối tháng 6, Sư Khánh Hỷ đã giảng về ý nghĩa Xá Lợi Phật và cũng đã thử nghiệm cho các Phật Tử xem sự linh ứng của ngọc Xá Lợi này. Sau đó

ai cũng sinh tín tâm. Đây là một Pháp Bảo rất quý giá mà hiện Chùa Quan Âm có được. Tôi cũng đã có bàn với Đại Đức trụ trì Thích Viên Diệu sẽ làm một lễ cung nghinh thật trang nghiêm nhân lễ Vu Lan vào tháng 8 sắp đến.

Cuối cùng của quyển sách này, xin cảm ơn tất cả quý Cụ, quý Bác, quý Anh Chị Em tại chùa đã hỗ trợ cho tôi ở mọi hình thức và đặc biệt là anh Thị Pháp Huỳnh Phước Bằng, suốt thời gian tôi lưu trú tại Canada (từ 19.6.95 đến 14.7.95), anh đã bỏ hết công việc riêng của mình để lo cho tôi. Nhờ đó tôi mới có thì giờ để hoàn thành tác phẩm này trong một thời gian kỷ lục như thế.

Nếu không có những tờ giai phẩm Tam Bảo và các Đặc San của Chùa Quan Âm đã xuất bản trong thời gian từ 1981 cho đến 1995 cũng như một số tin tức, dữ kiện qua anh Bằng cũng như quý Bác cung cấp hay qua những câu chuyện hàn huyên thì tôi cũng đã chẳng viết được tác phẩm này. Công đức ấy nếu có được, xin hồi hướng lên Tam Bảo để chứng minh và gia hộ cho quý vị được tăng phước, tăng thọ trong cuộc sống hằng ngày. Chẳng may ngược lại có gì làm cho quý vị phiền não thì xin quý vị đại xá cho. Vì điều đó nằm ngoài ý muốn của người viết.

Trời bên ngoài đã chuyển đông và cơn mưa đã đến. Mấy ngày nay nóng quá làm cho cây cỏ cũng phai màu, con người cũng thở than, tại sao trời nóng thế? Biết đâu mưa sẽ mang đến cho mọi người một sự mát mẻ, cũng như tác phẩm này cũng sẽ là một tư liệu nho nhỏ để gửi đến quý vị đã có công sức đóng góp cho Chùa Quan Âm tại nơi này.

May lắm thay !

Viết xong vào lúc 17 giờ chiều
ngày 6 tháng 7 năm 1995
tại thư phòng Chùa Quan Âm
Thích Như Điển

Quan Âm Cảm Tác

Thầy từ Đức Quốc bay sang
Tâm thành chí nguyện viết trang sử chùa
Xiết bao giai đoạn cay chua
Thăng trầm bấy lúc gió mưa liên hồi
Chúng con chìm nổi đành rồi
Hai Thầy Lãnh Đạo đứng ngời chẳng yên
Lại Thầy Hội Trưởng: tai khiên!
Vạ gió xui khiến triển miên nhưc đầu
Nhưng nhờ Phật Pháp nhiệm màu
Tâm Thầy bình thản, núi sầu tiêu ngay
Cậy vào thần lực Như Lai
Giáo pháp vi diệu đước Ngài chói xa
Con Phật tự giác, giác tha
Nhân lành cố tạo, quả hà tất xinh
Phá tan màn lưới vô minh
Đài sen Phật chứng, hành trình chí công
Nhờ Thầy Viên Diệu xung phong
Trụ trì nhậm chức mới xong mỗi giềng
Thêm Thầy Trường Phước trợ duyên
Lễ bái, tán tụng luân phiên nhiệm kỳ
Chùa nay thoát nạn tai nguy
Chúng con quyết chí giới trì Phật ngôn
Từ bình minh đến hoàng hôn
Thập thiện tu chỉnh, phúc tồn chẳng vơi
Dù cho vật đổi sao dời
Quan Âm thiên tự tiếng đời hậu lai

Diệu Lễ

Tài liệu tham khảo

- Tư liệu sống của Chùa Quan Âm qua truyện kể của quý Bác trong Ban Cố Vấn và quý vị trong Ban Trị Sự.
- Giai phẩm Tam Bảo xuất bản 1981 Tân Dậu.
- Số Đặc Biệt An Vị Phật Niệm Phật Đường Quan Âm 1.1.1983
- Quan Âm - Đại lễ An Vị Phật Chùa Quan Âm 18.11.84.
- Bản Tin Nội Bộ tháng 12 năm 1985.
- Chùa Quan Âm – Xuân Đinh Mão 1987.
- Lễ Vu Lan Báo Hiếu Chùa Quan Âm 8.1987.
- Đặc San Quan Âm số 1 tháng 2 năm 1990.
- Bạch Thư về việc xây cất Chùa Quan Âm.
- Đặc San Kỷ Niệm Đệ Thập Chu Niên Hội Phật Giáo Quan Âm 1981-1991.
- Bản Tin Quan Âm số 5 tháng 5 và 6.1994.
- Tập San Quan Âm – Xuân Ất Hợi 1995.

Phụ lục: Hình ảnh



Hình 1: Chánh điện Niệm Phật Đường Quan Âm tại Frontenac



Hình 2: Chùa Quan Âm năm 1984



Hình 3: Chánh điện Chùa Quan Âm năm 1984



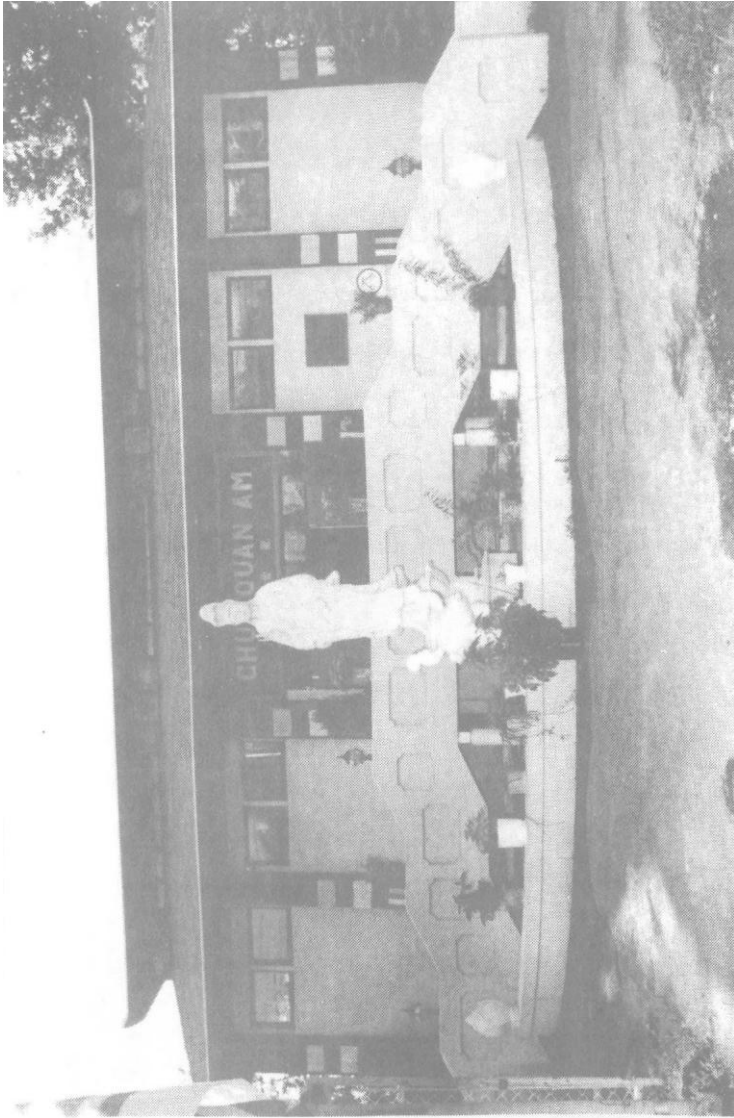
Hình 4: Kiệu hoa thỉnh tôn tượng Đức Bồ Sư và Đức Quan Âm



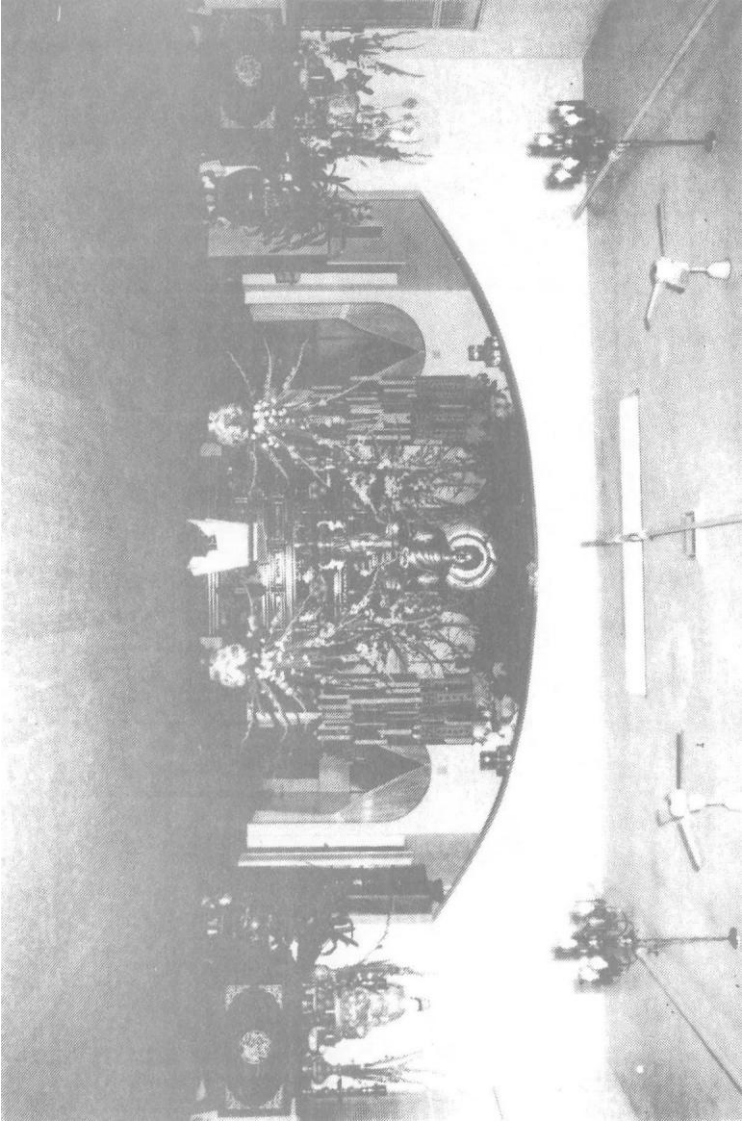
Hình 5: Chánh điện Chùa Quan âm năm 1985



Hình 6: Chánh điện Chùa Quan Âm năm 1988



Hình 7: Chùa Quan Âm năm 1996



Hình 8: Chánh điện Chùa Quan Âm 1996



Hình 9: Nhà Tổ Chùa Quan Âm 1996

CÙNG MỘT TÁC GIẢ

* Truyện Cổ Việt Nam Tập 1 & 2	(Nhật Ngữ)	1974, 1975
* Giọt Mưa Đầu Hạ	(Việt Ngữ)	1979
* Lịch Sử Phật Giáo Việt Nam Hải Ngoại		
Trước và Sau năm 1975	(Việt & Đức Ngữ)	1982
* Cuộc Đời Người Tăng Sĩ	(Việt & Đức Ngữ)	1983
* Lễ Nhạc Phật Giáo	(Việt & Đức Ngữ)	1984
* Tinh Đời Nghĩa Đạo	(Việt Ngữ)	1985
* Tìm Hiểu Giáo Lý Phật Giáo	(Việt & Đức Ngữ)	1985
* Đời Sống Tinh Thần của Phật Tử		
Việt Nam tại Ngoại Quốc	(Việt & Đức Ngữ)	1986
* Đường Không Biên Giới	(Việt & Đức Ngữ)	1987
* Hình Ảnh 10 năm sinh hoạt Phật Giáo		
Việt Nam tại Tây Đức	(Việt & Đức Ngữ)	1988
* Lòng Từ Đức Phật	(Việt Ngữ)	1989
* Nguyên Cứu Giáo Đoàn Phật Giáo		
Thời Nguyên Thủy 1, 2 & 3	(Việt & Đức Ngữ)	90, 91, 92
* Tường Thuật về Đại Hội Tăng Già		
Phật Giáo Thế Giới Kỳ 5 Khóa I		
tại Hannover - Đức Quốc	(Việt - Anh - Đức Ngữ)	1993
* Giữa Chốn Cung Vàng	(Việt Ngữ)	1994
* Chùa Viên Giác	(Việt & Đức Ngữ)	1994, 1995
* Vụ Án của Một Nhà Tu	(Việt Ngữ)	1995
* Chùa Quan Âm	(Việt Ngữ)	1996

HỘI PHẬT GIÁO QUAN ÂM
CHÙA QUAN ÂM
3781 Ave De Courtrai
Montréal, Qué, Canada H3S 1B8
Đ.T. : (514) 735-9425

Hình Bìa Trước :

Mặt tiền Chùa Quan Âm - Montréal 1996